

## LỜI CẢM ƠN

Là sinh viên năm cuối, em thật sự rất vinh dự khi được làm luận văn tốt nghiệp. Để có thể hoàn thành bài luận văn này em xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu nhà trường các thầy cô giáo trong khoa Văn hóa Du lịch trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng đã tận tình giúp đỡ, tạo mọi điều kiện về thời gian, tinh thần cho em trong quá trình học tập và thực hiện đề tài.

Đặc biệt em xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới thầy giáo hướng dẫn **TS. Nguyễn Ngọc Khánh** - Người thầy đã hướng dẫn tận tình, và đóng góp nhiều ý kiến quý báu, tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành tốt luận văn này.

Em cũng xin cảm ơn tới các cán bộ, nghệ sĩ trong Nhà hát chèo Hải Dương đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ, cung cấp tài liệu quý báu để em có thể hoàn thành luận văn này.

Dù đã có rất nhiều cố gắng song luận văn chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Kính mong nhận được sự chia sẻ và những ý kiến đóng góp quý báu của các thầy cô giáo và các bạn

Em xin chân thành cảm ơn!

**Sinh viên**

**Lê Thị Oanh**

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài.

Trong nền văn hóa dân tộc Việt Nam, sân khấu là loại hình nghệ thuật vô cùng đặc sắc. Đây được coi là loại hình nghệ thuật thứ 6 của nhân loại. Được hình thành và phát triển rất sớm. Trải qua bao trầm của lịch sử ngày nay nền nghệ thuật sân khấu Việt Nam đã đạt được những thành tựu vô cùng to lớn và trở thành những món ăn tinh thần không thể thiếu của người dân Việt Nam.

Khi nói tới loại hình nghệ thuật sân khấu Việt Nam thì không thể không nhắc đến nghệ thuật sân khấu chèo. Chèo là một bộ môn nghệ thuật truyền thống đặc sắc của dân tộc và có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời. Nghệ thuật sân khấu chèo ở Việt Nam ra đời trong những chiếc nôi chèo đầu tiên của vùng đồng bằng Bắc Bộ tiêu biểu: Chiếng chèo Nam (Nam Định - Thái Bình), chiếng chèo Đoài (Hà Tây), chiếng chèo Bắc (Bắc Ninh - Bắc Giang), chiếng chèo Đông (Hải Dương - Hưng Yên). Ngày nay loại hình nghệ thuật sân khấu này phát triển rộng rãi trong cả nước và trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống của nhân dân. Sân khấu chèo không chỉ trở nên quen thuộc với người dân Việt Nam mà còn gây tiếng vang tại nước ngoài. Hải Dương cũng là một trong những nơi có nghệ thuật hát Chèo từ lâu đời. Hiện nay nghệ thuật Sân khấu chèo ở Hải Dương thực sự có sức hấp dẫn và để lại nhiều ấn tượng cho người xem. Nhưng việc khai thác nghệ thuật chèo vào phát triển du lịch thì vẫn còn chưa được khai thác triệt để. Chính vì vậy để góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào phát triển du lịch của quê hương người viết đã lựa chọn đề tài ***“Thực trạng và giải pháp khai thác nghệ thuật chèo Hải Dương phục vụ phát triển du lịch”***

Việc khai thác nghệ thuật chèo Hải Dương hiệu quả trong du lịch chính là một cách góp phần vào việc bảo tồn và phát triển loại hình nghệ thuật độc đáo này, đồng thời cũng là một cách giới thiệu với bạn bè gần xa về kiệt tác phi vật thể này của Hải Dương nói riêng và của Việt Nam nói chung, đóng góp vào ngân sách chung của ngành du lịch cả nước.

## **2. Mục đích chọn đề tài.**

Chèo là loại hình nghệ thuật có từ xa xưa trong nền văn hoá Việt Nam. Đây cũng là một nét tiêu biểu trong văn hoá ứng xử của dân tộc. Tìm hiểu nghệ thuật sân khấu chèo cho chúng ta hiểu về một góc của nền văn hoá dân tộc đồng thời từ đó tìm hướng đi để gìn giữ, bảo tồn và phát triển nghệ thuật sân khấu chèo truyền thống trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá của đất nước ta hiện nay và mãi về sau.

## **3. Nhiệm vụ**

Tìm hiểu nghệ thuật chèo nói chung và những nét đặc sắc của nghệ thuật chèo ở Hải Dương nói riêng từ đó có một số biện pháp để gìn giữ, bảo tồn và phát triển nghệ thuật sân khấu chèo truyền thống, kết hợp với tài nguyên du lịch để phục vụ cho phát triển du lịch tại Hải Dương.

## **4. Phạm vi nghiên cứu**

Tìm hiểu nghệ thuật chèo tại nhà hát chèo Hải Dương

## **5. Phương pháp nghiên cứu.**

Trong đề tài đã sử dụng các phương pháp sau: phương pháp thu thập và xử lý số liệu; phương pháp thực địa; phương pháp thống kê, phân tích, so sánh tổng hợp.

### ***Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu:***

Là phương pháp chính được sử dụng trong đề tài. Trên cơ sở thu thập thông tin tư liệu từ nhiều lĩnh vực, nhiều nguồn khác nhau có liên quan tới đề tài nghiên cứu, người viết sẽ xử lý, chọn lọc để có những kết luận cần thiết, có được tầm nhìn khái quát về vấn đề nghiên cứu.

### ***Phương pháp thực địa:***

Quá trình thực địa giúp sưu tầm thu thập tài liệu, nhằm nhận được thông tin xác thực cần thiết để thành lập ngân hàng số liệu cho việc hoàn thiện đề tài .

***Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh tổng hợp:***

Phương pháp này giúp định hướng, thống kê, phân tích để có cách nhìn tương quan, phát hiện ra các yếu tố và sự ảnh hưởng của yếu tố tới hoạt động du lịch trong đề tài nghiên cứu; việc phân tích, so sánh, tổng hợp các thông tin và số liệu mang lại cho đề tài cơ sở trong việc thực hiện các mục tiêu dự báo, các chương trình phát triển, các định hướng, các chiến lược và giải pháp phát triển du lịch trong phạm vi nghiên cứu

**6.Kết cấu của đề tài.**

Ngoài phần, lời cảm ơn- mở đầu - kết luận - tài liệu tham khảo - mục lục, đề tài được chia làm 3 chương:

Chương 1. Khái quát chung về nghệ thuật sân khấu chèo truyền thống.

Chương 2.Tìm hiểu nghệ thuật chèo Hải Dương.

Chương 3. Một số giải pháp nhằm bảo tồn và khai thác hiệu quả nghệ thuật chèo Hải Dương nhằm phát triển du lịch.

# CHƯƠNG 1

## KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU CHÈO TRUYỀN THỐNG.

### 1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Chèo.

#### 1.1.1 Câu chuyện truyền thuyết về bà tổ nghề hát chèo.

Bà tổ của nghề hát chèo là bà Phạm Thị Trân, sinh năm 926, mất năm 976, quê ở Hồng Châu (ngày nay gọi là tỉnh Hải Dương và Hưng Yên), được quan cai hạt tiến vào cung. Hải Dương và Hưng Yên nằm giữa vùng châu thổ sông Hồng, đông dân, giàu của, phát triển sớm từ thời bình minh dựng nước, xóm làng trù phú, đồng ruộng thẳng cánh cò bay

Sử sách Việt Nam còn ghi chép, bà Phạm Thị Trân sống vào thời Đinh Tiên Hoàng và Tiền Lê (Lê Hoàn). Là người phụ nữ nhan sắc, lại có tài múa, và làm trò nổi tiếng một thời ở Hồng Châu. Hồng Châu thời Đinh đã từng có tập tục xem ca hát, múa, và làm trò đã có nhiều đào kép như bà Phạm Thị Trân nhưng không giỏi bằng bà, không nổi tiếng như bà. Bà luôn giữ vai trò chủ chốt trong các nhóm, các đoàn đi múa hát và làm trò thời đó. Lời ca tiếng hát của bà được các quan khách và người dân lao động hết lời ca ngợi, người xem bà múa hát đã thốt thành thơ:

*Múa hát như muốn hát bàn đào*

*Hát giục mây bay, giục gió ào*

*Tiếng hát kinh hồn quân bạc ác*

*Lời than làm nhỏ lệ đồng bào*

Vua Đinh Tiên Hoàng đã cho mời bà về Hoa Lư (kinh đô của Việt Nam lúc đó) và phong cho bà chức ưu Bà. Khi vào cung, nhà vua không lưu bà ở lại trong cung múa hát mà lại giao cho bà chịu trách nhiệm dạy quân lính múa hát, đánh trống, gảy đàn, diễn các tích trò, lúc đó gọi là hát trò nhời hay gọi là hát chèo. Lời ca của bà mang tinh thần thượng võ yêu nước:

*Chinh tòng chinh, chinh tòng chinh*

*Bất diệt thù hê, bất nguyện sinh.*

Trong sách “Đã cố lục” còn ghi lại: cách rước trống chèo nhà Đinh của bà Phạm Thị Trân đã có sức cổ vũ lớn đối với tinh thần chiến đấu của quân sĩ. Nghệ thuật hát chèo manh nha từ thời đó. Cả vùng quê rộng lớn Hải Dương, Hưng Yên phát triển hát chèo. Cũng chính nơi đây sau này đã cung cấp cho ngành hát chèo Việt Nam những nghệ nhân ưu tú, tài ba và góp phần truyền thụ cho thế hệ sau thừa kế một nền nghệ thuật dân tộc độc đáo đã đi vào đời sống của nhân dân Việt Nam hàng ngàn năm nay. Ngày nay vào dịp tháng giêng, tháng hai sau vụ gặt lúa, nhân dân vùng Hải Dương, Hưng Yên lại tổ chức hội làng, trong đó hát chèo giữ một vai trò quan trọng, là linh hồn không thể thiếu của ngày hội.

Khi bà mất, nhân dân Hải Dương và Hưng Yên đã tôn bà là **Bà tổ của nghệ hát chèo**. Trong các nhà thờ, chùa của các làng bãi vị thờ bà thường đặt chính giữa. Hàng năm cứ đến ngày 18/2 âm lịch, nhân dân Hải Dương và Hưng Yên lại tổ chức giỗ bà Phạm Thị Trân - bà tổ của nghề hát chèo. Tại đền thờ vua Đinh ở cố đô Hoa Lư, Ninh Bình, bà Phạm Thị Trân được phối thờ như một vị tổ nhân thần trong đền thiêng dưới bệ rồng của Thánh minh Hoàng đế nhà Đinh. Sở văn hóa thông tin Ninh Bình dưới sự chỉ đạo của ông Nguyễn Đăng Thanh, giám đốc Sở, đã xin chân nhang và lập bàn thờ vị tổ Chèo Phạm Thị Trân tại một ngôi miếu nhỏ cạnh nhà văn hóa trung tâm của tỉnh Ninh Bình, quanh năm hương khói. Các đoàn nghệ thuật về biểu diễn tại nhà văn hóa trung tâm Ninh Bình không quên tới thắp hương, bái lễ vị tổ thứ nhất của nghệ thuật sân khấu Chèo.

### **1.1.2 Lịch sử hình thành và phát triển của chèo**

Cho đến nay, việc xác định thời điểm ra đời của sân khấu chèo vẫn chưa thật sự thống nhất. Có nhiều ý kiến khác nhau giữa các nhà nghiên về nguồn gốc và sự hình thành của chèo, tuy nhiên có thể tổng hợp lại thành hai nhóm, hai quan niệm chính khác nhau.

Một số người cho rằng: Nói chèo ra đời nghĩa là một loại hình sân khấu ra đời thì khi đó Chèo đã đạt tới mức hoàn chỉnh một loại hình nghệ thuật sân khấu, phải có đủ các thành phần trong nghệ thuật tổng hợp này là kịch bản + âm nhạc + diễn xuất + mỹ thuật. Vở diễn đã hoàn chỉnh có tích trò, có văn, có

nghệ. Với quan niệm đó người ta cho rằng Chèo ra đời từ thời Trần thế kỉ XIII, sau sự kiện Lý Nguyên Cát truyền cho đào kép Đại Việt Võ diễn " Tây vương mẫu hiến bàn đào" của tạp kịch đời Nguyên ( theo chính sử ghi ).

Một số nhà nghiên cứu khác lại quan niệm rằng có thể xem như Chèo ra đời khi những trò diễn đầu tiên được trình diễn theo đặc trưng ngôn ngữ của chèo về làn điệu, lối diễn...cho dù còn ở mức sơ khai chưa hoàn chỉnh. Với quan niệm đó, người ta cho rằng chèo ra đời từ thời Đinh mà hình thức sơ khai ban đầu là những trò diễn kết hợp trò nhại và múa hát dân gian được Chèo hóa còn dấu tích là khổ trống lưu không trong quân ngũ thời Đinh được nghi bằng phép hài thanh ở sách "Đả cổ lục" và đoạn nghi về huyền nữ Phạm Thị Trân trong "Hý phường phá lục." Và tiếp nữa là văn bia tháp "Sùng thiện diên linh".

Đa số các nhà nghiên cứu chèo tán thành quan niệm của nhóm thứ hai mà người thủ xướng là phó giáo sư Hà Văn Cầu từ năm 1964 khi ông còn là một cán bộ của Ban nghiên cứu Chèo Trung ương. Vì tán đồng ý kiến cho rằng chèo ra đời từ thời Đinh cho nên các nhà nghiên cứu mới cho rằng chèo đã có một nghìn năm lịch sử.

Suốt từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX sử sách ghi chép vô cùng ít ỏi về sân khấu dân tộc. Bởi vì các sử gia, học giả, phải quan tâm đến những sự kiện trọng đại của quốc gia qua bao biến thiên thăng trầm của lịch sử, bao sự đổi thay chế độ chính trị xã hội, bao chuyện tày đình tác động đến chuyện sống còn của dân tộc, số phận của trăm họ, muôn dân. Mặt khác trong quan niệm chính thống của người xưa, nghề xướng ca, kẻ làm nghề xướng ca còn bị coi khinh, không được xếp hạng vào thang thứ bậc trong các đẳng cấp trong xã hội phong kiến, cho nên các học giả, sử gia càng ít lưu tâm.

Có thể xem như suốt từ thời Đinh cho đến cuối đời Trần ( khoảng 300 năm) Chèo mới ở thời kì sơ khai, chưa có vở diễn dài hoàn chỉnh. Hình thức phôi thai của Chèo là những trò diễn được các nhà nghiên cứu gọi chung là "trò nhại". Trò nhại tức là những trò diễn bắt chước cử chỉ hành vi thể hiện những đức tính tốt đẹp, công lao của các vị thần( trong dịp tế lễ, hội làng) hay

của một vị hào phú( trong dịp giỗ tết, khao vọng do con cháu họ thuê đào kép sắm vai). Các "trò nhại" này có sử dụng các làn điệu hát, khuôn múa mà sau này dần dần phát triển thành các điệu Chèo.

Theo nhiều nhà nghiên cứu thì khoảng cuối thế kỉ XIV mà hình thức "Chèo thuyền bản" hay "Chèo thuyền bát nhã" rồi tiến tới một vở diễn đầu tiên tương đối hoàn chỉnh của Chèo cả về tích chuyện, nhân vật, trò diễn, và hát múa dù là còn ở mức giản đơn đã ra đời đó là trò diễn " Mực Liên báo ân" còn gọi là "Huyết hồ trò" hay " Mực Liên địa tạng".

Nhiều nhà nghiên cứu đã thống nhất nhận định chèo phát triển tới mức hoàn chỉnh một loại hình sân khấu vào thời Hồng Đức nhà Lê, và phát triển tới đỉnh cao, có nhiều tinh hoa độc đáo vào khoảng Lê Mạt- Nguyễn sơ rồi tiếp tục bổ xung vào thành tựu của chèo bằng sự bồi đắp thêm cho các tác phẩm tiêu biểu như *Trương Viên, Lưu Bình Dương Lễ, Từ Thức, Tôn Mạnh - Tôn Trọng...* vào cuối thế kỉ XIX

Cho đến đầu thế kỉ XX Chèo đã để lại một di sản khá đồ sộ về số lượng vở diễn làn điệu Chèo với những tinh hoa độc đáo như các mảnh trò *Thị Màu lên chùa, Mẹ Đốp - Xã Truong, Sứ Vân dở dại...*

Đầu thế kỷ 20, chèo được đưa lên sân khấu thành thị trở thành chèo văn minh. Có thêm một số vở mới ra đời dựa theo các tích truyện cổ tích, truyện Nôm như *Tô Thị, Nhị Độ Mai*.

Đồng bằng châu thổ sông Hồng luôn là cái nôi của nền văn minh lúa nước của người Việt. Mỗi khi vụ mùa được thu hoạch, họ lại tổ chức các lễ hội để vui chơi và cảm tạ thần thánh đã phù hộ cho vụ mùa no ấm. Nhạc cụ chủ yếu của chèo là trống chèo. Chiếc trống là một phần của văn hoá cổ Việt Nam, người nông dân thường đánh trống để cầu mưa và biểu diễn chèo.

## **1.2 Đặc trưng nghệ thuật của Chèo**

### **1.2.1 Về tên gọi của Chèo và nội dung của chèo.**

#### **1.2.1.1 Tên gọi của chèo.**

Chèo là biến âm của trào sau gọi chệch đi là chèo. Chèo gắn với động tác chèo thuyền tồn tại trong đời sống và trong tín ngưỡng phong tục lâu đời



của người Việt. Chèo đi ra từ nghi lễ tôn giáo cổ xưa. Chèo là loại hình sân khấu nảy sinh phát triển từ nền ca vũ nhạc dân tộc và những sinh hoạt văn hóa dân tộc.

### **1.2.1.2 Nội Dung**

Không giống tuồng chỉ ca tụng hành động anh hùng của các giới quyền quý, chèo còn miêu tả cuộc sống bình dị của người dân nông thôn. Nhiều vở chèo còn thể hiện cuộc sống vất vả của người phụ nữ sẵn sàng hy sinh bản thân vì người khác. Nội dung của các vở chèo lấy từ những truyện cổ tích, truyện Nôm; được nâng lên một mức cao bằng nghệ thuật sân khấu mang giá trị hiện thực và tư tưởng sâu sắc. Trong chèo, cái thiện luôn thắng cái ác, các sỹ tử tốt bụng, hiền lành, luôn đỗ đạt, làm quan còn người vợ thì tiết nghĩa, cuối cùng sẽ được đoàn tụ với chồng. Các tích trò chủ yếu lấy từ truyện cổ tích, truyện Nôm; ca vũ nhạc từ dân ca dân vũ; lời thơ chủ yếu là thơ dân gian. Lối chèo thường diễn những việc vui cười, những thói xấu của người đời như các vai: Thầy mù, Hương cầm, Đồ điếc, Quan Âm Thị Kính. Ngoài ra chèo còn thể hiện tính nhân đạo, như trong vở Trương Viên.

Chèo luôn gắn với chất "trữ tình", thể hiện những xúc cảm và tình cảm cá nhân của con người, phản ánh mối quan tâm chung của nhân loại: tình yêu, tình bạn, tình thương.

### **1.2.2 Nhân vật trong Chèo**

Nhân vật trong chèo thường mang tính ước lệ, chuẩn hóa và rập khuôn. Tính cách của các nhân vật trong chèo thường không thay đổi với chính vai diễn đó. Nhân vật trong chèo bao gồm những vai Đào chín, Đào thương, Đào lịch, các vai sinh, lão, mục... Những nhân vật phụ của chèo có thể đổi đi và lặp lại ở bất cứ vở nào, nên hầu như không có tên riêng. Có thể gọi họ là thầy đồ, phú ông, thừa tướng, thư sinh, hề v.v... Tuy nhiên, qua thời gian, một số nhân vật như Thiệt Thê, Thị Kính, Thị Mầu, Sứ Vân đã thoát khỏi tính ước lệ đó và trở thành một nhân vật có cá tính riêng.

Diễn viên đóng chèo nói chung là những người không chuyên, hợp nhau trong những tổ chức văn nghệ dân gian gọi là phường chèo hay phường trò..

Đặc điểm nổi bật của Chèo là sự xuất hiện của yếu tố hài qua nhân vật hệ tạo nên giá trị thẩm mỹ độc đáo. "Hề" là một vai diễn thường có trong các vở diễn chèo. Anh hề được phép chế nhạo thoải mái cũng như những anh hề trong cung điện của vua chúa Châu Âu. Các cảnh diễn có vai hề là nơi để cho người dân đả kích những thói hư tật xấu của xã hội phong kiến hay kể cả vua quan, những người có quyền, có của trong làng xã. Có hai loại hề chính bao gồm: hề áo dài và hề áo ngắn

Hề áo ngắn ( hề tích cực) đại diện cho những người lao động tích cực nghèo khổ, địa vị thấp kém nhưng thông minh đứng lên trên quan điểm của nhân dân để phê phán giai cấp thống trị tiêu iểu như hề Mồi, hề Gậy, Mẹ mỗ, Lính canh

Hề áo dài đại diện cho tầng lớp trên quan lại, hào lý, thầy đồ, thầy bói ... họ thường tự bộc lộ bản chất tham lam ngu ngốc giả dối.

### **1.2.3 Kỹ thuật kịch**

Chèo là loại hình nghệ thuật tổng hợp các yếu tố dân ca, dân vũ và các loại hình nghệ thuật dân gian khác ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Nó là hình thức kể chuyện bằng sân khấu, lấy sân khấu và diễn viên làm phương tiện giao lưu với công chúng, và có thể được biểu diễn ngẫu hứng. Sân khấu chèo dân gian đơn giản, những danh từ chèo sân đình, chiếu chèo cũng phát khởi từ đó.

Đặc điểm nghệ thuật của chèo bao gồm yếu tố kịch tính, kỹ thuật tự sự, phương pháp biểu hiện tính cách nhân vật, tính chất ước lệ và cách điệu. Ngôn ngữ chèo có những đoạn sử dụng những câu thơ chữ Hán, điển cố, hoặc những câu ca dao với khuôn mẫu lục bát rất tự do, phóng khoáng về câu chữ.

### **1.2.4 Âm nhạc trong chèo.**

Nói tới đặc trưng của nghệ thuật Chèo người ta thường nghĩ ngay tới tính chất cách điệu của nó. Dĩ nhiên còn nhiều yếu tố khác nữa, nhưng tính chất cách điệu theo lối Chèo được xem như yếu tố bao trùm và nổi bật để nhận diện và phân biệt Chèo với các môn nghệ thuật khác. Chính từ ý nghĩa đó danh xưng Chèo có lúc biến thành tính từ để chỉ tính chất một cử chỉ, một giọng nói, một cách ứng xử có phần khác thường với đời sống thường nhật, mang một vẻ rất riêng như: “Cô ấy đi đứng nói năng rất chèo!”.

Chèo – suy cho cùng là một dạng ca kịch đặc thù Việt Nam lấy âm nhạc làm phương tiện chủ yếu. Tuy vậy vẫn còn quan niệm đơn giản cho rằng phần âm nhạc của nó chỉ biểu hiện qua các làn điệu hát (bao gồm cả các làn điệu hát – nói như lối nói sử, nói chênh, nói lệch, nói lối, nói đếm, kể hạnh...) mà không chú tâm tới tính âm nhạc của lối nói thường chiếm lĩnh một thời lượng lớn trong tiến trình Chèo.

Âm nhạc trong Chèo biểu thị qua ba hình thức: hát, hát – nói và nói. Ngoài ra còn ở những trạng thái không lời khác.

Về Hát, được biểu hiện qua các điệu như Sa lệch, Đường trường, Vãn, Sấp... với những giai điệu và tiết tấu được định hình thành những bài bản cố định nhằm mô tả một trạng thái tâm lý, một tình huống nào đó mang những sắc thái riêng biệt.

Về loại Hát – nói, biểu hiện qua các làn như vĩa, ngâm, nói sử, nói chênh, nói lệch, nói lối... là những phương tiện tạo nên hơi Chèo. Loại này thường không định hình nghiêm ngặt như các điệu hát, mà tiến hành giai điệu một cách tự do về tiết tấu dựa trên sự dẫn dắt của lời thơ, thường dùng trong những trường hợp: đối cảnh sinh tình, suy tư, gợi cảm hoặc bắc cầu nối vào những điệu hát mang tính chất riêng biệt.

Hình thức biểu hiện thứ ba của âm nhạc Chèo là Nói. Nói trong Chèo là một phương tiện biểu hiện rất phong phú và đa dạng, bao gồm cách nói của người trung, kẻ nịnh, của vai chín, vai hề, của lão say, tiên ông, của mục đồng, tiểu tốt... Lại có cả cái trang trọng của vua, cái thâm trầm hiền sĩ, cái yếu điệu thực nữ, cái dân dã thôn làng, cái oai phong tướng sĩ... Tất cả được phủ lên một sắc thái âm nhạc rất tinh tế, hình thành nên lối nói Chèo – một trong những nét đặc trưng quan trọng nhất của ngôn ngữ, thi pháp thể loại. Với một cách nhìn thấu đáo thì nghệ thuật nói trong Chèo hàm chứa đủ cả những thành tố của ngôn ngữ âm nhạc như độ cao thấp (cao độ), độ dài ngắn (trường độ), độ mạnh nhẹ (cường độ) và độ tối sáng, thuận nghịch mang tính kịch rõ nét.

Thanh điệu tiếng Việt được tạo thành bởi các cung bậc: thanh huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng mang tính âm nhạc cao. Văn trong Chèo lại là văn biên ngẫu có cấu trúc vần điệu cân đối cùng với văn vần, lục bát và các biến thể thơ khác đã tạo nên một sự cách điệu mang tính âm nhạc trong sự diễn đạt lời nói thông thường trong quá trình kể chuyện của Chèo. Đó là điểm khác biệt lớn giữa Chèo với thể loại kịch nói. Cách nói của kịch gần với lối nói thông thường trong đời sống. Còn cách nói Chèo lại như được phủ lên một tấm màn nhung mượt mà thắm đậm chất nhạc, chất thơ. Yếu tố cao độ của âm nhạc được chỉ định bởi dấu giọng của lời thơ, lại được phát ra trong một giọng (ton) nhạc ở độ cao nhất định đã tạo nên cái “hơi nhạc” của tiến trình Chèo. Nếu người diễn không “bám” được vào cái hơi giọng đó thì rất khó bắt vào các làn hát và sẽ có hiện tượng lạc giọng, ngang cung.

### **1.2.5 Tư duy trong chèo.**

Là tư duy thơ, tư duy huyền thoại, tư duy ước lệ thẩm đượm trong ngôn ngữ đặc thù, trong những luật lệ phép tắc sáng tạo đặc thù của một hình thức sân khấu gọi là Chèo. Thành quả cụ thể của tư duy chèo là những mô hình (mẫu hình) nghệ thuật: Mô hình hát múa, mô hình các loại nhân vật, mô hình các loại lớp trò ..

#### **1.2.5.1 Tư duy thơ**

Người làm chèo (tác giả, đạo diễn, diễn viên) là những nhà thơ tự sự, nhà thơ kể chuyện bằng nghệ thuật chèo. Với tư duy thơ người nghệ sĩ chèo miêu tả cuộc sống không ở dạng thái tự nhiên như ngoài đời. Cuộc sống vào chèo được khái quát hoá lên, tinh chọn những nét thiết yếu mang ý thơ. Và ý thơ ấy lại được thể hiện thông qua ngôn ngữ nghệ thuật đa dạng của chèo, thông qua những thủ đoạn nghệ thuật giàu tính biểu hiện như ước lệ, ẩn dụ, tượng trưng...

Văn học chèo là văn học thơ. Người ta thấy ở chèo hầu như tất cả các thể loại thơ phú Việt Nam. Dùng phổ biến là thể ngũ ngôn, thất ngôn, thể lục bát, các thể biến của nó và thơ văn biên ngẫu. Ca dao tục ngữ lai láng trong

chèo toả ra vị hương thanh khiết ngọt ngào của hồn quê Việt Nam. Ngôn từ thơ trong chèo giữ vị trí đặc biệt quan trọng. Vì lời thơ ở đây gắn chặt với các lối nói (nói sử, nói lửng, nói chên, nói lệch...) với ngâm, vịnh, vìa, với các giai điệu hát. Lời thơ không những là linh hồn của giai điệu mà còn là yếu tố góp phần cho giai điệu đẹp thêm lên. Trái trở lại, giai điệu (gồm cả hát, các lối nói và ngâm vịnh) nâng niu, nhấn nhá từng từ trong lời thơ khiến cho ý của từ, vẻ đẹp âm thanh của từ như được tôn lên một sắc độ mới.

Văn học kịch bản là khâu đầu trong quá trình sáng tạo một trò diễn. Nó phải là nguồn cảm hứng, là cơ sở để người đạo diễn cùng bộ sậu những diễn viên, nhạc công, nhạc sĩ... sáng tạo lên một trò diễn mang đậm đà chất thơ của chèo.

Động tác trong diễn xuất chèo là động tác thơ. Chèo sử dụng chủ yếu những động tác đã được chọn lọc, những động tác có ý nghĩa. Những động tác này lại được làm đẹp hoặc tô điểm thêm bằng động tác trang sức mà nhà nghề gọi đó là động tác cách điệu, động tác múa. Và từ chất liệu này người nghệ sĩ biểu diễn tạo nên những bài thơ động tác thực sự.

Bản chất của âm nhạc là thơ. Âm nhạc có phần đóng góp lớn trong nghệ thuật chèo. Nhiều hệ thống làn điệu với hơn hai trăm ca khúc. Lại còn những hình thức nói lối, ngâm, vịnh, vìa... Âm nhạc chèo bắt nguồn từ nền văn hóa cổ hàng ngàn năm của người Việt châu thổ sông Hồng đã tạo cho phong cách nghệ thuật này một sắc thái dân tộc đặc thù. Những trò diễn chèo đẹp đẽ, sang trọng được sáng tạo một cách công phu như thế chúng ta thấy nhiều ở những năm tháng thịnh vượng của nghệ thuật chèo.

Hồn thơ trong chèo: Từ xa xưa, người diễn chèo cùng người xem chèo sống thân thiết với nhau sau lũy tre làng. Họ là những người nông dân làm ăn vất vả hai sương một nắng, phải chống chọi liên miên với thiên tai địch họa, với những thế lực đen tối trong xã hội. Dẫu rằng vậy, trong tâm hồn họ vẫn sáng toả ra một niềm lạc quan yêu đời. Họ cười vui giễu cợt ngay cả trong đau khổ. Và cũng ngay từ những nỗi khổ đau của kiếp người ấy cháy rục lên ở họ những khát vọng tâm linh. Họ khát vọng một cuộc sống yên vui. Họ khát

vọng được sống trong lòng vị tha, trong tình yêu thương nồng nàn của cộng đồng. Từ khát vọng ấy họ làm ra những ca dao, những điệu dân ca, dân vũ, những truyện tiêu lâm, những thần tích, những trò vui tung bừng trong các lễ hội. Và chính do tiếp nối được cái hồn thơ mãnh liệt của ông cha ta mà những nghệ nhân chèo vô danh đã sáng tạo nên những tích chèo cổ mà lưu truyền tới ngày hôm nay. Ý nghĩa đạo đức trong chèo thường được lãng mạn hoá, nâng lên tới mức tuyệt đối, siêu phàm mang cái chất huyền bí của đạo giáo phương Đông.

### **1.2.5.2 Tư duy huyền thoại .**

Từ thời cổ xưa, thơ luôn gắn bó với huyền thoại. Trong quá trình lịch sử huyền thoại có xu hướng đi gần lại cuộc sống trần tục, biến hoá thành ba dạng thái khác nhau. Ba dạng thái này đều thấy rõ trong các tích chèo cổ.

Một là những tích huyền thoại đích thực có thần tiên, bụt thánh, quỷ thần tham gia, kể về những sự việc siêu phàm như lấy vợ tiên, hoá Phật, tắm nước thần hoá đẹp, đôi ngọc lưu ly nhẩy vào làm lạnh đôi mắt... Thuộc vào dạng này có thể kể đến những tích chèo cổ như: Trương Viên, Từ Thức, Quan Âm Thị Kính...

Dạng thứ hai là những tích nói về những mối quan hệ giữa những con người trong đời thường, song những sự việc, những tính cách trong tích lại mang tính siêu phàm. Như tích cổ Lưu Bình Dương Lễ.

Ở dạng thứ ba, những tích chèo chỉ còn giữ lại hai tố chất cơ bản của huyền thoại là tính kỳ và tính lãng mạn. Hai yếu tố này từ tưởng tượng tạo nên chính chất thơ của trò diễn. Nhiều tích chèo cổ thuộc dạng này như trò Kiều, Suý Vân, Tống Trân Cúc Hoa...

Trong định nghĩa của các từ điển thì cả ba dạng trên đều nằm trong phạm trù huyền thoại (myth). Huyền thoại là nói về những tích truyện, những nhân vật không có thật, chỉ do tưởng tượng bày đặt ra. Mà nếu có thật thì ít nhiều cũng phải mang tính siêu phàm.

Tư duy huyền thoại trong chèo biểu hiện theo cách riêng của nó. Siêu phàm xen lẫn với phàm tục. Cao cả thần tiên xen lẫn với dung tục. Người nông dân nghèo như muốn níu kéo cảnh giới huyền thoại xuống với đời sống

thực tế đầy nước mắt và tiếng cười của họ. Chèo đã tạo nên một thế giới cho riêng mình, một thế giới vừa thực lại vừa huyền ảo. Thế kỷ XX, chuyển sang thời kỳ chèo hiện đại, tư duy chèo gặp sự đối nghịch của tư duy tả thực đến từ nghệ thuật phương Tây. Sân khấu chèo cải lương tuyên ngôn theo khuynh hướng tả thực của kịch "Thái Tây". Vào giữa thế kỷ, tả thực vẫn là khuynh hướng chủ đạo trong nền văn học nghệ thuật cách mạng. Năm 1957, Nhà hát Chèo xây dựng tích "Lọ nước thần" lần đi các yếu tố huyền thoại để làm nổi bật nên ý thức đấu tranh của người nông dân chống cường quyền. Phải tới lần dựng lại thứ ba (1972) trò diễn mới trở về là một tích chèo huyền thoại thực sự. Đối với những vở về đề tài hiện đại thì tư duy tả thực kịch nói đã lấn át, hầu như thay thế tư duy huyền thoại của chèo. Đây là giai đoạn xuất hiện những vở "kịch chèo" còn gọi là "kịch pha ca".

Nhìn chung, nếu quan sát tường tận các tích chèo cổ và tích chèo về đề tài hiện đại chúng ta có thể đi đến nhận xét rằng: Tính lãng mạn, tính kỳ là hai yếu tố cơ bản, hai yếu tố "cốt tủy" không thể sao nhãng được trong tư duy huyền thoại.

### **1.2.5.3 Tư duy chèo là tư duy ước lệ.**

Tư duy của đạo giáo phương Đông là tư duy hướng nội. Văn học nghệ thuật phương Đông với chức năng "tả Đạo" đã từ tư duy ấy hướng sự miêu tả của mình vào nhiệm vụ nói lên bằng hình tượng nghệ thuật cái "ý", cái "thần" bên trong của sự vật. Phương pháp miêu tả ấy là phương pháp ước lệ. Cho nên, còn có thể gọi tư duy hướng nội của chèo là tư duy ước lệ. Phương pháp ước lệ sử dụng các phương tiện nghệ thuật như tượng trưng, biểu trưng, ẩn dụ, ngụ ý, liên tưởng... để diễn tả.

Ước lệ hoá (conventionalize) thường đi với cách điệu hoá (Stylization). Cách điệu hoá là một biện pháp khái quát hoá thực hiện. Cách điệu hoá là quá trình đi tìm cái thiết yếu mang bản chất của sự vật và khuếch đại nó, làm đẹp nó lên.

Trong sân khấu truyền thống Chèo, Tuồng, phương pháp ước lệ, cách điệu hoá là luật lệ, là phép tắc cơ bản chi phối toàn thể kịch bản cho đến diễn xuất của trò diễn.

Tư duy thơ, Tư duy huyền thoại, Tư duy ước lệ, Ba yếu tố thơ, huyền thoại, ước lệ liên hệ chằng chịt với nhau, tạo điều kiện cho nhau tồn tại, hợp thành một tổng thể thống nhất hữu cơ.

Đến đây một vấn đề lớn đặt ra: Chúng ta đang bước vào thế kỷ XXI, liệu tư duy chèo này còn phù hợp với thời đại không?

Tư duy nghệ thuật bao giờ cũng bắt nguồn từ tư duy triết học, tư duy khoa học của thời đại. Nền khoa học cơ giới cổ điển khởi đầu từ Niuton đã chế ngự phương Tây từ thế kỷ XVII và đến thế kỷ XIX theo chủ nghĩa đế quốc tràn sang phương Đông. Cùng với sự ra đời của khoa học cổ điển là chủ nghĩa duy lý của Descartes và chủ nghĩa tả thực trong văn học nghệ thuật. Nền khoa học cổ điển tạo nên sự phát triển mạnh mẽ về kỹ thuật công nghệ làm thay đổi rất lớn đời sống vật chất của loài người. Đến cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX Einstein với thuyết tương đối, Bohr và Heisenberg với giải thích về cơ học lượng tử đã mang những thay đổi làm đảo lộn tận nền tảng khoa học cơ giới cổ điển. "Nền vật lý hiện đại vừa thống nhất và lý giải nhiều khái niệm cơ bản của triết học, vừa đề ra những câu hỏi lớn của loài người mà các nhà đạo học từ xưa đã tổng kết, và kỳ lạ thay, những phát hiện này của nền vật lý hiện đại không khác bao nhiêu với những kết luận của các thánh nhân ngày xưa" Thực vậy, vật lý hiện đại trong khí phủ định thuyết "Hạt cơ bản" của vật lý cổ điển lại đồng nhất với vũ trụ quan "Vạn vật vi nhất thể" - cái chân lý mà các nhà Đạo học phương Đông đã phát hiện ra bằng trực giác. Sự xuất hiện của khoa học lượng tử đã làm lung lay thực sự chủ nghĩa duy lý trong triết học và tư duy tả thực trong văn học nghệ thuật. Trong hoạt động văn học nghệ thuật phương Tây vào những năm 30 của thế kỷ XX nổi lên trào lưu "hướng về phương Đông" đặc biệt ở ba lĩnh vực thơ, hội họa và sân khấu. Hay chỉ nói về nghệ thuật sân khấu. Ở Pháp, từ sự gợi ý của sân khấu Bali, Antonin Artaud đề xuất ra "sân khấu thuần túy" J.L.Barrault "sân khấu tổng thể" và ông tự thí nghiệm nó trên sân khấu. Lấy cảm hứng từ sân khấu Nhật Bản và Trung Quốc, Meyerhold lập "sân khấu hiện thực ước lệ tại nhà hát "Tháng Mười" ở



Nga; và vào giữa thế kỷ B.Brecht ở Đức lấy lòng với "sân khấu tự sự" của mình. Đây là không kể một số loại sân khấu khác trong đó đặc biệt là "sân khấu phi lý" cùng thời xuất hiện ở phương Tây. Khuynh hướng nói chung: Tư duy hướng nội, lấy ước lệ làm phương pháp, dùng các phương tiện tượng trưng, ẩn dụ, liên tưởng... để diễn tả như ở sân khấu phương Đông. Xuất phát từ tình hình trên mà nhiều chuyên gia sân khấu phương Tây sang thăm nước ta vào nửa cuối thế kỷ XX có nhận xét rằng sân khấu truyền thống Chèo Tuồng mang nhiều yếu tố hiện đại. Thế kỷ XXI là thế kỷ của nền khoa học hiện đại. Tư duy nghệ thuật sân khấu phương Đông phù hợp với những mẫu hình tư duy của khoa học hiện đại lẽ nào lại lạc hậu. Có điều là, trung thành với tư duy nghệ thuật của mình, mỗi chủng loại sân khấu cổ truyền phương Đông cần giải quyết những vấn đề nghệ thuật riêng của mình để đáp ứng với yêu cầu thẩm mỹ luôn luôn đổi mới của thời đại.

### **1.2.6 Nhạc cụ**

Dàn nhạc chèo đóng vai trò quan trọng cho biểu diễn và ca hát của diễn viên. Vì vậy thành phần các nhạc cụ dàn nhạc tương đối phong phú. Dàn nhạc chèo gồm có các nhạc cụ gõ và các nhạc cụ ti, trúc như sau: Nhạc gõ có trống đế, trống cơm, trống ban, trống bộc, trống cái, mõ, thanh la, chuông, tiu, cảnh, nã bạt, sinh tiền. Nhạc ti trúc có: Nhị, hồ, nguyệt, tam, bầu, tam thập lục, tiêu, sáo. Tùy vào các tình huống của câu chuyện kịch mà người ta sử dụng nhạc cụ khác nhau cho phù hợp. Nhưng hầu như trong một vở chèo bao gồm những nhạc khí chủ yếu là Trống, bộ gõ đầy đủ có trống cái, trống con, trống cơm, sênh, thanh la, mõ. và hai loại nhạc cụ dây là đàn nguyệt và đàn nhị, sáo.

#### *1.2.6.1 Trống Cái*

**Trống cái** là nhạc cụ không định âm, to lớn, xuất hiện ở khắp nước Việt Nam từ hàng ngàn năm nay. Dù ở đồng bằng hay miền núi người ta đều nhận ra sự có mặt của trống cái. Loại trống này có hình trụ khum với hai mặt trống bịt da trâu bò có đường kính từ 50, 60 cm trở lên. Tang trống bằng gỗ,

thân trống có một quai xách để treo trống. Nếu không sử dụng quai này người ta có thể đặt trống trên giá gỗ hay kim loại.

Âm thanh trống trầm và vang xa. Người ta có thể dùng một hoặc hai dùi gõ để đánh trống (tùy theo tính chất của công việc). Cách đánh trống có nhiều cách : đánh giữa mặt trống, rìa mặt trống, tang trống hay đánh bạt dùi ... Mỗi cách đều tạo âm sắc riêng. Có thể đánh nhanh hoặc chậm tùy trường hợp.

Trong Chèo Trống cái dùng dùi đánh điểm để thông tin, đánh điểm gây không khí, tạo cao trào. Ngoài ra được sử dụng trong những dàn nhạc. Vào thế kỷ 15 và 16 trống cái đã xuất hiện trong các dàn nhạc như Đường thượng chi nhạc và Nhã nhạc. Đến thế kỷ 18 người ta nhận thấy sự có mặt của nó trong dàn nhạc lễ và trong các ban nhạc sân khấu như tuồng, chèo để tạo không khí kịch tính. Ở Tây Nguyên trống cái tham gia hòa tấu với dàn nhạc công chiêng, xuất hiện trong đám múa sư tử, điệu xòe (của người Thái).

#### 1.2.6.2 Trống com

Từ thế kỷ 10, trống com đã xuất hiện ở Việt Nam (đời nhà Lý). Đây là nhạc cụ gõ, định âm, còn có tên gọi khác là *phạn cổ* (phạn là com, cổ là trống). Trong các ban nhạc tuồng, chèo và ban nhạc tang lễ ngày xưa có loại trống này. Nhiều ban nhạc ngày nay cũng sử dụng trống com.

Trước khi đánh trống người ta thường lấy com nghiền nát, trét vào giữa mặt trống để định âm, do đó trống này gọi là "trống com".

Trống com có 2 mặt trống hình tròn bằng nhau, đường kính khoảng 15cm. Mặt trống bịt da, đường viền buộc bằng sợi mây hay da (dây xạ) kéo từ đầu trống này sang đầu trống kia để chỉnh độ căng giữa 2 mặt trống. Tang trống bằng gỗ hình ống tròn, hai đầu hơi khum lại, đường kính ở tang trống đoạn giữa lớn hơn đường kính mặt trống. Tang trống để mộc hoặc sơn đỏ.

Có loại trống com đường viền đóng bằng đinh tre vào tang trống. Người ta trét com (thường là com nóng) vào giữa để định âm. Nếu trét nhiều com thì âm thanh phát ra trầm, ít com thì âm thanh sẽ cao hơn. Hai mặt trống cách nhau một quãng năm đúng.

Trống cơm có âm thanh vang nhưng mờ đục, diễn tả tốt tình cảm buồn, sâu sắc. Tiếng trống cơm nghe gần giống tiếng đàn hồ lớn bật dây nên đôi lúc người ta sử dụng nó thay âm thanh đàn hồ lớn trong những âm trầm nhất định nào đó. Tùy theo chất cơm trét mặt trống âm thanh phát ra sẽ có chất lượng tốt hay xấu tương ứng. Để diễn trống này người ta đeo trống bằng 1 dây da quàng qua cổ, đặt trống ngang trước bụng rồi dùng 2 tay vỗ vào 2 mặt trống. Tay trái vỗ vào mặt thổ phát ra âm trầm, tay phải vỗ vào mặt kim phát ra âm cao.

Trống cơm có kỹ thuật diễn chính như đánh chập (tay trái vỗ mặt thổ, tay phải bịt mặt kim), ngón vê (dùng ngón tay hoặc bàn tay chạm liên tục thật nhanh trên mặt trống

### *1.2.6.3 Trống Đé*

Trống đé là nhạc cụ gỗ, xuất hiện ở Việt Nam từ khá lâu đời. Trong Chèo người ta gọi nó là trống đé, còn trong Ca trù gọi là trống châu. Nhìn chung nó chỉ xuất hiện trong Chèo và Ca trù.

Trống Đé có hai mặt trống hình tròn, đường kính bằng nhau khoảng 15 cm. Mặt trống thường là da nách trâu nạo mỏng (rất dai và bền). Đường viền da bịt mặt trống trùm xuống thân trống khoảng 3cm, được đóng bằng đinh tre. Da trống căng nhưng phải định âm tương ứng giọng hát của diễn viên. Tang trống cao khoảng 18 cm, bằng gỗ mít nguyên khúc gọi là tang liền, song có khi bằng những mảnh gỗ mít chắp lại, sơn phết bên ngoài. Hai dùi trống dài khoảng 25cm, bằng gỗ cứng. Phía đầu tay cầm to hơn phía đầu gõ vào mặt trống. Trống châu có âm sắc đanh gọn, thể hiện tốt tình cảm trong sáng, vui tươi. Tuy nhiên tùy thuộc vào kỹ thuật đánh nó có thể diễn tả nhiều sắc thái tình cảm khác nhau (ngón vê, ngón bịt, đánh trên tang trống hay mặt trống...).

### *1.2.6.4 Mõ*

Mõ thuộc bộ gỗ, không định âm, tham gia hòa tấu trong các dàn nhạc sân khấu và nhiều loại hình ca hát khác. Cấu tạo của mõ loại này thường làm bằng tre già, hình trăng khuyết như mõ làng, ở một số dàn nhạc tuồng, chèo

còn dùng mõ gỗ như mõ chùa, kích cỡ vừa phải, đường kính từ 10 - 25 cm. Ngày nay mõ còn được dùng trong các tập nhạc dân tộc mới và trong dàn nhạc dân tộc tổng hợp. Đặc biệt tham gia vào dàn Đại nhạc Huế hiện nay có loại mõ làm bằng sừng trâu. Mõ này làm từ sừng trâu cong, cắt bỏ phần đầu nhọn, lấy phần gốc dài chừng 10 - 15 cm. Âm thanh của mõ sừng trâu vang, khoẻ. Trong chèo Mõ Công dụng chính là cầm nhịp cho điệu hát và cho toàn ban phụ họa

#### 1.2.6.5 Sênh

Sênh tiền là nhạc khí tự thân vang của Dân tộc Việt. Sênh là phách, tiền là đồng tiền chính, do đó còn gọi là Phách sâu tiền (Quán tiền phách)

Sênh tiền là nhạc khí tự thân vang gỗ, quẹt, lắc do người Việt Nam sáng tạo.

Sênh tiền làm bằng ba thanh gỗ tốt, thường là gỗ trắc hay gỗ cẩm lai, chiều dài khoảng 25cm, chiều ngang khoảng 3cm và dày khoảng 0,6cm. Thanh gỗ thứ nhất và thanh gỗ thứ hai được nối liền bằng một sợi dây da ngắn, trên mặt gỗ trừ đoạn tay cầm, đều có khứa những đường rãnh ngang. Ở cuối có đóng một hoặc hai cái đinh có xâu một số đồng tiền. Thanh thứ ba ngắn hơn một ít, có khứa răng cưa bên cạnh, cạnh trái khứa từ đầu đến giữa, cạnh phải từ đầu đến cuối.

Âm thanh Sênh tiền vui, rộn ràng, khoẻ, phong phú.

Khi biểu diễn, nghệ nhân cầm hai thanh một và hai, chồng so le nhau, để các cọc tiền liền nhau, ngón cái ở bên trên. Với những động tác điêu luyện của các ngón tay, hai thanh một và hai được mở ra, kẹp vào tạo nên tiếng phách gỗ chắc nịch (giống như tiếng Song lang hoặc phách Huế) hòa lẫn tiếng rung của kim khí rộn ràng của đồng tiền (do đồng tiền nhảy lên). Có lúc tay trái đưa lên cao lắc nhanh liên tục, các đồng tiền va chạm vào nhau, reo lên một cách rộn rã, tạo âm thanh vòng lắc. Tay phải cầm ở giữa thanh thứ ba, sắp bàn tay xuống quẹt răng cưa ở cạnh trái, ngửa bàn tay lên quẹt răng cưa ở cạnh phải vào những cạnh của hai thanh kia tạo nên chuỗi âm thanh lắc các của nhạc khí quẹt. Có lúc luồn thanh này vào giữa hai thanh kia, dùng cổ tay lắc đều nhanh tạo âm thanh vè dòn. Sênh tiền là nhạc khí rất độc đáo của Việt

Nam được sử dụng để đệm đàn hay ca, từng tiết tấu có thể kết hợp một lúc 3 nhạc khí gõ: phách, quạt và vòng lắc, cuối một bản nhạc hay cuối một nửa đoạn thường sử dụng kỹ thuật lắc giữa hai thanh phách tiên.

Sênh Tiên được sử dụng trong Đàn nhạc Đại nhạc, Đàn Bát âm, trong Hát Cửa Đình, Đàn nhạc Sân khấu Chèo và đệm cho Hát Sắc Bùa

#### 1.2.6.6 Thanh La

Thanh la là tên gọi một nhạc cụ thuộc họ tự thân vang, chi gõ của dân tộc Việt. ở miền Nam gọi là Đẩu, miền Trung gọi là Tang.

Được làm bằng đồng kim hợp thiếc có pha chì, hình tròn. Thanh la có nhiều cỡ to, nhỏ khác nhau, đường kính 15 - 25 cm, mặt hơi phồng, xung quanh có thành cao 4 cm, ở cạnh thanh la người ta đục hai lỗ thủng để xỏ một sợi dây quai. Khi diễn tấu nhạc công cầm dây quai dơ lên, còn một tay cầm đục gõ vào mặt thau tạo ra tiếng vang, trong trẻo.

Thanh la được sử dụng trong dàn đại nhạc, dàn nhạc lễ miền nam, trong ban nhạc chèo, châu văn và dàn nhạc dân tộc tổng hợp

#### 1.2.6.7 Đàn Nguyệt

Đàn nguyệt tức nguyệt cầm, trong Nam còn gọi là đàn kìm. Loại đàn này có hộp đàn hình tròn như Mặt Trăng nên mới có tên là "đàn nguyệt". Theo sách xưa thì đàn nguyệt thủy có 4 dây, sau rút lại còn 2 dây. Sách của Phạm Đình Hổ thì ghi rằng đàn nguyệt xuất hiện ở Việt Nam vào thế kỷ 18.

Đàn nguyệt có những bộ phận chính như sau:

- *Bầu vang* : Bộ phận hình tròn ống đục, đường kính mặt bầu 30cm, thành bầu 6cm. Nền mặt bầu vang có bộ phận nằm phía dưới gọi là ngựa đàn (cái thú) dùng để mắc dây. Bầu vang không có lỗ thoát âm.

- *Cần đàn (hay dọc đàn)* : làm bằng gỗ cứng, dài thon mảnh, bên trên gắn 10 phím đàn, trước đây chỉ có 8 phím. Những phím này khá cao, nằm xa nhau với khoảng cách không đều nhau.

- *Đầu đàn* : hình lá đề, gắn phía trên cần đàn, nó có 4 hóc luồn dây và 4 trục dây, mỗi bên hai trục.

- *Dây đàn* : có 2 dây, trước đây làm bằng dây tơ, ngày nay thường làm bằng dây nilon. Tuy có 4 trục đàn nhưng người ta chỉ mắc 2 dây (một dây to một dây nhỏ). Cách chỉnh dây thay đổi tùy theo người sử dụng. Có khi 2 dây cách nhau quãng 4 đúng, có khi cách quãng năm đúng hoặc quãng bảy hay quãng tám đúng. Song cách thông dụng nhất vẫn là lên dây theo quãng năm đúng. Đàn nguyệt là nhạc cụ khảy dây, được dùng thường xuyên trong ban nhạc châu văn, tài tử, phường bát âm và trong nhiều dàn nhạc dân tộc khác.

Nhìn chung đàn nguyệt có âm sắc trong sáng, ở khoảng âm thấp thì hơi đục. Nó có thể diễn đạt nhiều sắc thái tình cảm khác nhau, từ dịu dàng, mềm mại đến rắn rỏi, rộn ràng.

Ngày xưa người biểu diễn nuôi móng tay dài để khảy đàn nguyệt, ngày nay miếng khảy đàn đã giữ nhiệm vụ này. Một số kỹ thuật sử dụng tay phải trong đàn nguyệt như sau:

- Ngón phi: lối đánh cổ truyền, không dùng miếng khảy mà sử dụng những ngón tay vẩy liên tiếp nhanh trên dây đàn, hiện quả âm thanh gần giống như ngón vê. Ngón phi có hai cách diễn:

+ Phi lên : thường sử dụng trên một dây đàn, bắt đầu từ ngón út rồi lần lượt những ngón khác hất vào dây đàn.

+ Phi xuống: sử dụng trên cả 1 dây đàn hoặc trên cả 2 dây. Phi xuống là vẩy nhanh các ngón tay vào dây đàn, bắt đầu từ ngón út (có khi bắt đầu từ ngón trỏ) rồi lần lượt những ngón khác khảy dây đàn.

Khi biểu diễn ngón phi người ta dùng 4 ngón tay (không sử dụng ngón tay cái). Nếu đánh bằng miếng khảy đàn họ chỉ sử dụng 3 ngón vì ngón cái và ngón trỏ phải giữ miếng khảy.

- Ngón vê : khảy liên tiếp trên dây đàn. Kỹ thuật này thường dùng trong nhạc hát văn. Cách vê có thể bằng móng tay hay miếng khảy, vê 1 dây hoặc 2 dây đều được.

- Ngón gõ: dùng những ngón tay phải gõ vào mặt đàn, mục đích để báo hiệu cho hát, cho các nhạc khí khác hòa tấu hoặc điểm giữa những nhạc cụ,

đoạn nhạc hay những lúc các nhạc cụ khác ngưng hoạt động. - Bịt : làm âm thanh vừa vang lên liền tắt đột ngột. Kỹ thuật sử dụng tay trái trong đàn nguyệt gồm có 12 cách: ngón rung, ngón nhấn, ngón nhấn luyến, nhấn luyến, ngón lảy, ngón lảy rền và ngón lảy giật. Trước đây người ta ít sử dụng ngón vuốt, nhưng ngày nay có thể xem nó là kỹ thuật số 9 của tay trái. Kế tiếp là ngón bật dây, âm bội và đánh chông âm ( hợp âm).

#### 1.2.6.8 Đàn Nhị

Đàn nhị là nhạc cụ thuộc bộ dây có cung vĩ, do đàn có 2 dây nên gọi là đàn nhị (二). Đàn xuất hiện ở Việt Nam khoảng thế kỷ 10. Ngoài người Kinh, nhiều người dân tộc thiểu số Việt Nam cũng sử dụng rộng rãi nhạc cụ này (Tày, Nùng, Thái, Mường, Dao, Giáy, H'Mông v.v.)

Tuy phổ biến tên gọi "đàn nhị", nhiều dân tộc tại Việt Nam còn gọi đàn bằng tên khác nhau. Người Kinh gọi là "lúu" (hay "nhị lúu" để phân biệt với "nhị chính"), người Mường gọi là "Cò ke", người Nam Bộ gọi là "Đờn cò". Hình dáng, kích cỡ và nguyên liệu làm đàn nhị cũng khác nhau đôi chút tùy theo tộc người sử dụng nó

Loại đàn nhị thông dụng hiện nay có những bộ phận chính như sau:

Bát nhị (còn gọi là ống nhị): là bộ phận tăng âm (bầu vang) rỗng ruột, hình hoa muống, làm bằng gỗ cứng. Bát nhị có 2 đầu, đầu này bịt da rắn hay kỳ đà, còn đầu kia xòe ra không bịt gì cả. Ngựa đàn nằm ở khoảng giữa mặt da.

Dọc nhị (còn gọi là cần nhị, cán nhị): dáng thẳng đứng, đầu hơi ngả về phía sau, gốc cắm xuyên qua lưng bát nhị, gần phía mặt da.

Trục dây : trục trên và trục dưới đều gắn xuyên qua đầu dọc nhị nằm cùng hướng với bát nhị.

Dây nhị : Trước đây dây đàn được làm bằng sợi tơ se, ngày nay làm bằng nilon hoặc kim loại. Dây kim loại cho âm thanh chuẩn hơn nhưng không ngọt ngào bằng dây tơ hay dây nilon. Dây đàn chỉnh theo quãng 4 đúng, quãng 5 đúng, quãng 7 thứ... nhưng phổ biến nhất là quãng 5 đúng.

Cử nhị (hay khuyết nhị): là một sợi dây tơ se neo 2 dây đàn vào gần sát dọc nhị, nơi dưới hai trục dây. Có khi cử nhị là một khung áo buộc gần sát dọc nhị, hai dây đàn xỏ qua hai lỗ khung này. Cử nhị là bộ phận để điều chỉnh cao độ âm thanh. Nếu bạn kéo cử nhị xuống, 2 dây đàn sẽ ngắn quãng hơn, tạo ra âm thanh cao hơn. nếu bạn đẩy cử nhị lên khi đàn 2 dây sẽ phát ra âm thanh trầm hơn vì quãng dây dài hơn. Tuy nhiên để lên dây đàn người ta còn vặn trục dây nữa.

Cung vĩ: làm bằng cành tre, cành lóp hay gỗ có mắc lông đuôi ngựa. Những lông đuôi ngựa nằm giữa hai dây đàn để kéo đẩy, cọ xát vào dây đàn tạo ra âm thanh. Do những lông đuôi ngựa kẹt hai dây đàn nên ta không thể tách rời cung vĩ khỏi thân đàn.

Đàn nhị có âm vực rộng hơn 2 quãng tám, âm thanh trong sáng, rõ ràng, mềm mại gần với giọng hát cao (giọng kim). Muốn thay đổi âm sắc hoặc giảm độ vang người ta dùng đầu gối trái bịt một phần miệng loa xòe của bát nhị (khi ngồi trên ghé kéo đàn) hay dùng ngón chân cái chạm vào da của bát nhị (khi ngồi trên phản kéo đàn, trên chiếu). Nhờ những cách này âm thanh sẽ xa vắng, mơ hồ, tối tăm và lạnh lẽo diễn tả tâm trạng thâm kín, buồn phiền

Đàn nhị là thành viên trong nhạc phường bát âm, dàn nhã nhạc, ban nhạc châu văn, tài tử và dàn nhạc tổng hợp. Ngày nay thỉnh thoảng nó xuất hiện cả trong dàn nhạc pop, rock hiện đại để tăng màu sắc trong cách phối âm.

Bạn dùng tay trái giữ dọc nhị và bấm dây đàn bằng lòng ngón tay hoặc đầu ngón tay, tay phải cầm cung vĩ để kéo đẩy tạo ra âm thanh.

Kỹ thuật đàn khá phong phú, bao gồm từ ngón vuốt, ngón nhấn, ngón lách, ngón chuyễn đến cung vĩ liền, cung vĩ ngắt, cung vĩ rời và cung vĩ rung

#### *1.2.6.9 Sáo.*

Sáo là nhạc cụ thổi hơi có từ thời kỳ cổ đại, rất nhiều nước trên thế giới sử dụng sáo với nhiều hình dáng và cấu tạo có thể khác nhau. Ở Việt Nam sáo ngang rất thông dụng và có nhiều loại. Sáo ngang ngày xưa có 6 lỗ bấm cách đều nhau nhưng không còn được sử dụng. Loại sáo ngang ngày nay có các lỗ



bấm theo hệ thống thất cung với tên gọi khác nhau căn cứ vào âm trầm nhất, thí dụ như sáo đô, sáo rê, sáo mi giáng và sáo sol ...

Mỗi loại sáo có giọng riêng nên người diễn thường chọn loại sáo làm sao để phù hợp với bài bản. Gần đây một số nghệ nhân đã khoét thêm một số lỗ bấm phụ trên thân sáo, giúp việc diễn tấu dễ dàng.

Nhìn chung sáo ngang thường làm bằng ống trúc, ống nứa hoặc ống rùng, thỉnh thoảng người ta tạo ra loại sáo bằng kim loại hoặc bằng gỗ đều sử dụng tốt. Về cơ bản, sáo ngang có 1 lỗ thổi nằm cùng hàng với 6 lỗ bấm. Ngoài ra còn 1 lỗ dán màng (sáo Trung Quốc), lỗ âm cơ bản và những lỗ để buộc dây treo hay tua trang trí.

Lỗ âm cơ bản là lỗ khoét cuối ống, quyết định âm trầm nhất khi ta bịt kín tất cả những lỗ bấm. Âm trầm này dùng để xác định tên gọi của loại sáo. Tuy nhiên, có những cây sáo không có lỗ âm cơ bản nếu chúng bị cắt cụt ngay chỗ đó. Để xác định tên gọi người ta căn cứ vào đầu lỗ của ống sáo và cho đó là lỗ âm cơ bản.

Lỗ dán màng nằm giữa lỗ thổi và những lỗ bấm. Lỗ này dán 1 màng mỏng bằng ruột cây tre hoặc bằng giấy bóng mỏng, tuy nhiên một số cây sáo không có lỗ này.

Thông thường sáo ngang có âm vực rộng 2 quãng tám. Dù sáo âm thấp hay cao đều có âm sắc trong sáng, tươi tắn, gợi nhớ khung cảnh đồng quê. Tuy nhiên người ta có thể sử dụng chúng để diễn tả những giai điệu buồn man mác.

Về cách thổi nghệ sĩ thường sử dụng kỹ thuật rung, đánh lưỡi (đơn, kép và tam) hoặc phi (một cách rung lưỡi cổ truyền). Ngoài ra còn cách nhấn hơi, luyến hơi, vuốt hơi, âm bội và ngón vỗ ...

### **1.2.7 Sân khấu chèo.**

Trước đây Sân khấu chèo đơn giản tất cả việc diễn ra trên chiếc chiếu trải giữa sân đình. Sân khấu chống bốn mặt, khán giả vây quanh bốn phía xem chèo. Có khi thì hậu trường phân biệt với sân khấu được đặt vào một cổng làng hay dưới mái tam quan và như vậy thì hậu trường là sau cánh cửa, và sân

khẩu chỉ có một mặt quay ra khán giả. Phong cảnh không hề có. Vài chiếc hòm đựng đồ trong khi di chuyển, thì lúc diễn được đem dùng để bố trí khung cảnh, khi là ngai vàng nhà vua khi là quả núi... có khi người ta dàn cảnh một cách rất kì lạ. ví dụ tượng phật trong vở Quan Âm Thị Kính thì lấy người đóng giả. Khi hết màn thì tượng cứ việc đứng dậy mà đi vào. Trong quá trình phát triển và cách tân ngày nay chèo được biểu diễn trên sân khấu chuyên nghiệp.

### **1.2.8 Múa trong Chèo**

Ngoài âm nhạc, nghệ thuật cơ bản trong các vai của diễn viên chèo còn là múa. Những nghệ nhân lớp trước thường nói rằng: “Múa là hình tượng đẹp đẽ của nội tâm”. Điệu múa trong chèo không hoàn toàn mang tính trừu tượng và tượng trưng, ước lệ như một số loại hình nghệ thuật thông thường khác bởi lẽ nguồn gốc của nó là những hình ảnh sinh hoạt, lao động ở nông thôn. Những điệu múa trong chèo là những điệu múa dân tộc. Nguồn gốc của các điệu múa trong chèo là múa dân gian ngày xưa, múa rước kiệu, múa cô đào ở cửa đình và nhất là các điệu múa trực tiếp xuất phát từ sinh hoạt lao động. Các động tác cơ bản của các điệu múa trong chèo bắt nguồn từ các động tác lao động như cấy lúa, quay tơ, dệt vải, chèo đò, khâu áo... Khi sân khấu Chèo có nhân vật vua quan thì múa Chèo vay mượn một số yếu tố múa tuồng để thể hiện những nhân vật vua quan văn võ, những cuộc đao binh.

Tuy trong chèo các điệu múa đã được cách điệu hóa nhiều nhưng chúng vẫn mang phong thái dân tộc ở những bước đi, ở bàn tay múa, ở chiếc quạt trên tay diễn viên khi mở khi khép uyển chuyển linh hoạt.

### **1.2.9 Phân loại Chèo.**

Hiện nay loại hình nghệ thuật sân khấu chèo có khoảng trên 200 làn điệu. Các điệu ca khúc chính trong chèo là những làn điệu dân tộc như: Nói sữ, hát cách, hát vãn, hát làn thắm... Và trong số làn điệu dần dần được đưa thêm vào chèo thì các làn dân ca được “chèo hóa” chiếm đại đa số. Các điệu ca khúc của chèo cũng như các làn dân ca “chèo hóa” đều là những điệu nhạc

vang lên từ đồng ruộng, xóm làng. Trong đó chia ra thành 4 loại chính: Chèo sân đình, chèo cải lương, chèo chải hê, chèo hiện đại.

### **1.2.9.1 Chèo sân đình:**

Chèo sân đình chính là chèo dân gian truyền thống, chỉ biểu diễn trong các dịp hội làng, lễ tết ở sân đình. Sân khấu của chèo là sân đình rộng lớn, phường chèo biểu diễn ngay trước tiền đình. Xưa kia phường chèo do một ông trùm cầm đầu đi diễn ở các thôn, xã. Mỗi phường chèo chỉ khoảng mười mười lăm người kể cả nhạc công mà bộ gõ chiếm vị trí quan trọng. Người đóng trò gồm đào, kép, lão, mẹ, hề. Có khi chỉ cần một đào, một kép, một hề xuất sắc là nổi đình nổi đám. Tính chất ước lệ của sân khấu chèo không chỉ thể hiện ở diễn xuất mà cả về trang trí. Chẳng có phong màn chỉ có một tấm vải nhuộm màu ngăn đôi buồng trò và sàn diễn. Hai chiếc chiếu trải ở giữa, khán giả ngồi vây ba mặt. Buổi diễn thường mở đầu bằng điệu hát vỡ nước, một hồi trống dung lên, một người ra giáo đầu, buổi diễn kết thúc có hát vãn trò và trống dĩa đám. Chèo cổ còn có tên gọi khác là "trò nhời". Ngoài việc biểu diễn ở sân đình lúc hội hè, đình đám, các gánh chèo còn được mời hát ở các đám cưới, đám khao.

Mặc dù vậy, phường chèo vẫn là một gánh hát không chuyên. ở đó, người nghệ sĩ không lấy hát chèo làm nguồn sống chính. Diễn viên chèo vẫn là nhà nông và chỉ đi hát theo mùa hay khi có dịp. Nguồn sống chính của họ vẫn trông vào lao động sản xuất nông nghiệp ở thôn quê. Một số người khác là thợ mộc, hay người buôn bán cũng có thể tham gia phường chèo. Vùng đất tổ xưa, cũng có lúc đã hình thành phường chèo chuyên nghiệp như các phường Bò Điền, Bàn Mạch, Tuân Chính (ở Vĩnh Lạc), Cao Phong (ở Lập Thạch)... nhưng rồi các phường ấy cũng chẳng tồn tại được lâu bởi chỉ dựa vào lệ đánh bạc gây quỹ. Các phường chèo ở vùng đất tổ Vĩnh Phú đều thờ ông tổ sư chèo Đông Phương Sóc.

Mỗi phường có một tượng nhỏ Đông Phương Sóc bằng gỗ để mộc, không tô vẽ, đặt trong một hộp gỗ nhỏ, do trùm phường cất giữ rất cẩn thận.

Phường chèo gồm một số người cùng thôn hay cùng một làng xã. Phần nhiều có họ hàng với nhau. Vào mùa diễn, các phường lên đường rất đơn giản, nhẹ nhàng. Toàn bộ y phục, trang trí, đạo cụ để gọn vào một đôi hòm do một người gánh bởi hát chèo cổ không cần phong màn

Chèo sân đình diễn theo lối ước lệ, cảnh trí chỉ được thể hiện theo ngôn ngữ, động tác cách điệu của diễn viên. Đạo cụ của người diễn hay sử dụng là chiếc quạt.

Trên đường xâm nhập ngày càng sâu vào mọi mặt sinh hoạt đời thường của bà con thôn xóm, những người làm chèo đã nhanh chóng kịp thời chuyển địa điểm diễn qua sân đình, từ lòng đình hoặc thêm đình quay ra ba phương sáu hướng, lấy đây làm khán trường ngoài trời rộng rãi phóng khoáng; Cứ thế, dần hình thành cả loạt nguyên tắc kịch thuật linh hoạt độc đáo, mà nhiều nhà chuyên môn gọi là sân khấu ba mặt.

Trong chèo cổ, cái cười chiếm thời gian dài, chú ý phản ánh những thói hư tật xấu của đời thường. Điều đó, làm cho tính xã hội của chèo ngày mỗi nổi đậm về sau. Nổi bật hơn cả là lớp việc làng chỉ bằng nói thường, nói lối, nói rao, "ngâm thơ", với đủ thành phần nhân sự của bộ máy chính quyền cơ sở đại diện cho pháp luật, tập tục, đạo lý, tôn giáo, bị vạch mặt thật ê chề.

Chèo sân đình quá trình thu hút hòa nhập số loại hình dân ca, dân vũ, diễn xướng và trò diễn dân gian làm thành bản thân nghệ thuật chèo, mà thực tế diễn xuất của số vở truyền thống còn hằn rõ dấu vết. Chèo từ loại Giáo phát triển thành có tích, có nhân vật, từ đây du nhập, chuyển biến các loại hát bỏ bộ (trong sinh hoạt hát Xoan, hát Dậm, hát Dô,...), các loại hát nói (trong hát ả đào, hát văn, hát xẩm,...), kết hợp với số động tác trong múa (hát) chèo đò, múa (hát) cửa đình (các khuôn múa bàn tay, múa lượn ngón, múa cánh tay), múa mâm đèn, múa quạt, múa cờ,...; với cả những trò nói mặt, trò trình nghề vốn rất phổ biến trong những hội làng, đánh dấu từng mức trình độ sáng tạo và thưởng ngoạn nghệ thuật của đồng bào từng vùng. Quá trình tìm cách thể hiện các tích mới, nhân vật mới, tình huống mới, nghệ nhân đã vay mượn các

loại dân ca, dân vũ trò diễn dân gian và "chèo hoá" chúng dần cho tới khi thành thủ pháp của vốn nghệ nhà.

Như vậy, chèo sân đình hình thành ngôn ngữ nghệ thuật ngay khi thành hình và phát triển kịch chủng, là đã lưu ý nhiều đến số lớp trò chuyên dùng, xếp cạnh số lớp trò đa dùng, trong đó, âm nhạc giữ vai trò rất quan trọng. Nói cách khác, những gì làm người xem phân biệt chèo với các kịch chủng cùng nằm trong loại hình kịch hát dân tộc (Việt) như tuồng, kể thêm cải lương, chưa nói ôpêra, ôpêrét hay kịch nói, những cái lọt vào tai, hiện ra trước mắt người xem (dù là tâm tư tình cảm nhân vật hay không gian thời gian xảy ra sự biến) chính là âm nhạc, gồm cả nhạc gõ, nhạc khí, và làn điệu qua nghệ thuật biểu diễn của nhà nghệ.

Do phải phụ thuộc hoặc chịu ảnh hưởng nhiều ít của những biến thiên văn hóa xã hội mỗi thời kỳ lịch sử mà từ Lý Trần về trước, nhạc dân gian và nhạc cung đình, hòa hợp gần như là một; sang đời Hậu Lê có lúc nhạc cung đình hướng ngoại cố giữ vị trí chủ lưu, song không bao lâu cũng chịu bất lực để "tục nhạc" (trong đó có nhạc chèo) bùng lên, ùa tràn vào các lễ nghi triều miếu, bất chấp mấy lần vua Lê chúa Trịnh ra sắc chỉ cấm đoán ngăn chặn, như từng chép ở Đại Việt sử ký, Vũ trung tùy bút. Tới thế kỷ XIX, nhà Nguyễn có lúc muốn thu tóm tất cả những gì thuộc lễ nhạc về một mối, lập hẳn một Thư, rồi một ban Hiệu Thư chuyên lo mà cũng chỉ cản trở chuyện đó phần nào. Bởi chèo sân đìnhnhờ bám chắc vào đời sống đông đảo bà con và các Hội làng, nên dù ở hoàn cảnh nào cũng được nhân dân bù trừ khích lệ mà tồn tại và lớn dần đến ngày nay.

Con đường gần 5 thế kỷ từ chèo Thuyền bản đến chèo Kiều, hoặc có thể nói, từ trò nhà Phật (có thể gọi là chèo sân chùa?) chuyển sang chèo sân đình qua biết bao biến thiên văn hóa xã hội, cả chính trị, đã để lại cho đời cả một kho tàng nghệ thuật sân khấu dân tộc quý giá, đòi các thế hệ sau quan tâm bảo tồn, kế thừa, phát huy và phát triển. Sự hình thành khuôn diễn cho từng loại nhân vật hay cho từng nhân vật cụ thể là cả một công trình nghệ

thuật mang tính tập thể cao độ, trong đó, mỗi người mỗi góp vào, phần nhiều từ ứng diễn ứng tác truyền đời trên cơ sở bản trò. Vì thế hình tượng vai đóng đã hầu thành khuôn diễn chung trên đường nét cơ bản đòi kẻ đi sau phải cố gắng tuân thủ, nhất thể đối với số vai hay, vở diễn hay, đã được giới nghề coi là vốn cũ truyền thống

### **1.2.9.2 Chèo cải lương**

Chèo cải lương là một dạng chèo cách tân do Nguyễn Đình Nghi khởi xướng và theo đuổi để thực hiện từ đầu những năm 1920 đến trước Cách mạng tháng Tám 1945, theo xu hướng phê phán tính ước lệ của chèo cổ. Chèo cải lương được soạn thành màn, lớp, bỏ múa và động tác cách điệu trong diễn xuất, xử lý những mô hình làn điệu chèo cổ, đưa nguyên những bài dân ca có sẵn vào bổ sung cho hát chèo. Bộ "Tám trận cười" của Nguyễn Đình Nghi gồm những vở nổi tiếng

Trên phương diện hình thức nghệ thuật, chèo cải lương tuyên ngôn cải cách chèo theo tinh thần tả thực của sân khấu phương Tây. Có phong màn, bày biện cảnh trí để quy định không gian cụ thể.

Về trang phục thì nhân vật lên sân khấu được ăn mặc như ngoài đời, người thì đầu quấn khăn lượt lông lèo, quần lá tọa, áo cánh màu trắng cháo lòng, chân lộn giày mồm ngóe, người thì quần tây, áo vét màu vàng nhạt hoặc trắng nhờ màu nếp, đầu đội mũ phớt tàng, chân mang giày đơ cu lơ...

Về biểu diễn thì chèo cải lương bỏ những lớp trò ước lệ, bỏ hình thức múa hoa tay, múa cổ tay.

Về âm nhạc, trong chèo cải lương du nhập nhiều loại dân ca, bài bản, ca khúc Tây, Tàu không cần tùy thuộc vào bản chất, tính cách nhân vật. Các làn điệu dân ca Bắc Bộ như cò lả, trống quân, hát ví, sa mạc, bông mạc... được đưa vào vở diễn không cần phải "chèo hóa". Ngoài ra ông còn chú ý sử dụng các bản nhạc cổ như bình bán, hành vân, giao duyên

Còn về nội dung, chèo cải lương chú trọng vào việc răn đời, lấy lời ca, giọng hát và tiếng cười tao nhã mà duy trì phong hóa và cảnh tình thế đạo

nhân tâm”. Các vở diễn phê phán nghiêm khắc những kẻ cờ bạc, rượu chè, nghiện hút... đề cao nhân phẩm, đề cao tình nghĩa bạn bè, bảo vệ gia đình, yêu cầu sinh hoạt lành mạnh, làm ăn lương thiện (**Mảnh gương nhân sự, Chữa bệnh ghen, Lượng cả bao dung, Kiến nghĩa đương vi...**); lên án gay gắt lũ tham quan ô lại, cường hào cấu kết với nhau áp chế, bóp nặn người lương thiện một cách độc ác (**Vụ án Hà thành**), vẽ lên những ông thông, ông phán, hào phú rượu chè, cờ bạc, hút xách, chơi bời... trước sau sẽ chịu hậu quả xấu xa, thảm hại, rồi nhờ mẹ hiền, vợ thảo, con khôn mà nhận ra sai trái, trở lại với gia đình (**Quá chơi nên nổi, Say và tỉnh**

Thế giới nhân vật trong chèo cải lương là những chàng công tử ăn chơi, những cô tiểu thư diêm dúa, gã trai đàn điểm say mê cờ bạc, hút xách cho đến thẳng ở, con sen, cô đầu, gái ăn sương, thậm chí cả chú khách, tây đen, cha cố... Họ sống cầu an hưởng lạc với những khát vọng, thèm muốn rất tầm thường, thậm chí thấp hèn, dễ sa đà vào bẫy trụy lạc.

Do sự mở rộng đề tài mà bút pháp thể hiện của Nguyễn Đình Nghi có sự giống và khác biệt so với bút pháp chèo sân đình. Các vở diễn của ông luôn luôn chú ý đến cốt truyện, đặc biệt quan tâm đến yếu tố bi và hài trong một vở diễn. Ngôn ngữ kịch bản phần lớn viết theo các thể thơ, ít khi văn vần, chen vào các đoạn nói thường, biến ngẫu đối ý, đối vần... Ở điểm này tác giả đã tiếp thu và cố gắng phản ánh trong tác phẩm của mình những tinh hoa của nghệ thuật chèo cổ. Tuy nhiên, cũng do sự mở rộng đề tài mà cách xây dựng nhân vật cũng được mở rộng. Nhân vật trong các vở diễn của Nguyễn Đình Nghi không phải chỉ là sự biểu hiện của nhân tình mà đã được đặt vào thế thái. Bối cảnh xã hội tác động đến các nhân vật như là sự trình bày giải thích nguyên nhân của mỗi nhân tình.

### 1.2.9.3 Chèo Chải Hê

Chèo chải hê là loại hình dân ca hát vào rằm tháng bảy hàng năm, hoặc trong đám tang, đám giỗ của người có tuổi thọ, có nguồn gốc từ việc kết nghĩa giữa 2 làng Vân Tương (Bắc Ninh) và Tam Sơn (Đông Anh, Hà Nội):

Chuyện kể rằng, vào thời Cảnh Hưng (1730-1786), viên quan cai trị trong vùng ra lệnh cho mỗi làng phải làm một ngôi đình để thờ thần bản thổ. Dân làng Lũng Giang lên rừng đẵn gỗ về làm đình, trên đường về qua làng Tam Sơn, không may qua sông mắc cạn, được nhân dân làng Tam Sơn ra kéo giúp. Từ đó sinh ra tục kết chạ Lũng Giang-Tam Sơn. Sau khi khánh thành ngôi đình, hàng năm nhân dân hai làng qua lại thăm nhau khi hiếu hỉ từ đó sinh ra hát chèo Chải Hê

Chèo Chải hê tên đúng là chèo nhị thập tứ hiếu tức là chọn ra 24 người con hiếu thảo nên gọi tắt là chèo Chải hê hay Chải hê còn có những tên gọi khác như hát phường bội, quan họ hiếu và thường được hát ở sân đình, cửa chùa, trong các gia đình vào dịp giỗ chạp, đám tang hay ngày rằm tháng bảy – lễ xá tội vong nhân.

Nhạc cụ của chèo Chải hê rất đơn giản chỉ là trống cơm, thanh la, mõ. Khác với các chiếu chèo khác, ở chèo Chải hê thường chọn 6 người hát là nam thanh nữ tú, những người con hiếu thảo. Người nam vừa hát vừa thể hiện động tác múa với đạo cụ gồm 6 chiếc roi to bằng mười ngón tay cái, dài khoảng 1m được sử dụng như mái chèo trong lúc múa. Còn người nữ động lòng thương chàng trai chèo vất vả nên đứng đằng sau phụ họa bằng quạt.

Chèo Chải hê bao gồm hầu hết các giọng chèo, nhiều làn điệu và mang tính sông nước lại có lối hát xướng bằng nhiều hình thức khác nhau trong quá trình biểu diễn nên rất gần gũi với cư dân vùng đồng bằng. Chèo Chải hê gồm có 4 phần, mở đầu là hát giáo roi, nhị thập tứ hiếu, sau đó là múa hát chèo thuyền cạn và cuối cùng là múa hát kể thập ân rồi mới kết thúc bằng câu quan họ già bạn.

Chèo Chải hê trong khi hát cũng có những tích truyện, những câu hát lồng vào đó nhưng chủ yếu vẫn đề cao lòng hiếu thảo.

Thế nhưng, chèo Chải hê đã không tồn tại được để vang danh khắp mọi miền như Quan họ. Những năm 1950-1960, thanh niên hai làng (Lũng Giang và Tam Sơn) chỉ chuyên tâm vào việc làm ăn chứ ít quan tâm đến việc học



hát xướng như các thể hệ trước. Do đó, sau này, càng có ít người biết về chèo Chải hệ cũng như còn nhớ giai điệu da diết của điệu hát này.. Hiện nay chèo chải hệ đang được phục hồi và bảo tồn.

#### **1.2.9.4 Chèo hiện đại**

Chèo hiện đại loại hình nghệ thuật chèo từ sau Cách mạng tháng Tám (1945). Kế thừa và phát triển chèo cổ, nội dung phong phú, phản ánh xã hội Việt Nam hiện đại. Kịch mục chèo hiện đại gồm ba bộ phận: 1) Những vở chèo cổ được chỉnh lí hoặc cải biên, dàn dựng lại cho hợp với những yêu cầu thưởng thức nghệ thuật của công chúng hiện đại; 2) Những vở chèo mới, diễn theo tích dân gian, lịch sử hoặc dã sử; 3) Những vở chèo mới phản ánh cuộc sống hiện đại

Về âm nhạc, một số điệu hát chèo đã được các nghệ sĩ mạnh dạn cải biên, phối khí theo phong cách và nhạc cụ hiện đại nhưng vẫn giữ giai điệu gốc vốn có. Trên cơ sở bảo tồn những tinh hoa truyền thống, chèo hiện đại tìm hướng phát triển cho phù hợp với thời đại: phát triển trên nguyên tắc của phương pháp nghệ thuật truyền thống, tiếp thu những yếu tố của kịch "dram" (kịch nói) và ca kịch phương Tây. Chèo hiện đại đạt tới sự hưng thịnh chưa từng có trong lịch sử lâu đời của chèo vào những năm đầu thập niên 60 thế kỉ 20. Ở Miền Bắc, có 20 đoàn chèo chuyên nghiệp và hàng nghìn đoàn chèo nghiệp dư (riêng tỉnh Hải Dương cũ có tới 400 đội chèo). Hát chèo trở thành phổ biến trong đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân.

### **1.3 Giá trị của Chèo**

#### **1.3.1. Giá trị lịch sử**

Chèo là một bộ môn nghệ thuật được hình thành từ rất lâu đời. Điều đó được chứng minh trong các chứng tích cổ còn lưu giữ lại được ghi khắc trong sử sách, bi ký qua các đời Đinh, Tiền Lê, Lý đến cuối Trần.

Lịch sử Việt Nam cho biết trong các thời đại Đinh Tiên Hoàng, thời nhà Tiền Lê, Lý, Trần đã có những hoạt động nghệ thuật dân gian như nhảy, múa, ca hát, bơi thuyền... chèo có thể là một bộ phận nghệ thuật ca múa song

song với các môn ca múa khác với những “nghệ sĩ dân gian” tụ họp lại thành phường hội do những yêu cầu nghiệp vụ. Qua các triều đại, Chèo ngày càng phát triển và hoàn thiện hơn. Chèo không chỉ phát triển và thịnh hành trong cung đình mà nó còn ăn sâu vào phong tục, nghi lễ của con người trong đời sống hàng ngày.

Nghệ thuật sân khấu chèo đã trải qua một quá trình lịch sử lâu dài từ khoảng thế kỉ thứ 10 tới nay đã đi sâu vào xã hội Việt Nam từ làng xóm nông thôn đến triều đình vua chúa, và đã được nhân dân ta vô cùng ưa thích. Bởi trong chèo phản ánh đầy đủ mọi góc độ của bản sắc dân tộc Việt Nam : lạc quan, nhân ái, yêu cuộc sống yên lành, bình dị, nhưng tràn đầy tự hào dân tộc, kiên cường đỏi giặc ngoại xâm, bảo vệ tổ quốc thân yêu. Cũng chính vì nội dung tư tưởng lành mạnh đó mà trong chèo có đầy đủ các thể loại văn học: trữ tình lãng mạn, anh hùng ca, sử thi, thơ ca giáo huấn (giảng kinh truyện, khuyên đạo đức)... hơn hẳn các loại hình nghệ thuật khác như tuồng, quan họ, .... Cùng những thăng trầm của lịch sử dân tộc chèo đã tự mình vận động và phát triển phù hợp với mỗi giai đoạn lịch sử để kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển nội tâm của con người cá thể, và mỗi ngày một thêm hoàn chỉnh về giai điệu, nhuần nhuyễn tinh vi về lời hát, lời thơ, đã trở thành một bộ phận văn học vô cùng quý báu của dân tộc.

Chèo là món ăn tinh thần đã xâm nhập sâu rộng vào trong đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc ta. Chèo không những mang đến sự yêu thích cho người dân mà đến thần linh cũng thích. Trong những lễ hội tại những đình, miếu, đền trong không khí linh thiêng, thâm nghiêm, các vị thần thưởng thức những làn điệu chèo trong sự tôn kính của các con dân.

Ngay trong đời thường nhật mỗi khi có dịp vui, như dịp khao làng, khao thợ, khao được thăng chức, khao thi đỗ thì người ta cũng vùi vào những nghệ sĩ chèo. Hay đơn giản là trong những lúc nhàn rỗi, hay đang lao động mệt mỏi người ta cũng cất lên những làn điệu chèo điệu chèo để xua đi những sự mệt

mỗi.cũng khi có chuyện buồn thì những lời ca tiếng hát, vần thơ để sẻ chia tâm sự, để hoà mình vào thế giới nội tâm sâu thẳm của những tri âm.

Chèo thực sự đã đồng hành cùng tâm hồn và văn hóa của người Việt. Trải qua bao thăng trầm, biến đổi của lịch sử chèo ngày càng hoàn thiện và chiếm phần quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của người Việt.

### **1.3.2 Giá trị nghệ thuật của chèo.**

Chèo là một hình thức sân khấu dân tộc xuất hiện và phát triển trong sinh hoạt văn hóa của người dân, là một nghệ thuật tổng hợp. Phải được tai nghe các điệu hát, mắt thấy các cảnh trên sân khấu, các động tác cử chỉ của nhân vật... thì mới hiểu thấu nội dung và nghệ thuật của chèo.

Có thể khẳng định chèo là một lối kể chuyện bằng sân khấu và do đó chèo cũng giữ được đặc tính của lối kể chuyện trong dân gian. Tác giả chèo dựa vào những sự tích vốn có trong các truyện cổ tích, truyện nôm, mà dựng nên vở. Hoàn cảnh không gian và hoàn cảnh thời gian trong chèo cũng tự do như hoàn cảnh không gian và thời gian trong truyện cổ tích, sinh động và tiến triển rất nhanh. Một vở chèo có khi gồm hàng chục cảnh khác nhau, và diễn lại một sự tích dài hàng ba năm, dăm bảy năm.

Trong chèo, từ nội dung lời ca, lối múa và âm thanh nhạc khí của chèo, cho đến lề lối hát và động tác múa của đào kép ..., với phối khí của nhịp trống, đàn lãn với tiếng đàn, tiếng sáo, tiếng mõ. Tất cả âm thanh tượng hình ấy, đều mang tải tâm hồn trong mỗi câu thơ, mỗi lời hát của tác giả. Đào - Kép hát múa thể hiện bằng nhấn nhá, luyến láy, buông chữ, nhả chữ, không được sai âm, méo từ, và ở mỗi câu hát lại được đệm thêm những từ “ấy này”, “bây giờ”, “để mà”, “í ì a”, đan lãn vào trong các câu thơ.

Những làn điệu chèo chủ yếu mang tải nội dung ca ngợi nghĩa khí cao đẹp, tấm lòng thủy chung của người phụ nữ, phản ánh những cái thiện, cái đẹp trong cuộc sống.

Nói đến nghệ thuật chèo, trước tiên phải nói đến những câu thơ sâu lắng và ý tình, từ hiện thực cảnh vật sống động, chứa đựng trong nội dung bài

thơ ấy. Để tạo ra tiếng ca, tiếng nhạc độc đáo làm nên nghệ thuật chèo thì cần phải có: một là những lời thơ, hai là những lời Hát của những người nghệ sĩ tài ba, ba là nhạc đệm của trống, sênh tiền, đàn nguyệt....

Ngày xưa hát múa ở cung đình đều do vua chúa và quan trong triều chế tác, cùng Bộ Lễ sắp xếp, nhằm chúc tụng đấng quang, chúc Quân vương trường thọ, hay mừng công chiến thắng, mừng cảnh thanh bình. Còn hát múa ở sân đình hầu hết là hát những bài thơ, bài kinh, bài truyện có sẵn. Biểu diễn nhằm phục vụ dân làng, hay vừa múa hát theo các tiết mục hành lễ.

Cái bất ngờ nhất là càng tìm hiểu sâu thì mới thấy chèo thực sự là hình thức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp độc đáo của Việt Nam. Chèo bao hàm rất nhiều hình thức nghệ thuật trong đó có nghệ thuật ca hát, nghệ thuật múa và nghệ thuật trình diễn. Chính những hình thức này đã làm nên nét độc đáo trong chèo.

### **1.3.3 Giá trị hiện thực của chèo.**

Chèo là một loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian, ra đời và phát triển gắn với sinh hoạt văn hóa của con người. Cũng chính vì vậy mà trong chèo phản ánh một giá trị hiện thực sâu sắc. Chèo là tấm gương phản ánh xã hội ta ngày trước, xã hội Việt Nam thời phong kiến, trong chèo đã vạch rõ hiện thực sâu sắc nhất của xã hội đó là mâu thuẫn giữa địa chủ và nông dân, giữa chính quyền và nhân dân. Luôn đứng về phía nhân dân, những người nghèo khổ, vạch trần những mặt trái của bọn thống trị. Với cách sắp xếp lớp lang với những nhân vật sống, với những điệu múa lời ca, dưới ánh sáng tập trung của hình thức sân khấu, Chèo đã làm cho nội dung nhân đạo chủ nghĩa của các truyện kia thể hiện rõ rệt trước mắt ta. Chèo có những vai chín và vai lệch. Vai chín là những nhân vật tích cực, thường là những người nghèo khổ hoặc ở vào một địa vị bị áp bức. Vai lệch tức là những nhân vật tiêu cực, thường là những kẻ giàu có đi áp bức người khác và bọn tay sai của chúng.

Chèo quan niệm người nghèo khổ, người lương thiện là những người có phẩm chất tốt nhưng lại hay gặp chông gai ở một xã hội đầy bất công. Tuy vậy dù gian nan, họ vẫn giữ chí khí kiên quyết, lương tâm trong sạch, còn

những tên độc ác bất nhân đều bị trừng trị. Lòng yêu thương con người, đề cao phẩm chất con người được thể hiện rõ trong Chèo. Tinh thần nhân đạo chủ nghĩa lại còn rõ rệt ở chỗ Chèo chú ý nêu rõ sự cao quý ở những con người mà giai cấp phong kiến coi là thấp hèn. Trong Chèo người phụ nữ được nâng lên địa vị cao quý mà ý thức hệ phong kiến không bao giờ công nhận. Người phụ nữ trong các vở Chèo chính là người phụ nữ lao động Việt Nam. Đề cao phụ nữ là một mặt quan trọng của tinh thần nhân đạo chủ nghĩa trong Chèo.

Nếu như trên sân khấu bao giờ ít nhiều cũng có tính cách điệu, thì sân khấu chèo đã có nhiều tính chất cách điệu. Tác giả cũng như diễn viên lựa chọn trong hiện thực những cái gì bản chất nhất, tước bỏ đi những gì không tiêu biểu, và phóng đại, nhấn mạnh những gì tiêu biểu nhất. Chèo cũng như các thể loại khác có ý nghĩa đấu tranh giai cấp rõ rệt. Chèo đã dùng lợi khí trào phúng để đả kích bọn cường hào ác bá. Chèo sử dụng mọi khả năng kêu gọi tiếng cười để đấu tranh. Nhân dân có dịp ngàn ngón tay cùng trở, ngàn con mắt cùng nhìn, ngàn tiếng cười cùng vang lên khoái chí, để khinh miệt những cái chướng tai gai mắt của bọn thống trị mà chèo đưa lên sân khấu như tấm bia chịu nhiều mũi tên bắn vào.

Chèo là một ngành nghệ thuật do quần chúng sáng tạo ra, cải tiến dần theo nhu cầu của quần chúng. Vì vậy chèo mang tính dân tộc và nhân dân sâu sắc. Vẻ đẹp của chèo là vẻ đẹp của âm thanh chau chuốt luật là mà người diễn trao cho người nghe, vẻ đẹp của những điệu múa dân tộc uyển chuyển của những chiếc quạt mà người nghệ sĩ biểu diễn. Chính vì vậy chèo là một di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của dân tộc Việt Nam. Góp phần làm phong phú kho tàng văn hóa nghệ thuật của dân tộc.

## **Tiểu kết chương 1**

Trong chương 1, đề tài đã đi sâu làm rõ những vấn đề lí luận chung nhất của nghệ thuật sân khấu chèo truyền thống nhằm đem lại một cái nhìn tổng quan về nghệ thuật Chèo của Việt Nam, từ lịch sử hình thành và phát triển qua các thời đại lịch sử của dân tộc từ thế kỉ thứ X cho đến thế kỉ XX, với những nét đặc trưng nhất ở mỗi thời kì mà hình thức sơ khai ban đầu là những trò diễn kết hợp trò nhại và múa hát dân gian ở thế kỉ thứ X đến hình thức chèo thuyền bản hay chèo thuyền bát nhã ở cuối thế kỉ XIV rồi phát triển tới mức hoàn chỉnh và trở thành chèo văn minh vào thế kỉ XX cho đến những đặc trưng nghệ thuật như nội dung phản ánh trong chèo, tên gọi, kĩ thuật kịch, âm nhạc, làn điệu, tư duy trong chèo, múa, nhạc cụ, sân khấu, các thể loại chèo... cũng như những giá trị về nghệ thuật, giá trị về lịch sử, giá trị hiện thực của chèo, tất cả đều nhằm khẳng định rằng đây là một di sản văn hóa quý báu mà ông cha ta đã để lại cần phải được các thế hệ mai sau tiếp tục giữ gìn, bảo tồn và phát huy. Để có thể tiếp nối cha ông gìn giữ loại hình nghệ thuật này, các thế hệ sau cần phải có những biện pháp cụ thể để có thể phát huy truyền thống dân tộc. Và khai thác nghệ thuật chèo một cách hiệu quả trong phát triển du lịch cũng là một biện pháp quan trọng góp phần bảo tồn và giới thiệu sâu rộng hơn nữa loại hình nghệ thuật sân khấu đặc sắc này đến với công chúng trong và ngoài nước.

## **CHƯƠNG 2**

### **TÌM HIỂU NGHỆ THUẬT CHÈO HẢI DƯƠNG**

#### **2.1 Tổng quan về tỉnh Hải Dương.**

##### **2.1.1 Điều kiện tự nhiên.**

###### **2.1.1.1 Vị trí địa lí.**

Hải Dương là một tỉnh nằm ở vùng đồng bằng sông Hồng, Việt Nam. Diện tích: 1.662 km<sup>2</sup>. Vĩ độ: 20°43' đến 21°14' độ vĩ Bắc, Kinh độ: 106°03' đến 106°38' độ kinh Đông

Theo quy hoạch năm 2007, Hải Dương nằm trong Vùng thủ đô với vai trò là một trung tâm công nghiệp. Thành phố Hải Dương trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá khoa học kỹ thuật của tỉnh nằm trên trục đường quốc lộ 5 cách Hải Phòng 45 km về phía đông, cách Hà Nội 57 km về phía tây và cách Thành phố Hạ Long 80 km. Phía bắc tỉnh có hơn 20 km quốc lộ 18 chạy qua nối sân bay quốc tế Nội Bài ra cảng Cái Lân tỉnh Quảng Ninh. Đường sắt Hà Nội - Hải Phòng qua Hải Dương là cầu nối giữa thủ đô và các tỉnh phía bắc ra các cảng biển. Là tỉnh nằm giữa vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Hải Dương bao gồm 01 thành phố trực thuộc, 01 thị xã và 10 huyện:

Thành phố Hải Dương, Thị xã Chí Linh (8 phường và 12 xã), Huyện Bình Giang (1 Thị trấn và 17 xã), Huyện Cẩm Giàng (2 Thị trấn và 17 xã), Huyện Gia Lộc (1 Thị trấn và 22 xã), Huyện Kim Thành (1 Thị trấn và 20 xã), Huyện Kinh Môn (3 Thị trấn và 22 xã), Huyện Nam Sách (1 Thị trấn và 18 xã), Huyện Ninh Giang (1 Thị trấn và 27 xã), Huyện Thanh Hà (1 Thị trấn và 24 xã), Huyện Thanh Miện (1 Thị trấn và 18 xã), Huyện Tứ Kỳ (1 Thị trấn và 25 xã).

###### **2.1.1.2 Địa hình.**

Được chia làm 2 vùng: vùng đồi núi và vùng đồng bằng.

Vùng đồi núi nằm ở phía bắc tỉnh, chiếm 11% diện tích tự nhiên gồm 13 xã thuộc huyện Chí Linh và 18 xã thuộc huyện Kinh Môn; là vùng đồi núi

thấp phù hợp với việc trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ và cây công nghiệp ngắn ngày.

Vùng đồng bằng còn lại chiếm 89% diện tích tự nhiên do phù sa sông Thái Bình bồi đắp, đất màu mỡ thích hợp với nhiều loại cây trồng, sản xuất được nhiều vụ trong năm. Diện tích đất nông nghiệp chiếm 63,1% diện tích đất tự nhiên. Đất canh tác phần lớn là đất phù sa sông Thái Bình, tầng canh tác dày, thành phần cơ giới thịt nhẹ đến thịt trung bình, độ pH từ 5 - 6,5; tưới tiêu chủ động, thuận lợi cho thâm canh tăng vụ, ngoài sản xuất lúa còn trồng rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày. Một số diện tích đất canh tác ở phía bắc tỉnh tầng đất mỏng, chua, nghèo dinh dưỡng, tưới tiêu tự chảy bằng hồ đập, thích hợp với cây lạc, đậu tương, ...

### **2.1.1.3 Khí hậu**

Hải Dương nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia làm 4 mùa rõ rệt (xuân, hạ, thu, đông). Lượng mưa trung bình hàng năm 1.300 - 1.700 mm. Nhiệt độ trung bình 23,30C; số giờ nắng trong năm 1.524 giờ; độ ẩm tương đối trung bình 85 - 87%. Khí hậu thời tiết thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, bao gồm cây lương thực, thực phẩm và cây ăn quả đặc biệt là sản xuất cây rau màu vụ đông.

### **2.1.1.4 Tài nguyên nước**

Thủy văn: Các sông lớn chảy qua có: Sông Thái Bình đi qua giữa thành phố, ở phía nam có sông Sặt, chi lưu sông Thái Bình. Sông Kinh Thầy ở phía đông phân định xã Ái Quốc (TP Hải Dương) và xã Lai Vu (Kim Thành). Ngoài ra, còn có các hồ điều hòa: Bạch Đằng và Bình Minh, là những hồ lớn của thành phố.

## **2.1.2 Điều kiện về dân cư - kinh tế - xã hội**

### **Dân số & lao động:**

Dân số hơn 1.703.492 người (theo điều tra dân số năm 2009).

Mật độ dân số trung bình: 1.044,26 người/km<sup>2</sup>.



### **Giao thông & cơ sở hạ tầng:**

Tỉnh Hải Dương có hệ thống cơ sở hạ tầng khá hoàn chỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

+ Hệ thống giao thông: gồm đường bộ, đường thủy, đường sắt; Phân bố hợp lý, giao lưu rất thuận lợi tới các tỉnh.

- Đường bộ: có 4 tuyến đường quốc lộ qua tỉnh dài 99 km, đều là đường cấp I, cho 4 làn xe đi lại thuận tiện:

- Đường sắt: Tuyến Hà Nội - Hải Phòng chạy song song với quốc lộ 5, đáp ứng vận chuyển hàng hoá, hành khách qua 7 ga trong tỉnh.

Tuyến Kép - Bãi Cháy chạy qua huyện Chí Linh, là tuyến đường vận chuyển hàng lâm nông thổ sản ở các tỉnh miền núi phía Bắc ra nước ngoài qua cảng Cái Lân, cũng như hàng nhập khẩu và than cho các tỉnh

- Đường thủy: với 400 km đường sông cho tàu, thuyền 500 tấn qua lại dễ dàng. Cảng Cống Cầu công suất 300.000 tấn /năm và hệ thống bến bãi đáp ứng về vận tải hàng hoá bằng đường thủy một cách thuận lợi.

Hệ thống giao thông trên bảo đảm cho việc giao lưu kinh tế từ Hải Dương đi cả nước và nước ngoài rất thuận lợi.

#### **- Kinh tế:**

Năm 2008, Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng 10,5%; Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,9%; Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng 13 %. Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng 13,5%. Giá trị hàng hoá xuất khẩu ước đạt 420 triệu USD, tăng 73,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, chủ yếu tăng do các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (tăng 85,7%). Tổng giá trị nhập khẩu ước đạt 440 triệu USD, tăng 47,9% so với cùng kỳ năm trước.

Đến nay Hải Dương đã quy hoạch 10 khu công nghiệp với tổng diện tích 2.719 ha. Với chính sách thông thoáng, ưu đãi các nhà đầu tư trong và ngoài nước, với lợi thế vị trí thuận lợi, Hải Dương đã thu hút nhiều nhà đầu tư vào khu công nghiệp. Đến hết tháng 10/2008 đã thu hút 350,2 triệu USD vốn

đầu tư trực tiếp nước ngoài, trong đó cấp giấy chứng nhận đầu tư mới cho 37 dự án ( tăng 9 dự án), tăng 39,2% so với cùng kỳ năm 2007. Ước tính vốn đầu tư thực hiện của các dự án năm 2008 đạt 300 triệu USD, tăng 27,6% so với năm 2007.

### **2.1.3 Tài nguyên du lịch.**

Hải Dương là tỉnh có nhiều danh lam thắng cảnh, với những hang động kỳ thú như núi Côn Sơn, núi Phượng Hoàng, núi An Phụ, núi Dương Nham, động Kính Chủ; những làng quê trù phú, những điểm du lịch sinh thái có tiềm năng và hấp dẫn như sông Hương (huyện Thanh Hà), đảo Cò (huyện Thanh Miện), rừng, hồ Bền Tắm (huyện Chí Linh)... Tính đến nay Hải Dương có tổng số 1.098 di tích lịch sử văn hoá có giá trị, trong đó có 142 di tích được xếp hạng quốc gia, 52 di tích xếp hạng cấp tỉnh, có nhiều lễ hội truyền thống và những làn điệu chèo xứ Đông nổi tiếng. Hải Dương còn là vùng đất địa linh nhân kiệt gắn liền với tên tuổi của nhiều vị anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Chu Văn An, Mạc Đĩnh Chi, Khúc Thừa Dụ... Để khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên du lịch của tỉnh Hải Dương, Sở Thương mại và Du lịch (nay là Sở Công thương) đã đề xuất thực hiện đề tài Điều tra hiện trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác nguồn tài nguyên du lịch để phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương và được UBND tỉnh phê duyệt trong Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 10/01/2007 Về việc phê duyệt Kế hoạch khoa học và công nghệ năm 2007. Đề tài thực hiện trong năm 2007, kết quả của đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp tỉnh đánh giá xếp loại khá.

#### **2.1.3.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên.**

Tài nguyên du lịch tự nhiên của Hải Dương phong phú, đa dạng và hấp dẫn, được hình thành bởi đặc điểm tổng hòa của các yếu tố địa chất- địa hình, khí hậu, thủy văn, thảm thực vật và thế giới động thực vật. Với sự phong phú về tài nguyên này, tỉnh Hải Dương có khả năng phát triển nhiều loại hình du lịch như: du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, tham quan danh lam

thắng cảnh, du khảo đồng quê... Có thể kể tên một số tài nguyên du lịch tự nhiên tiêu biểu của tỉnh Hải Dương như:

❖ **Khu du lịch sinh thái Đảo Cò**

Nằm giữa lòng hồ An Dương, thuộc địa bàn xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Nằm giữa một vùng hồ bao la sóng nước, đảo Cò nổi lên như một viên ngọc mà thiên nhiên đã ban tặng. Với diện tích 2.382m<sup>2</sup>, từ lâu đảo đã trở thành nơi trú ngụ của nhiều loại cò vạc khác nhau. Có chín loại cò khác nhau là cò lửa, cò ruồi, cò bợ, cò đen, cò nghênh, cò diệc, cò trắng, cò ngang, cò hương và ba loại vạc là vạc xám, vạc xanh, vạc đen có nguồn gốc từ Trung Quốc, Miến Điện, Ấn Độ, Nepal, Philippines.. Mùa xuân là thời điểm cò về đông nhất, có tới vài vạn con cò và hàng nghìn con vạc.

Khi hoàng hôn buông xuống là lúc cò về, chúng bay thành từng đàn, mỗi đàn có số lượng từ dăm bảy chục tới hàng trăm con đậu trắng xóa cả các tán cây trên đảo. Sau khi lượn nhiều vòng che kín cả khoảng không gian mặt hồ, chúng lần lượt hạ cánh an toàn xuống những lùm cây xanh giữa biển nước mênh mông dưới ánh nắng chiều, tiếp đó là những nhịp sải cánh của những chú vạc chuẩn bị cho một buổi kiếm mồi vất vả cả trong đêm. Là một vùng hồ rộng mênh mông, không bao giờ cạn nước nên Chi Lăng Nam còn có nhiều mòng két, le le, vịt trời, đặc biệt đã từng có cốc đen, bồ nông, cuốc và nhiều loài giẽ khác nhau. Trong số ấy, cốc và bồ nông là loài chim nước quý hiếm có tên trong sách Đỏ Việt Nam. Đến nơi đây vào lúc hoàng hôn hay sớm mai là lúc “giao ca” thú vị giữa cò và vạc trong cuộc mưu sinh hàng ngày, là khi cò về sớm mà vạc chưa đi kiếm ăn thì đảo cò thật là huyền ảo. Chúng tranh cướp nhau để giành chỗ đậu. Vạc yếu thế nên bị dồn xuống dưới, còn cò phủ trắng trên các tán cây. Hình như cây cối trên đảo không còn đủ chỗ cho cả đàn cò khổng lồ bám nữa.

Đến Đảo Cò vào những ngày đất trời lập đông, ấn tượng đầu tiên là cảm giác choáng ngợp trước một cảnh tượng thiên nhiên hy hữu. Hàng vạn chú cò,

vạc đậu san sát trên các ngọn tre, cành cây, trông xa như những cảnh hoa diêm đầy bông trắng.

Người dân Chi Lăng Nam vẫn truyền cho nhau nghe về truyền thuyết vùng đất này. Truyện kể rằng vào đầu thế kỷ 15, những trận đại hồng thủy đã làm dải đê lớn ven sông Hồng trải qua 3 lần vỡ đê liên tiếp. Đến lần vỡ đê thứ hai thì tạo thành hòn đảo nổi giữa hồ. Rồi "đất lành chim đậu", từng đàn cò, vạc, chim nước đủ loại từ khắp nơi đổ về đây cư trú.

Dưới tiết trời heo may, được thả mình vào khung cảnh vẫn còn mang đậm vẻ đẹp hoang sơ của thiên nhiên thì thật là tuyệt. Đảo Cò thực sự sẽ mang đến cho du khách những khoảng khắc sống cùng thiên nhiên. Cũng chính vì vậy mà Đảo Cò Chi Lăng Nam đã trở thành điểm du lịch sinh thái "độc nhất vô nhị" của miền Bắc.

#### ❖ **Sân Golf Ngôi Sao Chí Linh.**

Nằm ở thị trấn Sao Đỏ, huyện Chí Linh, Hải Dương, 48km từ Hà Nội, trên đường tới vịnh Hạ Long. Nằm ngay vị trí trung tâm tam giác phát triển kinh tế du lịch phía Bắc, sân golf Chí Linh được đánh giá là một sân golf hàng đầu không chỉ tại Việt Nam mà cả vùng Đông Nam Á. Câu lạc bộ golf Ngôi Sao Chí Linh đã nhanh chóng trở thành một điểm sáng du lịch, trung tâm thể thao, vui chơi, nghỉ dưỡng, xúc tiến đầu tư... cao cấp của cả vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

Trải rộng trên diện tích 325 ha trong lòng một thung lũng tuyệt đẹp với một hồ nước tự nhiên nép mình bên những dải đồi xanh hùng vĩ bao quanh, sân golf Ngôi Sao Chí Linh được xây dựng 36 lỗ theo tiêu chuẩn quốc tế AAA. Những thảm cỏ xanh được chăm sóc, xén tỉa mỗi ngày, những con đường nhỏ uốn mình vòng quanh mép hồ, các rặng cây, các dốc thoải ven đồi, là điểm dừng chân với những quán nhỏ đơn sơ nép mình trong tán cây thơ mộng...Ấn hiện trong khung cảnh thơ mộng ấy là 36 hố golf được bố trí khoa học với các bãi cát kín đáo sẵn sàng "bẫy" ngay cả các nhà chơi golf chuyên nghiệp. Điểm cao nhất của sân golf Ngôi sao Chí Linh chính là nhà Câu lạc

bộ. Tòa nhà tròn với thiết kế độc đáo, toàn bộ hệ thống cửa và tường bao được xây dựng bằng kính trong suốt cho phép du khách và khán giả có thể chiêm ngưỡng phần lớn diện tích sân với 28/36 hố golf.

Sân golf được xây dựng với khẩu hiệu đặt ra: "Nơi tốt nhất để chơi golf". Phần lớn các công nghệ tiên tiến nhất, vật liệu xây dựng hàng đầu thế giới đã được sử dụng tại đây. Chẳng hạn: các loại cỏ Turf chuyên dụng - loại cỏ tốt nhất dùng cho sân golf - được nhập khẩu từ Úc để sử dụng tại đây; hệ thống tưới linh hoạt điều khiển bằng máy tính của hãng Rainbird được nhập khẩu từ Mỹ, các loại thiết bị bảo dưỡng sân golf hàng đầu thế giới của hãng Toro được nhập khẩu từ Mỹ... Sân golf này do IGCS - một công ty hàng đầu của Úc thiết kế và xây dựng theo tiêu chuẩn golf quốc tế chuyên nghiệp nhưng đồng thời vẫn tạo dựng, gìn giữ, và khai thác tối đa các vẻ đẹp tự nhiên của thiên nhiên. Đội ngũ điều hành sân golf có cả các nhà chơi golf chuyên nghiệp nước ngoài, đem theo kinh nghiệm quản lý và phát triển golf đến nắm giữ các vị trí điều hành chủ chốt. Nhờ thế, sân golf Ngôi sao Chí Linh cũng là một sân golf của Việt Nam được quản lý một cách chuẩn mực, tạo được sự hài lòng, sự đánh giá cao nhất từ những khách chơi golf hay khách tham quan...

Bên cạnh đó sân golf Ngôi sao Chí Linh cũng đồng thời trở thành một điểm đến lý tưởng của du lịch golf, thu hút ngày càng nhiều khách du lịch từ các nước Đông Nam Á và thế giới đến đánh golf và tham quan. Câu lạc bộ golf Ngôi sao Chí Linh có khách sạn với 90 phòng, 300 biệt thự sinh thái, bể bơi, sân tennis, các công trình phụ trợ...

### **2.1.3.2 Tài nguyên du lịch nhân văn.**

Về tài nguyên du lịch nhân văn: hiện nay Hải Dương có nhiều di tích tiêu biểu, đặc trưng về văn hoá tâm linh, kiến trúc nghệ thuật, cảnh quan hấp dẫn du lịch văn hoá, sinh thái, nghỉ dưỡng, tham quan, nghiên cứu khoa học, giáo dục truyền thống tiêu biểu là các di tích gắn liền với các danh nhân tiêu biểu của đất nước, có giá trị giáo dục truyền thống cao: Chí Linh bát cổ, Khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc; Đền Bia, Đền Xưa, Chùa Giám; Văn miếu Mao Điền;

Đình Cúc Bô; Đền Quát, Đền Long Động và nhiều di tích cách mạng như: Đình Đầu (Hợp Tiến- huyện Nam Sách), Đền Từ Hạ (huyện Thanh Hà); Đình Phù Tài (huyện Thanh Miện)...Bên cạnh đó là tài nguyên du lịch văn hoá phi vật thể gồm: lễ hội truyền thống, Văn nghệ diễn xướng dân gian, Âm thực; tài nguyên du lịch làng nghề, ...có thể kể đến một số tài nguyên nhân văn tiêu biểu như:

❖ **Khu di tích Côn Sơn Kiếp Bạc.**

Côn Sơn, Kiếp Bạc là hai di tích lịch sử đặc biệt quan trọng của quốc gia; thời Trần, thuộc huyện Phượng Sơn, lộ Lạng Giang, thời Lê đổi thành huyện Phượng Nhỡn, thuộc thừa tuyên Bắc Giang, sau là trấn Kinh Bắc. Khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương; phía bắc giáp huyện Cẩm Lý (tỉnh Bắc Giang), phía nam giáp 2 xã Cộng Hoà và Văn An (huyện Chí Linh), phía đông giáp xã Bắc An và xã Hoàng Hoa Thám (huyện Chí Linh), phía tây giáp huyện Yên Dũng (tỉnh Bắc Giang).

Sách Cao Biền di cảo và Chí Linh phong vật chí chép rằng: Côn Sơn, Kiếp Bạc mạch tự Huyền Đình, thế ngăn Đông Bắc, bốn phương quy phục, núi sông kỳ hình, kỳ dạng, long bàn, hổ cứ, như muôn quân, nghìn tướng châu về...ở đất này sẽ được hưởng phúc muôn đời...Khu di tích danh thắng Côn Sơn bao gồm cả núi Kỳ Lân và núi Ngũ Nhạc liền kề; Đền Kiếp Bạc tựa lưng vào núi Trán Rồng, trước mặt là sông Lục Đầu. Côn Sơn - Kiếp Bạc lại tiếp giáp với dãy núi Phượng Hoàng (địa phận 2 xã Cộng Hoà và Văn An) và núi Rùa (phía tây bắc), tạo thành một vùng đất quần tụ đủ tứ linh, ngũ nhạc, lục đầu giang . Đó là sự sắp đặt kỳ diệu của tạo hoá đối với khu vực di tích danh thắng Côn Sơn - Kiếp Bạc - Phượng Hoàng với sông núi huyện Chí Linh

Đây là vùng đất lịch sử mãi còn âm vang những chiến công lẫy lừng qua nhiều thời đại, đặc biệt là trong ba lần quân dân thời Trần đánh thắng quân xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII và trong cuộc kháng chiến 10 năm của nghĩa quân Lam Sơn chống quân Minh ở thế kỷ XV. Đây là cũng là vùng danh sơn huyền thoại, với những thắng cảnh tuyệt vời, những di tích cổ kính, gắn liền với thân thế, sự nghiệp của Trần Hưng Đạo và Nguyễn Trãi, hai vị

anh hùng dân tộc kiệt xuất đã làm rạng rỡ non sông đất nước, cùng với nhiều danh nhân văn hoá của dân tộc: Trần Nguyên Đán, Pháp Loa, Huyền Quang...

Nếu như khu di tích lịch sử Kiếp Bạc có một di tích trung tâm, lớn nhất, linh thiêng nhất là ngôi đền thờ Đức Thánh Trần; du khách về chủ yếu là để tưởng niệm nhớ ơn Đại Vương và để sinh hoạt tâm linh, thì ở quần thể di tích lịch sử - văn hoá - danh thắng Côn Sơn, cụm di tích thờ Phật (chùa Hun) và cụm di tích về danh nhân (đền thờ Nguyễn Trãi), đều có vị trí và tầm quan trọng đặc biệt; du khách tới đây dâng hương niệm Phật, tưởng nhớ Úc Trai và ngoạn cảnh, tiêu dao, nên có nhiều người là trí giả, văn nhân và đông đảo thầy giáo, học trò. Xưa nay, người đời tìm đến Côn Sơn là cuộc tìm về với căn nhà vũ trụ, nơi hoà hợp tốt cùng của âm dương, sơn thủy và trời đất. Để ở đó, con người được hưởng thụ khí trời trong mát, với hương rừng, gió núi và tiếng ca muôn thuở của suối chảy, thông reo; được đắm mình trong hồn thiêng sông núi, trong cổ tích ngàn năm còn rung động trái tim của muôn triệu con người.

Côn Sơn là mảnh đất lịch sử lâu đời. Hơn một ngàn năm trước, Đinh quốc công Nguyễn Bặc, thượng thủy tổ của dòng họ Nguyễn Trãi đã lập căn cứ ở đây để đánh sứ quân Phạm Phòng Át, giúp Đinh Tiên Hoàng thống nhất đất nước vào năm 968. Trong các cuộc chiến tranh giành và giữ nền độc lập của Tổ quốc, quân dân trong vùng thường lấy rừng núi Côn Sơn làm căn cứ đánh giặc.

Côn Sơn là mảnh đất có bề dày văn hoá hiếm có. Ở đây, văn hoá Phật giáo, văn hoá Nho giáo và văn hoá Lão giáo cùng tồn tại và phát triển qua nhiều thế kỷ, nhưng tất cả đều thấm đẫm bản sắc văn hoá Việt, đều để lại dấu ấn qua mỗi công trình xây dựng, qua từng chi tiết kiến trúc, chạm khắc, qua các bia đá, tượng thờ, hoành phi, câu đối... Văn hoá Lý - Trần, văn hoá Lê - Nguyễn hiển hiện trước mắt mọi người và ở các tầng văn hoá dưới lòng đất khi khai quật khảo cổ học. Di sản văn hoá phi vật thể quý giá ở Côn Sơn chứa đựng trong sách vở, trong các truyền thuyết còn lưu, trong các nghi thức cúng

tế, trong các hoạt động lễ hội vô cùng phong phú. Cũng hiếm ở đâu như ở Côn Sơn lại có nhiều trí thức, văn nhân, những nhà văn hoá đến thăm, cảm hứng và sáng tạo đến như ở Côn Sơn. Đây thực sự đã là nơi vân du, ẩn dật và tu tâm dưỡng tính của các bậc danh nhân, tiêu biểu cho tâm hồn, khí phách, tinh hoa văn hoá Việt Nam ở nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, cũng như của bao tao nhân mặc khách. Trần Nguyên Đán - quan Đại tư đồ phụ chính, nhà thơ, nhà lịch pháp lớn thời Hậu Trần đã về Côn Sơn dựng Thanh Hư Động để lui nghỉ những năm tháng cuối đời. Thời Lê sơ, Anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới Nguyễn Trãi đã nhiều lần, nhiều năm sống, gắn bó chan hòa cùng thiên nhiên, tạo vật ở Côn Sơn - "núi nhà"<sup>\*3</sup>, tìm thấy nơi đây bạn tri âm tri kỷ và nguồn thi hứng dạt dào. Lê Thánh Tông, vị minh quân và là Tao Đàn nguyên sủng (thời Lê sơ), Thánh thơ Cao Bá Quát (thời Nguyễn) v.v. đều đã đến đây tìm lại dấu vết Úc Trai, văng cảnh, làm thơ, để lại những thi phẩm giá trị. Tháng 2-1965, Hồ Chủ tịch về thăm Côn Sơn. Người đã lên thăm Thạch Bàn, Thanh Hư động và đọc văn bia trước cửa chùa Hun, bằng sự trân trọng thiêng liêng và niềm giao cảm đặc biệt đối với cổ nhân. Người xưa từng đúc kết: "Núi chẳng cần cao có tiên ắt nổi tiếng. Nước chẳng cần sâu có rồng ắt thiêng". Mỗi sự vật, di tích ở Côn Sơn đều lấp lánh ánh sáng của Nguyễn Trãi - Sao Khuê; mỗi địa danh ở Côn Sơn đều in đậm dấu ấn thiêng liêng, áng thi văn, cổ thoại, truyền thuyết ly kỳ và những sự tích bất hủ của những danh nhân kim cổ. Những di tích và tên tuổi các danh nhân, của Trúc Lâm Tam Tổ, đặc biệt là của Nguyễn Trãi, đã nâng tầm vóc Côn Sơn trở thành quốc tự, thành di tích đặc biệt quan trọng của quốc gia, thành "một cõi đi về" trong đời sống tâm hồn của muôn triệu người dân Việt, kể cả những người sống xa Tổ quốc .

Cảnh sắc thiên nhiên và con người tạo dựng đã làm cho Côn Sơn thành một "Đại thắng tích". Ở đây, có núi Kỳ Lân và Ngũ Nhạc, với rừng thông bát ngát, suối chảy rì rầm, nước hồ trong mát; có Bàn Cờ Tiên, Thạch Bàn, Giếng Ngọc; có chùa Hun, am Bạch Vân, đền Nguyễn Trãi, động Thanh Hư, cầu Thấu Ngọc, có Ngũ Nhạc linh từ... Cũng vì Côn Sơn cảnh vật tốt tươi, "sắc



ngàn ráng đỏ, rừng gấm cuộn, cỏ lụa giăng”, chùa chiền cổ bích, am pháp thâm nghiêm, u tịch và tao nhã, nước biếc, non xanh, hữu tình và hoà hợp, thành miền thắng cảnh làm say đắm hồn người, là nơi con người có thể gửi gắm ước nguyện tâm linh, thoả chí hướng và rung động tâm hồn. Cho nên, từ bao đời nay, mùa trăng hội, "trao thanh gái lịch đi lại đông như mắc cửi"; bao thi nhân, trí giả tìm về rồi ở đó, nghiền ngẫm và xúc cảm viết nên những trước tác có giá trị sâu sắc, những áng thơ văn tuyệt đẹp. Ở đây, Huyền Quang viết kinh, thuyết pháp, làm thơ; Trần Nguyên Đán nghiên cứu nông lịch và viết "Băng Hồ ngọc hác tập", Nguyễn Phi Khanh viết "Thanh Hư Động ký" và Nguyễn Trãi viết "Côn Sơn ca" cùng nhiều bài thơ xứng là kiệt tác.

Những năm gần đây, nhân dân Hải Dương, được sự đồng lòng của đồng bào cả nước, đã tu bổ hàng loạt di tích, đồng thời xây dựng mới nhiều công trình văn hóa lớn như đền thờ Nguyễn Trãi, đền thờ Trần Nguyên Đán, đường lên Ngũ Nhạc v.v. làm cho Côn Sơn càng giàu thêm giá trị văn hóa, cảnh sắc càng thêm tráng lệ, tôn nghiêm và ngoạn mục, hấp dẫn nhiều du khách bốn phương.

Kiếp Bạc là một địa danh lừng lẫy bên Lục Đầu Giang, cách Côn Sơn chừng 5 cây số. Kiếp Bạc có thể "rồng vượn, hổ phục", có "tứ đức, tứ linh". Thế sông núi hiểm mà hài hoà, hùng vĩ khoáng đạt mà trang nhã. Tại đây, hội nước 4 dòng sông từ thượng nguồn dồn về, chảy vào sông Thái Bình và sông Kinh Thầy, mang phù sa màu mỡ tốt tươi về xuôi bồi đắp. Bốn dòng sông ấy, ngoài các tên quen thuộc, đều có thêm một tên Hán tự có chữ "đức" đứng sau: sông Đuống (Thiên Đức), sông Cầu tức sông Như Nguyệt (Nguyệt Đức), sông Thương (Minh Đức), Sông Lục Nam (Nhật Đức); dòng chính về xuôi thì có tên là sông Thái Bình. Vì người xưa coi Lục Đầu Giang là nơi hợp lưu của 4 dòng đức lớn trong vũ trụ mang thái bình tức là mang yên ổn thịnh vượng về cho trăm họ, muôn dân. Kiếp Bạc có đường thủy, đường bộ rất thuận tiện. Từ Kiếp Bạc có thể thuận tới Thăng Long, lên ngược, về xuôi, ra biển đều dễ dàng, nên đây là vị trí chiến lược, "quyết chiến điểm" mà cả quân dân Đại Việt cũng như quân xâm lược phương Bắc đều cần chiếm giữ trong các cuộc chiến tranh.

Vào thời nhà Trần ở thế kỷ XIII, Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn - vị anh hùng dân tộc, nhà quân sự kiệt xuất, vị tổng chỉ huy quân dân Đại Việt trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông đã chọn Vạn Kiếp để đặt đại bản doanh, xây dựng phủ đệ. Với tài thao lược của Quốc Công Tiết Chế, Kiếp Bạc - Lục Đầu Giang đã phát huy sức mạnh tổng lực của thế trận chiến tranh nhân dân. Dưới sự chỉ huy của Nhân Vũ Hưng Đạo Đại vương, quân và dân Đại Việt đã "trên dưới một lòng, cả nước giúp sức" lập nên những chiến công vang dội: Hàm Tử, Chương Dương, Tây Kết, Vạn Kiếp và cuối cùng là trận Bạch Đằng lừng lẫy, đánh bại hoàn toàn đế quốc Nguyên Mông hùng mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ, để non sông toàn vẹn, dân tộc khai hoàn ca khúc thái bình. Từ sau cuộc đại thắng giặc Nguyên lần thứ ba, Trần Hưng Đạo đã về ở hẳn tại tư dinh Vạn Kiếp cho tới cuối đời. Tại đây, trước nguy cơ quân Nguyên xâm lược lần thứ hai, Đại Vương đã viết "Bình gia diệu lý yếu lược" để dạy tướng sỹ, và viết "Hịch tướng sỹ" để xác định trách nhiệm, nâng cao ý thức cảnh giác, tích cực học tập binh thư, luyện tập võ nghệ, sẵn sàng diệt giặc cho họ; sau khi về nghỉ, Ngài lại viết "Vạn Kiếp tông bí truyền thư", đúc kết những kinh nghiệm, những bí quyết đánh giặc giữ nước của một đời cầm quân truyền lại cho hậu thế. Trước khi mất, được vua Trần Anh Tông về thăm bệnh và hỏi kế sách giữ nước, Đại Vương đã căn dặn: "Khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách để giữ nước".

Bởi Đại Vương là danh tướng bậc nhất "tài mưu lược, anh hùng, một lòng giữ gìn trung nghĩa ... lập nên công nghiệp hiếm có. Tiếng vang đến giặc Bắc, chúng thường gọi là An Nam Hưng Đạo Vương mà không dám gọi tên". Ngài đã được triều đình nhà Trần cho lập đền thờ ngay khi còn sống, gọi là Sinh Từ; Thượng hoàng Trần Thánh Tông tự soạn văn bia ngợi ca công đức Đại Vương. Ngày 20 tháng Tám năm Canh Tý (1300), Đại Vương mất tại Kiếp Bạc. Triều đình đã tôn phong là Thái sư Thượng phụ\*<sup>8</sup> Thượng quốc công Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương; nhân dân Đại Việt tôn là Đức Thánh Trần, xây đền Kiếp Bạc để tưởng nhớ công lao to lớn đối với non sông, đất nước. Ngày giỗ Đại Vương hàng năm trở thành ngày chính hội Đền Kiếp Bạc.

Hội Đền kéo dài hàng tuần, thu hút hàng chục vạn con dân Đại Việt từ khắp mọi miền đất nước về kính bái, nguyện cầu. Đó là một trong số lễ hội lớn nhất của cả nước được gìn giữ hơn 7 thế kỷ nay, trở thành mỹ tục truyền thống, thể hiện sâu sắc đạo lý "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc.

Đền Kiếp Bạc cùng với hai ngôi đền trên núi Bắc Đẩu và Nam Tào được ví như "một cõi thiên bồng giữa hạ giới". Tại vị trí trang trọng nhất của Đền Kiếp Bạc, tượng Đức Thánh Trần bằng đồng nặng hàng tấn ngự trên ngai sơn son thếp vàng đường bệ, uy nghi, bao thế kỷ vẫn toát ra hùng tâm tráng chí và hào khí Đông A lẫm liệt, khiến khách hành hương không ai không ngưỡng vọng thành kính. Được phối thờ tại Đền là gia quyến của Đại Vương, gồm 04 tượng thờ: Nguyên từ Quốc mẫu Thiên Thành công chúa (tức phu nhân của Trần Hưng Đạo), tướng quân Phạm Ngũ Lão (danh tướng đời Trần, và là con rể của Đại Vương), 2 người con gái của Trần Hưng Đạo là Đệ nhất Khâm từ Hoàng thái hậu Quyên Thanh công chúa (phu nhân của vua Trần Nhân Tông), Đệ nhị Nữ đại hoàng Anh Nguyên quận chúa (phu nhân tướng quân Phạm Ngũ Lão) và 04 ngai cùng bài vị thờ vọng bốn con trai của Đại Vương.

Cổng đền Kiếp Bạc có câu đối nổi tiếng:

*Kiếp Bạc hữu sơn giai kiếm khí*

*Lục Đẩu vô thủy bất thu thanh*

Nghĩa là: *Kiếp Bạc muôn ngọn núi đều có hùng khí của kiếm thiêng*

*Lục Đẩu không con nước nào chẳng vọng tiếng thu*

Có thể nói, mỗi cảnh sắc, hiện vật, dấu tích ở Kiếp Bạc đều gợi về bản hùng ca giữ nước của dân tộc ở triều đại nhà Trần, gợi nhớ về Đức Thánh Trần linh thiêng trong tâm thức dân tộc Việt - Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, người kết tinh rực rỡ hào khí Đông A, linh hồn của các cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông xâm lược. Kiếp Bạc đã trở thành mảnh đất tâm linh, nơi tìm về dâng tấm lòng tri ân thành kính và lời cầu mong được phù giúp chiến thắng mọi trở lực, đạt được mọi điều sở nguyện trong đời của biết bao thế hệ người Việt, thuộc mọi tầng lớp và ở mọi miền đất nước.

Trong nhiều thế kỷ qua, những giá trị lịch sử - văn hoá lớn lao của Côn Sơn - Kiếp Bạc, cùng với danh thơm, sự nghiệp của các bậc vĩ nhân đã toả rạng hào quang vào lịch sử và văn hoá dân tộc. Sự linh thiêng của Kiếp Bạc, Côn Sơn tồn tại vĩnh hằng cùng sông núi nước Nam. Những công trình như chùa Côn Sơn, đền Kiếp Bạc, Đền Nam Tào, Đền Bắc Đẩu, đền thờ Nguyễn Trãi, đền thờ quan Tư đồ Trần Nguyên Đán, Ngũ Nhạc linh từ.... trong quần thể Côn Sơn - Kiếp Bạc mãi mãi là những chốn thờ tự thiêng liêng, nơi đặt niềm tin nhân thế. Vẻ đẹp hùng vĩ mà nên thơ, tráng lệ mà trầm mặc thanh u của cảnh vật do thiên nhiên và con người tạo dựng tại Côn Sơn - Kiếp Bạc đang tiếp tục được chăm sóc, tu bổ cho ngày càng tốt tươi, hoành tráng, giàu tiềm năng, ngày càng hấp dẫn du khách thập phương về đây niệm Phật, tưởng nhớ các danh nhân, "nghỉ ngơi chơi ngắm", nâng cao tri thức và bồi bổ tâm hồn...

#### ❖ Văn miếu Mao Điền.

Vào thời phong kiến, hệ thống cơ sở thờ tự Khổng Tử - ông tổ của đạo Nho và tôn vinh các Đại khoa Nho học được xây dựng ở nhiều địa phương, trong đó có Văn miếu Mao Điền thuộc trấn Hải Dương xưa (bao gồm Hải Dương, Hải Phòng, một phần huyện Đông Triều (Quảng Ninh), Mỹ Hào và Yên Mỹ (Hưng Yên) ngày nay.

Văn Miếu Mao Điền nguyên là Văn miếu và trường thi Hương của trấn Hải Dương xưa do sáp nhập lại mà thành. Theo sử sách ghi lại, Văn miếu trấn Hải Dương được khởi dựng vào thời Lê Sơ (1428-1527), tại xã Vĩnh Lại, huyện Đường An, phủ Thượng Hồng (nay là xã Vĩnh Tuy, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương) để thờ Khổng Tử. Công trình này gồm 5 gian bái đường và 3 gian chính tẩm đặt trên một gò đất cao. Cùng thời điểm này, do muốn đẩy mạnh việc phát triển Nho giáo, triều đình đã cho xây dựng thêm một số trường học, trường thi, trong đó có trường thi Hương tại xã Mao Điền, tổng Mao Điền, huyện Cẩm Giàng, phủ Thượng Hồng (nay là xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương).

Sang thời nhà Mạc (1527-1592), do Thăng Long – Hà Nội bất ổn về chính trị, triều đình đã tổ chức 4 khoa thi Hội tại trường thi ở xã Mao Điền, trong đó

có khoa thi năm Ất Mùi – năm Đại Chính thứ 6 (1535), trấn Hải Dương có Nguyễn Bình Khiêm, người nổi tiếng Thủ khoa cả ba kỳ thi: Hương - Hội - Đình, được triều đình phong tặng Trạng nguyên.

Đến thời Tây Sơn (1778 -1802), để thuận tiện cho việc quản lý của bản trấn, triều đình đã chuyển Văn miếu từ xã Vĩnh Lại về sáp nhập với trường thi Hương ở xã Mao Điền, tạo nên một trung tâm văn hóa lớn. Công trình này có diện tích khoảng 3,6 ha, được quy hoạch cân đối và đẹp mắt, bao gồm nhiều hạng mục như: Bái đường, Hậu cung mỗi toà 7 gian, xây theo kiểu chữ Nhị; hai dãy nhà Đông vu, Tây vu; gác khuê văn; gác khánh; lầu chuông, lầu trống; đài Nghiên; tháp Bút; nghi môn; Thiên Quang tinh và Khải thánh thờ thân Phụ và thân Mẫu của Khổng Tử.

Từ đó, việc tế lễ và học tập tại đây diễn ra rất đông vui, nhộn nhịp. Hàng năm, cứ vào ngày 17 và 18 (chính lễ là ngày 18) tháng hai và tháng tám âm lịch, trấn Hải Dương tổ chức lễ tế Khổng Tử. Các quan đầu phủ, đầu trấn cùng các cử nhân, tiến sỹ đều tụ họp về đây tham gia lễ tế trọng thể, nêu cao truyền thống "Hiếu học và tôn sư, trọng đạo" của người tỉnh Đông.

Do trải qua hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, Văn miếu Mao Điền đã bị xuống cấp nghiêm trọng. Năm 1991, UBND xã Cẩm Điền đã vận động nhân dân tham gia tu bổ di tích. Năm 1992, Bộ Văn hóa, Thông tin cũ (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đã ra Quyết định số 97/QĐ-VH xếp hạng Văn miếu Mao Điền là di tích lịch sử quốc gia. Quy mô công trình kiến trúc hiện nay ở Văn miếu Mao Điền là kết quả của lần trùng tu lớn nhất – tìm lại dáng vẻ xưa của Văn miếu, kéo dài khoảng 2 năm (từ năm 2002 – 2004), bao gồm nhiều hạng mục, điển hình như:

Tam quan: Đây là nơi ra vào khu Văn miếu và có ba cổng: một cổng chính và hai cổng phụ.

Cổng chính gồm hai tầng, tầng trên thu nhỏ ở phía trên nóc tầng dưới và có 3 cửa vòm, phía trên 3 cửa có lợp mái ngói hai tầng và có hai con rồng

cách điệu... Tầng dưới, có 1 cửa vòm với kích thước to hơn hẳn 3 cửa tầng trên. Phía trước mặt cổng chính được trang trí hoa văn họa tiết rất đẹp.

Hai cổng phụ có kích thước giống nhau và cũng được thiết kế theo kiểu vòm cuốn.

Lầu chuông, lầu trống: Với kiến trúc truyền thống hai tầng tám mái được làm hoàn toàn bằng gỗ lim, lầu chuông và lầu trống nằm ngay đầu hồi của hai dãy nhà giải vũ và có hình dáng giống nhà Thủy đình (nhà này thường được thiết kế trên hồ để cho vua chúa, quan lại ngày xưa xem biểu diễn múa rối nước). Theo tục xưa, tiếng chuông, tiếng trống là tiếng tập hợp các học trò khi thầy giáo có việc cần hoặc để báo giờ giải lao, tan học cho học sinh.

Hai dãy nhà giải vũ: Hai dãy nhà (mỗi dãy 5 gian) nằm ở hai phía đông, tây, đối diện nhau nên còn gọi là nhà Đông vu, Tây vu.

Hai toà nhà lớn Bái đường và Hậu cung, mỗi toà 7 gian, mái cong vút, chạm trổ hình rồng, phượng rất tinh xảo.

Bái đường: trước kia, bái đường là nơi bái lễ của các bậc quan trường, học giả. Hiện nay, nơi đây có đặt bàn thờ bát nhang công đồng, chiếc lư hương bằng đá (trên bàn thờ công đồng) và khánh đá từ thời Tây Sơn. Ở bức tường hai bên có treo bảng danh sách 637 vị tiến sĩ quê ở trấn Hải Dương xưa.

Hậu cung: Đây là nơi thờ chín vị: Khổng Tử ở chính giữa, lần lượt hai bên là 8 vị Đại khoa Nho học hàng đầu của Việt Nam thời phong kiến: danh nhân văn hoá thế giới - Anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi, nhà giáo Chu Văn An, Lương quốc Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm, Nhập nội hành khiển Phạm Sư Mạnh, Thần toán Vũ Hữu, Đại danh y thiên sư Tuệ Tĩnh, Nghi Ái quan - Tiến sĩ Nguyễn Thị Duệ, nữ tiến sĩ duy nhất của nước ta thời phong kiến.

Biểu tượng tháp Bút, đài Nghiên được đắp nổi con rồng cao 5m.

Thiên Quang tinh in bóng cây gạo già. Hình ảnh cây gạo hơn 200 tuổi nằm bên Thiên Quang tinh đánh dấu thời điểm Văn miếu được chuyển từ xã

Vĩnh Lại về sáp nhập với trường thi Hương ở xã Mao Điền. Cây gạo này đã chứng kiến bao biến cố lịch sử lớn lao của vùng đất hiếu học này.

Ngoài các hạng mục công trình, nơi đây còn được đầu tư trồng xen rất nhiều cây xanh, càng tôn thêm vẻ thanh tịnh của Văn miếu.

Từ năm 2005 cho đến nay, cứ vào tháng 2 và tháng 8 âm lịch hàng năm, Ban Quản lý Văn miếu Mao Điền tổ chức lễ hội phục vụ nhân dân trong vùng và du khách, trong đó có lễ hội xuân được tổ chức vào tháng 2 (chính hội là ngày 18/2) có quy mô rất lớn với hai phần lễ và hội. Phần lễ bao gồm: tế khai hội; các làng khoa bảng tiêu biểu của tỉnh tế tôn vinh tiên sĩ của làng mình; các tỉnh bạn tế giao lưu; biểu diễn trống hội; Lễ chữ... Phần hội bao gồm: biểu diễn thư pháp, thi đấu cờ tướng, chọi gà, biểu diễn rỗi nước, chèo thuyền, hát quan họ...

#### ❖ Lễ hội.

Lễ hội truyền thống có một vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân. Các lễ hội cũng là một tiềm năng du lịch rất quan trọng, vì vậy cần chú ý đầu tư khôi phục và phát triển. Hầu hết các huyện, xã của Hải Dương đều có các ngày lễ hội riêng của mình. Hội Côn Sơn –Kiếp Bạc được tổ chức vào 20 tháng tám, ( Chí Linh ), Lễ hội chùa Muống được tổ chức ngày 24 – 27 tháng giêng , lễ hội đền Quát từ 14-15 tháng tám âm lịch....

#### ❖ Ẩm thực.

Người Hải Dương không chỉ giỏi làm ra nhiều nông sản, đặc sản quý như gạo nếp cái hoa vàng (*Kinh Môn, Cẩm Giàng*), vải thiều (*Thanh Hà*), dưa hấu (*Gia Lộc*), nai dai, chuối mật (*Chí Linh*)... mà còn giỏi chế biến nhiều món ăn đặc sản nổi tiếng khắp trong, ngoài nước như bánh đậu xanh, bánh khảo, bánh cuốn (*TP. Hải Dương*), bánh gai (*Ninh Giang*), bánh đa Kẽ Sắt (*Bình Giang*), rượu Phú Lộc (*Cẩm Giàng*), giò chả (*Gia Lộc*), chả, mắm rươi (*Kim Thành*), mắm cáy (*Thanh Hà*).... Văn hoá ẩm thực của Hải Dương phong phú, đa dạng, dân dã mà tinh tế, hấp dẫn. Hương vị đặc biệt của các món ẩm thực địa phương đã làm cho người Hải Dương tự tin mời khách bốn phương và những

người đã một lần thưởng thức, thì xa lâu còn nhớ. Khi nhắc đến Hải Dương không thể không nhắc đến những món ăn nổi tiếng, những đặc sản hấp dẫn của thành phố: bánh đậu xanh, bánh gai Ninh Giang, vải Thanh Hà... Đây là những món ăn, sản phẩm phục vụ khách du lịch khi đến với Hải Dương.

❖ **Nghề và làng nghề thủ công.**

Hải Dương là mảnh đất đã tạo nên những làng nghề truyền thống với những sản phẩm tinh xảo đã từng nổi tiếng từ nhiều thế kỷ. Có thể kể đến một số làng nghề tiêu biểu như: nghề làm gốm ( Chu Đậu ), làng nghề vàng bạc ( Châu Khê ), làng nghề mỹ nghệ, làng nghề bánh đa ( Hội Yên ), nghề mây tre đan ( Đan Giáp), nghề mộc ( Bình Giang ), và còn nhiều làng nghề khác. Sản phẩm của các làng nghề truyền thống thể hiện sự sáng tạo, khéo léo, tài hoa của người xứ Đông, được khách hàng trong nước và quốc tế ưa chuộng.

Như vậy có thể thấy, Hải Dương có tài nguyên nhân văn phong phú và có giá trị du lịch cao. Đây là mảnh đất địa linh nhân kiệt đã chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc và đồng thời cũng là nơi lưu giữ dấu vết của lịch sử qua các di chỉ khảo cổ. Hơn nữa, Hải Dương còn là vùng đất có nhiều lễ hội dân gian đặc sắc, là nơi tập trung của nhiều làng nghề thủ công truyền thống có sức thu hút khách du lịch. Tuy nhiên việc khai thác tiềm năng trên phục vụ du lịch còn rất hạn chế, các di tích lịch sử được khai thác phục vụ du lịch còn quá ít. Lí do chủ yếu là cơ sở hạ tầng kém, giao thông chưa thuận tiện, mặt khác các di tích đang bị xuống cấp nghiêm trọng, có nơi còn bị đổ nát.

Tuy nhiên với sự đa dạng và phong phú của cả tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn, đồng thời với tình hình kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện rõ nét đang từng bước đưa Hải Dương trở thành một trong những tỉnh phát triển nhất của miền Bắc. Vấn đề đặt ra hiện nay là cần phải có sự quan tâm và đầu tư đúng hướng để du lịch của tỉnh ngày càng phát triển, xứng đáng với tài nguyên sẵn có của tỉnh.



## **2.2 Khái quát về nghệ thuật chèo Hải Dương.**

### **2.2.1 Lịch sử hình thành và phát triển của nghệ thuật chèo hải Dương.**

Nằm giữa đồng bằng Bắc Bộ, trên nền phù sa màu mỡ của châu thổ sông Hồng, Hải Dương mang đậm những giá trị truyền thống của một vùng văn minh lúa nước, đồng thời còn là "cái nôi" của nghệ thuật chèo, một loại hình nghệ thuật diễn xướng độc đáo, lâu đời của dân tộc. Cùng với chèo Hưng Yên, Hải Phòng, chèo Hải Dương đã góp phần định hình và tạo nên chiếng chèo Đông, một vùng chèo nổi tiếng trong bốn chiếng chèo chung quanh kinh thành Thăng Long xưa: chiếng chèo Đoài, chiếng chèo Bắc, chiếng chèo Nam.

Nghệ thuật Chèo xuất hiện sớm nhất ở đất Hồng Châu xưa, nay là Hải Dương. Người nghệ sĩ dân gian đầu tiên được sử sách ghi nhận là người Hồng Châu. Đó là bà Phạm Thị Trân, bà được coi là tổ nghề hát chèo. Qua hơn nghìn năm phát triển, từ khi bà Tổ nghề chèo Phạm Thị Trân vâng mệnh Đinh Tiên Hoàng đế sáng tạo, truyền dạy những làn điệu chèo cho nhân dân và quân lính, hình thành một vốn di sản quý báu của chiếng chèo Đông, là cơ sở nền tảng để chèo Hải Dương hôm nay phát huy thế mạnh, tạo dựng một vị thế vững chắc trong nền nghệ thuật sân khấu dân tộc và trong tình cảm, tấm lòng yêu mến của công chúng. Trong cuộc sống hiện đại, chèo vẫn có một sức sống, một sự lan tỏa lặng lẽ mà không kém phần quyết liệt. Xưa nay, chèo gắn với văn hóa làng xã và do chính những người nông dân “chân lấm, tay bùn” tham gia sáng tạo và thưởng thức. Khi ra với phố thị, 'lên đời' trên sân khấu rạp hát, chèo tiếp tục là sự trở về với cội nguồn văn hóa dân gian, là tiếng nói và sự phản ánh sinh hoạt cũng như xã hội thông qua nghệ thuật của các tầng lớp bình dân số đông trong xã hội. Chèo gần gũi với đời sống, với ngôn ngữ và sinh hoạt của người lao động, phù hợp tâm lý cũng như khả năng cảm nhận, là lời ăn, tiếng nói, tâm tư, suy nghĩ của họ. Chính bởi vậy, chèo luôn luôn có một bộ phận công chúng đông đảo của riêng mình, sẵn sàng ngả nghiêng bên các vai diễn và các làn điệu “í ới”.

Từ những chiếu chèo sân đình, nâng cao hơn là các gánh chèo gia đình, các phường chèo, rồi lớn nhất là đến các chiếng chèo (hay còn gọi một cách khác là vùng chèo) mang các đặc điểm đặc trưng của các làn điệu, hình thức diễn xướng dân ca vùng, miền. Chiếng chèo Đông xưa và chèo Hải Dương là đất chèo gốc, “cái nôi” của các làn điệu chèo cổ, cho đến hôm nay vẫn còn đó nhiều chiếu chèo, phường chèo làng, xã truyền thống, đại diện cho một vùng phong cách. Xưa có các nghệ sĩ được dân gian suy tôn thành các “tổ chèo”, “trùm chèo” như: Phạm Thị Trân, Trùm Thịnh, Cả Tam, Đào Thị Huệ.

Chiếng chèo Đông xưa gồm 3 tỉnh: Hưng Yên, Kiến An, Hải Dương. Tiền thân của nhà hát chèo Hải Dương là Đoàn Chèo Hải Dương được thành lập ngày 20 tháng 4 năm 1960, được mang tên là Đoàn Văn công Nhân dân tỉnh Hải Dương mang tính chất là một đoàn văn công tổng hợp trong đó bộ môn nghệ thuật chủ yếu là Chèo.

Đến năm 1962 khi tham gia hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn miền Bắc, đoàn đổi tên là Đoàn chèo Hải Dương với vở chèo *Sóng Kinh Thầy*. Và từ đó chính thức mang tên là Đoàn Chèo Hải Dương.

Đến năm 1968 hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên hợp nhất thành tỉnh Hải Hưng, Đoàn Chèo Hải Dương đổi tên là Đoàn Chèo Phú Hải ( chữ Phú Hải được chắp từ hai chữ đầu tên hai tỉnh kết nghĩa Bắc Nam: Phú Yên và Hải Dương). Và Đoàn Chèo Hưng Yên được gọi là Đoàn Chèo Hưng Long( từ kết nghĩa hai tỉnh là Hưng Yên và Long An).

Đến năm 1972 hợp nhất hai đoàn thành Đoàn Chèo Hải Hưng.

Đến năm 1997 tỉnh Hải Hưng được chia tách trở lại thành hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên. Đoàn Chèo Hải Dương được tái lập, chia tách từ đoàn chèo Hải Hưng.

Để mở rộng quy mô hoạt động nghệ thuật, ngày 6 tháng 02 năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã phê duyệt Đề án nâng cấp Đoàn chèo Hải Dương thành Nhà hát chèo Hải Dương. Đây là một đơn vị nghệ thuật thuộc chiếng Chèo xứ Đông.

Nhiệm vụ, quyền hạn của nhà hát chèo Hải Dương.

1. Xây dựng, dàn dựng các chương trình của loại hình nghệ thuật sân khấu chèo; tổ chức biểu diễn loại hình nghệ thuật chèo và các loại hình nghệ thuật sân khấu diễn xướng dân gian truyền thống khác phục vụ khán giả và tham gia các hội diễn, liên hoan trong tỉnh, trong nước, ngoài nước.
2. Tổ chức nghiên cứu khoa học trong việc khôi phục, bảo tồn, phát triển, truyền bá nghệ thuật chèo truyền thống và các loại hình nghệ thuật sân khấu, diễn xướng dân gian khác; thử nghiệm những sáng tác mới.
3. Phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho diễn viên và các thành viên khác của nhà hát; thu hút, bồi dưỡng, truyền nghề cho các tài năng trẻ có triển vọng.
4. Hướng dẫn việc nâng cao nhu cầu thưởng thức nghệ thuật chèo của xã hội, việc bảo tồn nghệ thuật chèo trong phong trào văn nghệ quần chúng trên địa bàn tỉnh.
5. Tổ chức giao lưu, hợp tác trong và ngoài nước về chuyên môn, nghiệp vụ để không ngừng nâng cao trình độ và đa dạng hình thức hoạt động.
6. Tổ chức một số hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực nghệ thuật phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà hát theo quy định của pháp luật và của tỉnh.
7. Quản lý về tổ chức, biên chế, cán bộ, viên chức và người lao động; về tài sản, tài chính của nhà hát theo quy định của Nhà nước và của tỉnh.
8. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Sở Văn hoá - Thông tin hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh giao

Nhà hát chèo Hải Dương ngày nay đã phát huy được lợi thế của một vùng nôi chèo truyền thống xứ Đông và không ngừng phát triển để trở thành một đơn vị nghệ thuật sân khấu chèo khá mạnh trong làng sân khấu chuyên nghiệp. Chấp nhận dần thân, chủ động mang nghệ thuật chèo đến với công chúng, kể cả các vùng sâu, vùng xa, bên cạnh việc dàn dựng các vở mới có nhiều

tìm tòi đổi mới về cả nội dung và hình thức biểu diễn để thu hút khán giả đến với sân khấu chèo, các nghệ sĩ nhà hát còn không ngừng tìm hiểu, khai thác và phát huy vốn chèo cổ truyền thống với tất cả sự say mê, tâm huyết. Cũng từ đó, các nghệ sĩ, diễn viên Nhà hát chèo Hải Dương đã trưởng thành nhanh chóng, đoạt nhiều thành tích cao tại các kỳ hội thi, hội diễn sân khấu chuyên nghiệp khu vực và toàn quốc.

### **2.2.2 Đặc trưng nghệ thuật chèo Hải Dương.**

Chèo Hải Dương thuộc chiếng Chèo Đông vì vậy mang những nét nghệ thuật cơ bản của chiếng Chèo Đông.

Hiện nay, những tư liệu khảo cứu nghệ thuật biểu diễn Chiếng Chèo Đông còn lại rất ít ỏi, chỉ gồm một số đoạn phim ghi hình một số trích đoạn trong mấy vở chèo cổ mà các nghệ nhân biểu diễn vào cuối những năm 60 của thế kỉ XX qua đợt sưu tầm khai thác vốn cổ và một số kịch bản cũng do các nghệ nhân cung cấp. Thêm vào đó là những nhận xét sơ bộ của một số nhà nghiên cứu thời kì này về những nét riêng độc đáo của mỗi nghệ nhân trong một số tài liệu còn lưu giữ được ở Viện Sân khấu và Nhà hát Chèo Việt Nam. Thế nhưng dù là ít ỏi, thì qua những tư liệu quý hiếm còn lại, chúng ta vẫn có thể nhận thấy được những nét riêng của nghệ thuật Chèo ở Chiếng Chèo Đông.

Chèo Xứ Đông thiên về trò nhời và lối diễn đĩnh đạc, tinh tế. Cách diễn của các nghệ nhân Cả Tam, Trùm Thịnh, Trùm Bông cho thấy các nghệ nhân Chèo Xứ Đông thể hiện các vai diễn của mình khác đồng nghiệp ở chỗ mực thước hơn, tinh tế hơn.

Dấu ấn sở trường của các nghệ sĩ dòng Chèo Xứ Đông còn lại ở thế hệ nghệ nhân trước cách mạng Tháng Tám, cho đến lớp nghệ sĩ Chèo trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp và những năm 60 cho thấy Chèo Xứ Đông khá thành công trong các vai diễn Sinh - Lão - Mụ, còn truyền thống Hề Hải không mạnh bằng Chèo Nam. Các vai Đào thì mạnh về Đào chín, Đào thương không mạnh về Đào lếch.

Chèo Xứ Đông mạnh về hát, múa. Nhiều làn điệu Chèo Cổ được ghi lại từ các nghệ nhân Xứ Đông. Lối hát của Chèo Đông có nhiều chậm rãi hơn, đỉnh đặc trau chuốt hơn, trong kỹ thuật buông hơi nhỏ chữ, luyện láy, chênh bong thể hiện tài hoa điêu luyện phát huy thể mạnh là thể hiện tính trữ tình ở trong làn hát. Có thể so sánh với lối hát Chèo Khuốc - Chèo Nam chân phác hơn, giản dị hơn và tiết tấu thường xô hơn.

Bên cạnh những đặc điểm chung của nghệ thuật Chèo Xứ Đông thì Chèo Hải Dương có những thay đổi về nghệ thuật biểu diễn cũng như nội dung Chèo để phù hợp với từng thời kì lịch sử cũng như nhu cầu của quần chúng nhân dân.

### **Những ngày đầu khi vừa thành lập đến năm 1961**

Đoàn Chèo Hải Dương khi thành lập tuy là một đoàn văn công tổng hợp nhưng mới chỉ có 15 anh chị em cán bộ diễn viên. Người thì điều động từ các phòng, ban, đơn vị thuộc Ty Văn hóa sang, người thì được tuyển dụng từ các đội văn nghệ xã, huyện lên. Anh chị em vừa là diễn viên, nhạc công vừa làm công tác hậu đài, quản lý bếp ăn tập thể và tham gia cấp dưỡng.

Tiết mục của đoàn chủ yếu là các tiết mục ngắn gọn mà thời đó quen gọi là "tiết mục lễ", "tiết mục xung kích. Đó là các vở kịch ngắn, các hoạt cảnh Chèo, các bài hát Chèo( gồm một vài làn điệu tập trung nói về chủ đề cần tuyên truyền cổ động), các làn điệu múa tập thể và các ca khúc( tân nhạc ). Tiết mục chính được dàn dựng là: Điệu múa *Hái chè bắt bướm*, điệu múa *Trống mõ sanh tiền* hoạt cảnh Chèo *Nắm cỏ Trâu...*

Phương tiện hoạt động trang thiết bị của đoàn còn quá nghèo nàn ít ỏi. Đoàn Chèo Tả Ngạn( khi đó vẫn còn đóng ở Hải Dương ) đã tặng cho đoàn một bộ phong màn sân khấu, một số đạo cụ biểu diễn. Nhạc cụ chỉ có đàn nhị, trống phách, mười bộ quần áo trang phục biểu diễn, chiếc máy tăng âm, một micro. Phương tiện vận chuyển là ba cỗ xe bò.

### **Giai đoạn từ 1962 - 1965.**

Đoàn chuyển thành đoàn Chèo và tập trung dựng các vở diễn lớn thông thường kéo dài tới 150 phút. Cùng với sự hoàn chỉnh đồng bộ về đội ngũ nghệ sĩ diễn viên nhạc công, trình độ nghệ thuật, chất lượng vở diễn nhạc công, trình độ nghệ thuật, chất lượng vở diễn và được nâng lên một bước.

Dàn nhạc chèo được hoàn chỉnh với các cây nhạc chủ yếu như dàn trống chèo, cây nhị nữ, cây nhị nam, đàn tam, đàn nguyệt, hồ đại, tiêu sáo và chiêng, sênh.

### **Giai đoạn 1965 - 1972**

Bước sang giai đoạn lịch sử mới - chống Mỹ cứu nước, cùng với khí thế chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, Đoàn đã lấy nhiệm vụ chính trị, công tác nghệ thuật để hướng anh chị em tập trung vào hoạt động sáng tác nghệ thuật và biểu diễn phục vụ quân dân trong tỉnh. Các tiết mục của Đoàn thời kì này phần lớn là các vở đề tài hiện đại: chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nội dung các vở diễn đều tập trung biểu dương những tấm gương anh hùng trong chiến đấu và trong lao động sản xuất. Tốc độ xây dựng tiết mục có khẩn trương hơn nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm túc, được rà soát chặt chẽ về tính tư tưởng và yêu cầu cao nhất về chất lượng nghệ thuật. Các vở diễn và tiết mục lẻ của đoàn đều mang được khí thế mới, chứa đựng tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân và dân ta trong công cuộc chống Mỹ và xây dựng CNXH.

### **Giai đoạn từ 1972 - 1990**

Từ 1972 - 1980 Đây là giai đoạn hợp nhất thành Đoàn Chèo Hải Hưng. Giai đoạn này tập trung xây dựng được một số vở diễn có tiếng vang trong ngành Chèo và trong công chúng khán giả.

Từ 1981 - 1990 là thời kì kinh tế đất nước lâm vào cảnh khó khăn, bế tắc, suy thoái. Cơ chế cũ không còn phù hợp. Trong khi thị hiếu của thẩm mỹ của công chúng khán giả chuyển biến sang xu hướng giải trí đơn thuần. Ảnh hưởng của các loại hình nghệ thuật như ca nhạc, phim ảnh ...làm cho người

xem không còn yêu mến nghệ thuật chèo truyền thống. Nhìn chung thời kì này tiết mục xây dựng khó khăn nhưng cũng có một số vở diễn thành công gây ấn tượng. Các vở diễn thời kì này tuy chưa chiếm lĩnh được khán giả trong tình hình khó khăn của sân khấu Chèo nhưng nhìn chung vẫn giữ được phong cách Chèo truyền thống.

### **Giai đoạn 1991- 2000**

Từ 1991 - 1996 là thời kì ổn định của Đoàn Chèo Hải Hưng. Giai đoạn này đoàn xây dựng tiết mục mỗi năm một vở và chủ yếu là cộng tác với NSND Doãn Hoàng Giang. Các vở dựng thời kì này có: Tống Trân - Cúc Hoa, Cuộc gặp gỡ kì lạ... Các vở Chèo theo xu hướng " cách tân" đã thu hút được khán giả nhiều hơn so với thời gian trước.

Từ 1997 - 2000 : Tháng 1 năm 1997 Hải Hưng lại chia tách thành hai tỉnh Hải Dương, Hưng Yên. Đoàn Chèo Hải Hưng được tách ra thành Đoàn Chèo Hải Dương và Đoàn Chèo Hưng Yên. Sau khi tái lập lại Đoàn Chèo Hải Dương, Đoàn nhanh chóng ổn định tổ chức tập trung lực lượng xây dựng vở Con cò của Mẹ tham gia Liên hoan sân khấu miền Duyên Hải tại Nam Định. Năm 1998, Đoàn dựng vở Hoàng tử bị bỏ quên, năm 1999 Đoàn dựng vở Vạn Kiếp truyền thư...

### **Giai đoạn từ 2001 đến nay.**

Về nội dung thì nội dung chủ yếu của các vở chèo mang tư tưởng lành mạnh, trong sáng bám sát vào nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đất nước bước vào thời kì đổi mới, nhà hát đã sáng tạo, tạo dựng được nhiều vở diễn, tiết mục, phản ánh không khí nóng bỏng những thay đổi của cuộc sống. Bên cạnh đó nhà hát cũng khai thác những đề tài lịch sử, chuyện dân gian, diễn những vở chèo có ý nghĩa giáo dục truyền thống nhân ái, yêu nước, nét đẹp văn hóa của người Việt cũng như người xứ Đông. Các vở chèo vẫn giữ phong cách chèo truyền thống vì vậy mà được người dân trong và ngoài tỉnh, người nước ngoài đánh giá cao về nghệ thuật.

Nghệ thuật chèo hiện nay, về cơ bản vẫn là chèo truyền thống, nhưng tiết tấu nhanh hơn một chút. Chương trình biểu diễn đa dạng hơn, có những vở chèo kinh điển, có những vở về đề tài lịch sử, có vở diễn dã sử và có chương trình tạp kỹ, để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ nghệ thuật của khán giả hiện nay.

Phương tiện biểu diễn đó là sân khấu lưu động, chiều cao cánh gà là 1,6 m, chiều dài 12m, chiều sâu là 6m.

Trong khoảng thời gian từ 10 - 15 năm trở lại đây ngoài biểu diễn Chèo thì Nhà hát Chèo Hải Dương còn đa dạng hóa loại hình biểu diễn khai thác những điệu múa dân gian, ca nhạc, dân ca vào phục vụ nhân dân.

### **2.3 Thực trạng khai thác nghệ thuật Chèo Hải Dương trong đời sống và hoạt động du lịch.**

#### **2.3.1 Biểu diễn chèo trong các lễ hội làng, tiệc mừng**

Nhà hát chèo Hải Dương vẫn luôn sáng đèn để phục vụ nhân dân, mùa hoạt động chủ yếu của nhà hát là khoảng 6 tháng đầu năm, 3 tháng trước tết và 3 tháng sau tết.

Đoàn chèo ( Nhà hát chèo ) Hải Dương trước đây và ngay cả bây giờ đều đi biểu diễn trong các tiệc mừng cưới xin, hoặc lễ chúc thọ, lễ khánh thành các nhà thờ họ, theo lời mời của hàng tỉnh, hàng huyện hay hàng tổng, hàng xã khác, hàng dòng tộc. Chèo còn được biểu diễn ở các lễ hội, phục vụ cúng tế thần linh, Thành hoàng làng nào đó ở các đình làng, được cả vùng tôn sùng trong các ngôi đền lớn với nhiều khách thập phương cùng đến lễ hội.

Mặt khác, đoàn chèo không những thể hiện những điệu hát ca ngợi cuộc sống tươi đẹp mà bên cạnh đó còn thành thạo các điệu hát ca tụng những công lao của các vị thần, Đức Ông, đã có công giúp nước, giúp dân.

Ở Hải Dương hiện nay cứ vào ngày 18/2 âm lịch hàng năm đều tổ chức lễ hội tổ nghề hát chèo để tưởng nhớ ngày sinh và ngày mất của vị Tổ nghề. Vào ngày hội, các nghệ sĩ ở nhiều nơi đều về dự giao lưu và hát thờ đêm trước diễn ra hội.



Ngoài ra, khi có lời mời, đoàn chèo Hải Dương hiện nay đều sẵn sàng đi hát phục vụ, chẳng hạn như tham gia hát thờ tại Đền thờ Chu Văn An, lễ hội đền Long Động,...

### **2.3.2 Biểu diễn chèo tại các rạp trong thành phố.**

Nhà hát Chèo thường xuyên tổ chức những buổi biểu diễn tại các rạp như: Nhà hát nhân dân, Rạp Thống Nhất, Rạp Hòa Bình để phục vụ nhu cầu nghe Chèo của nhân dân trong tỉnh. Hay ở thành phố Hải Dương nhiều hội nghị của các ngành, đoàn thể mời Đoàn tới phục vụ với các chương trình ngắn, tiết mục nhỏ gồm hát dân ca và trích đoạn chèo nhằm biểu dương, chào mừng, và tuyên truyền cho những nhiệm vụ chính trị của tỉnh, góp phần vào không khí chung của toàn tỉnh. Từ năm 2007 sau khi thành lập Nhà hát, hoạt động biểu diễn vẫn tiếp tục thường xuyên như trước đây nhưng do được tăng cường số diễn viên hợp đồng và để tiến tới có hai đoàn biểu diễn, Nhà hát đã có những ngày tổ chức đồng thời biểu diễn cho hai bộ phận ở hai địa điểm khác nhau, tăng cuộc biểu diễn và doanh thu. Mỗi năm nhà hát tổ chức 120 – 138 buổi biểu diễn vượt kế hoạch được giao 100 buổi phục vụ hàng loạt người dân và đạt doanh thu đạt từ 380 – 450 triệu đồng / năm. Cán bộ và các nghệ sĩ, diễn viên đã tích cực tiếp thị tổ chức biểu diễn tuyên truyền cổ động để thu hút khán giả ở trong và ngoài tỉnh. Số cuộc biểu diễn ngày càng gia tăng, đảm bảo vượt mức kế hoạch được giao và cải thiện đời sống cán bộ diễn viên Nhà hát.

### **2.3.3 Khai thác trong các dịp đi lưu diễn, biểu diễn.**

Nhà hát Chèo Hải Dương thường xuyên tổ chức các chuyến đi lưu diễn trong và ngoài tỉnh và trên toàn quốc. Năm 1996 Đoàn tổ chức chuyến lưu diễn vào một số tỉnh phía Nam trước hết là khu kinh tế mới của tỉnh ở vùng Tây Nguyên và một số điểm ở thành phố Hồ Chí Minh. Những đợt biểu diễn này thường được hoan nghênh nhiệt liệt. Đoàn đã thu được nhiều kết quả tốt đẹp cả trên phương diện phục vụ chính trị, tăng doanh thu và có uy tín nghệ

thuật cao. Nhiều nơi thuộc tỉnh bạn đã mời Đoàn về biểu diễn vào các dịp lễ tết hội làng..

Nhà hát Chèo Hải Dương còn thường xuyên tham gia biểu diễn trong các cuộc thi, liên hoan và đạt được nhiều giải thưởng.

Năm 1981 Đoàn tham gia liên hoan giọng hát Chèo hay lần thứ nhất tại Thái Bình nghệ sĩ Quốc Khánh được huy chương vàng, Thúy Mơ Huy chương vàng, Ngọc Bảo Huy chương bạc.

Năm 1988 Đoàn tham gia liên hoan sân khấu tại Nam Định vở Tiên Dung công chúa được hoan nghênh và khẳng định về phong cách nghệ thuật thuần Chèo của vở. Ngọc Bích được Huy chương Vàng, Ngọc Bảo Huy chương Bạc

Năm 1990 Đoàn tham gia liên hoan sân khấu toàn quốc tại Thái Bình với vở Chiếc bóng oan khiên, Ngọc Bích Huy chương Bạc.

Năm 1993 Đoàn tham dự liên hoan sân khấu miền Duyên hải tại Thái Bình với vở Tống Trân - Cúc Hoa đoạt giải Vàng Năm 1994 Đoàn tham dự liên hoan sân khấu miền Duyên hải tại Hải Dương với vở Hai giọt nước đoạt giải Vàng.

Năm 1995 Đoàn tham gia Hội diễn toàn quốc vở Nước mắt ni cô đạt Huy chương Bạc.

Năm 1997 Đoàn tham gia liên hoan sân khấu miền Duyên Hải với vở Con đò của mẹ được giải Vàng.

Tháng 9 năm 2005 Đoàn tham dự hội diễn sân khấu chèo chuyên nghiệp toàn quốc tại thành phố Hạ Long với vở Nam dược thánh nhân các nghệ sĩ Mạnh Thắng, Minh phương đạt Huy chương Vàng

Tháng 12 năm 2009 Nhà hát tham dự Hội diễn sân khấu chèo chuyên nghiệp toàn quốc tại thành phố Hạ Long vở vở Con bão màu da cam, nghệ sĩ Mạnh Thắng, Hồng Tươi đạt Huy chương Vàng, Bùi Hiếu, Thanh Sóng Huy chương Bạc.

**Danh mục các vở diễn của Đoàn chèo - Nhà hát Chèo Hải Dương  
( 1960 - 2010)**

<b>STT</b>	<b>Tên vở</b>	<b>Năm</b>	<b>Tác giả</b>	<b>Đạo diễn</b>
1	<i>Đại biểu phụ nữ</i>	1960	<i>Kịch Trung Quốc</i>	<i>Tập thể</i>
2	<i>Năm cỏ trâu</i>	1960	<i>Hồng Vũ</i>	
3	<i>Nồi cơm ai nấu</i>	1961	<i>Xuân Bình</i>	
4	<i>Sóng Kinh Thầy</i>	1962	<i>Nguyễn Đức Thuyết</i>	
5	<i>Đường về trận địa</i>		<i>Hoài Giao - Tào Mạt</i>	<i>Chu Văn Thức</i>
6	<i>Lên đường cứu nước</i>		<i>Hoàng Nam</i>	<i>Lê Khiêm</i>
7	<i>Con gà chân chì</i>	1966	<i>Ngọc Oanh - Trần Đình Ngôn</i>	<i>Chu Văn Thức</i>
8	<i>Trần Quốc Toản ra quân</i>	1967	<i>Hoài Giao</i>	
9	<i>Hương Bưởi</i>		<i>Ngọc Phúng</i>	<i>Lê Khiêm</i>
10	<i>Dòng máu nghĩa tình</i>		<i>Ngọc Phúng</i>	<i>Lê Khiêm</i>
11	<i>Những ngày đầu gió</i>		<i>Ngọc Phúng</i>	<i>Chu Văn Thức</i>
12	<i>Trọn nghĩa hậu phương</i>		<i>Ngọc Phúng</i>	<i>Trần Hoạt</i>
13	<i>Ngọn cờ nhân nghĩa</i>	1972	<i>Trần Cung - Hà Văn Cầu</i>	<i>Ngọc Phương</i>
14	<i>Súy Vân</i>		<i>Chèo cổ</i>	
15	<i>Quan âm Thị Kính</i>		<i>Chèo cổ</i>	
16	<i>Phạm Ngũ Lão</i>		<i>Hoài Giao</i>	<i>Hồ Ngọc Cẩn</i>
17	<i>Ni cô Đàm Vân</i>		<i>Học Phi - Trần Đình Ngôn</i>	<i>Phan Tuất Quang</i>
18	<i>Tám Cám</i>		<i>Lưu Quang Thuận</i>	<i>Chu Văn Thức</i>
19	<i>Hương Sen</i>		<i>Ngọc Phúng</i>	<i>Hồ Ngọc Cẩn</i>
20	<i>Câu chuyện làng nhân</i>	1980	<i>Đồng Bằng</i>	<i>Trung Anh</i>

<b>STT</b>	<b>Tên vở</b>	<b>Năm</b>	<b>Tác giả</b>	<b>Đạo diễn</b>
21	<i>Đứa con tôi</i>	1982	<i>Sĩ Hanh - Trần Đình Ngôn</i>	<i>Đoàn Anh Thắng</i>
22	<i>Hương Cúc</i>	1983	<i>Ngọc Phúng</i>	<i>Ngọc Phương</i>
23	<i>Tiên Dung công chúa</i>	1988	<i>Trần Đình Ngôn</i>	<i>Trần Đình Ngôn</i>
24	<i>Ngôi chùa không tượng phật</i>		<i>Hoài Giao - Văn Sử</i>	<i>Lê Hùng</i>
25	<i>Chiếc bóng oan khiết</i>		<i>Doãn Hoàng Giang</i>	<i>Doãn Hoàng Giang</i>
26	<i>Hai giọt nước</i>		<i>Doãn Hoàng Giang</i>	<i>Doãn Hoàng Giang</i>
27	<i>Nỗi đau tình mẹ</i>		<i>Vũ Hải</i>	
28	<i>Cuộc gặp gỡ ly kỳ</i>		<i>Doãn Hoàng Giang</i>	<i>Doãn Hoàng Giang</i>
29	<i>Nước mắt ni cô</i>	1995	<i>Doãn Hoàng Giang</i>	<i>Doãn Hoàng Giang</i>
30	<i>Hoàng tử bị bỏ quên</i>		<i>Bùi Vũ Minh</i>	<i>Lê Hùng</i>
31	<i>Con đò của mẹ</i>		<i>Bùi Vũ Minh</i>	<i>Lê Hùng</i>
32	<i>Chuyện tình sinh viên</i>		<i>Trần Trí Trắc</i>	
33	<i>Vạn kiếp truyền thư</i>	1999	<i>Trần Đình Ngôn</i>	<i>Lê Hùng</i>
34	<i>Trình phụ hai chồng</i>	2000	<i>Trần Đình Ngôn</i>	<i>Bùi Đắc Sừ</i>
35	<i>Trương Viên</i>	2001	<i>Chèo cổ</i>	
36	<i>Côn Sơn hiền sĩ</i>	2002	<i>Trần Đình Ngôn</i>	<i>Bùi Đắc Sừ</i>
37	<i>Biển khổ</i>	2003	<i>Doãn Hoàng Giang</i>	<i>Doãn Hoàng Giang</i>
38	<i>Nam dược thánh nhân</i>	2004	<i>Trần Đình Ngôn</i>	<i>Bùi Đắc Sừ</i>
39	<i>Lưỡng quốc Trưng Nguyên</i>	2005	<i>Trần Đình Ngôn</i>	<i>Bùi Đắc Sừ</i>
40	<i>Nữ sĩ Ngọc Toàn</i>	2006	<i>Trần Đình Ngôn</i>	<i>Bùi Đắc Sừ</i>
41	<i>Lưu Bình - Dương Lễ</i>	2008	<i>Chèo cổ</i>	
42	<i>Cơn bão màu da cam</i>	2009	<i>Bùi Vũ Minh</i>	<i>Lê Hùng</i>

Sau 50 năm hoạt động Đoàn ( Nhà hát ) đã giành được những phần thưởng cao quý:

Năm 1972 được nhà nước thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì

Năm 1993 Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba

Năm 2000 Nhà nước thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhì

Bốn nghệ sĩ được Nhà nước phong tặng danh hiệu nghệ sĩ ưu tú là Thanh Vân, Thúy Mơ, Ngọc Bích, và Ngọc Bảo. Và hàng chục bằng khen của UBND tỉnh...

#### **2.3.4 Khai thác nghệ thuật Chèo trong hoạt động du lịch.**

Hải Dương có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch với một hệ thống tài nguyên du lịch phong phú hấp dẫn cả về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn.

Với các giá trị tài nguyên du lịch đã được khẳng định của mình, Hải Dương có tiền đề để phát triển du lịch và giữ vị trí quan trọng trong hoạt động phát triển du lịch của Trung tâm du lịch Hà Nội và phụ cận nói riêng và của vùng du lịch Bắc Bộ và cả nước nói chung. Trong thời gian qua, nhiều Tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đã tham gia đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Nhất là đầu tư xây dựng hệ thống khách sạn, nhà hàng và các khu vui chơi giải trí tổng hợp. Tính đến tháng 11 năm 2010 toàn tỉnh đã có 132 cơ sở lưu trú du lịch, 21 doanh nghiệp vận chuyển khách du lịch; 13 doanh nghiệp lữ hành và 18 doanh nghiệp kinh doanh điểm dừng chân, mua sắm, dịch vụ du lịch.

Giá trị văn hóa, lịch sử là yếu tố cốt lõi tạo nên sự hấp dẫn và độc đáo của sản phẩm du lịch, có sức lôi cuốn du khách đến tìm hiểu một nền văn hóa khác lạ. Chính vì vậy đặc trưng của du lịch Hải Dương là loại hình du lịch văn hóa, tôn giáo, lễ hội, là chủ yếu và chiếm ưu thế hơn. Để phục vụ lễ hội nhiều nơi đã mời đoàn chèo về biểu diễn để phục vụ cho khách thập phương đến lễ hội. Tuy nhiên việc đưa nghệ thuật chèo vào phục vụ hoạt động du lịch ở Hải Dương vẫn chưa được khai thác triệt để. Việc xây dựng các tour du lịch kết hợp

với việc đưa chèo vào phục vụ trong du lịch vẫn chưa được thực hiện. Chèo ở đây chủ yếu biểu diễn nhằm phục vụ nhu cầu nghe hát chùa nhân dân trong tỉnh và các tỉnh lân cận. Vì vậy để có thể làm cho sản phẩm du lịch của Hải Dương thêm phong phú và hấp dẫn cần đưa nghệ thuật chèo vào khai thác để phát triển du lịch. Đây cũng là cơ hội để nghệ thuật chèo Hải Dương được đông đảo du khách biết đến, đồng thời cũng là cách để thu hút khách và để khách có thể lưu trú lại Hải Dương lâu hơn, góp phần vào việc bảo tồn cũng như tăng doanh thu.

## **Tiểu kết chương 2**

Trong chương 2 đề tài đã giới thiệu một cách nhìn tổng quan về tỉnh Hải Dương trên các bình diện từ điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, tiềm năng du lịch của tỉnh, đến những nét khái quát nhất về nghệ thuật chèo Hải Dương từ lịch sử hình thành phát triển, những đặc trưng nghệ thuật cơ bản của chèo Xứ Đông, những nét nghệ thuật riêng ở mỗi thời kì lịch sử từ 1960 đến nay, cũng như thực trạng khai thác của nghệ thuật chèo trong đời sống, trong các dịp lưu diễn, biểu diễn tại các rạp, cũng như trong hoạt động du lịch. Đoàn Chèo Hải Dương nay là Nhà hát chèo Hải Dương xứng đáng là đơn vị nghệ thuật sân khấu chuyên nghiệp tiêu biểu cho sân khấu Chèo trên đất Chiềng Chèo Đông xưa. Đoàn đã kế thừa nối tiếp được truyền thống Chèo trên quê hương vị tổ nghề Chèo Phạm Thị Trân và góp phần đưa Chèo vào cuộc sống mới trong thời đại mới. Nhà hát đã biểu diễn phục vụ cán bộ và nhân dân Hải Dương, Hưng Yên và nhiều tỉnh bạn góp phần đáng kể vào việc nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Nhà hát luôn có mặt với các tác phẩm nghệ thuật giàu tính chiến đấu và ý nghĩa giáo dục tham gia vào cuộc tiến công cách mạng trên mặt trận lao động sản xuất, chống Mỹ cứu nước, góp phần đáng kể vào việc cổ vũ động viên chiến sĩ đồng bào phát huy lòng yêu nước, ý chí kiên cường đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng đất nước thống nhất tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Với tác phẩm nghệ thuật có giá trị thẩm mỹ, có tư tưởng lành mạnh, Đoàn, Nhà hát đã góp phần khẳng định cuộc sống mới, con người mới, góp phần giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng và nhân cách tốt đẹp cho thế hệ thanh niên góp phần xây dựng các mối quan hệ xã hội tốt đẹp. Với những tác phẩm nhuần nhuyễn chất Chèo, đoàn đã góp phần gìn giữ, phát huy bản sắc dân tộc của nền văn hóa ở một địa phương góp phần giáo dục truyền thống và phát huy truyền thống. Nhà hát đã tạo nên được một số tác phẩm có giá trị, vừa có ý nghĩa xã hội vừa mang màu sắc địa phương rõ rệt và đã đào tạo cho ngành chèo một số nghệ sĩ xuất sắc được tặng phong danh hiệu nghệ sĩ ưu tú và một

số tác giả đạo diễn có đóng góp cho ngành. Chèo Hải Dương đã có công lao đáng kể vào việc xây dựng, duy trì, và nâng cao chất lượng của phong trào sân khấu không chuyên của tỉnh trong 50 năm qua.

Vì vậy nếu đưa nghệ thuật Chèo vào khai thác phát triển du lịch thì rất thuận lợi góp phần vào việc bảo tồn nghệ thuật Chèo Hải Dương nói chung và nghệ thuật Chèo cả nước nói riêng đóng góp vào ngân sách du lịch chung của toàn thành phố.



## **CHƯƠNG 3**

# **MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM BẢO TỒN VÀ KHAI THÁC HIỆU QUẢ NGHỆ THUẬT CHÈO PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH HẢI DƯƠNG.**

### **3.1 Định hướng, qui hoạch phát triển của Du lịch Hải Dương 2020**

Tỉnh Hải Dương nằm ở vị trí tâm điểm của tam giác kinh tế phía bắc: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Hải Dương là một trong những vùng đất "địa linh nhân kiệt" gắn liền với tên tuổi của nhiều vị anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Chu Văn An, Mạc Đĩnh Chi, Khúc Thừa Dụ..., vùng văn hoá và văn hiến tâm linh của cả nước với trên 3000 di tích lịch sử văn hoá trong đó có 148 di tích được xếp hạng quốc gia mà tiêu biểu là di tích Côn Sơn-Kiếp Bạc; nhiều làng nghề nổi tiếng trong và ngoài nước như: gốm Chu Đậu, vàng bạc Châu Khê, chạm khắc gỗ Đông Giao... Hải Dương còn là địa phương có nhiều danh lam thắng cảnh, hang động kỳ thú như núi Côn Sơn, núi Phượng Hoàng, núi An Phụ, núi Dương Nham, động Kính Chủ ....; và những vùng sinh thái hấp dẫn như sông Hương- Thanh Hà, đảo Cò Chi Lãng Nam- Thanh Miện.

Với các giá trị tài nguyên du lịch đã được khẳng định của mình, Hải Dương có tiền đề để phát triển du lịch và giữ vị trí quan trọng trong hoạt động phát triển du lịch của Trung tâm du lịch Hà Nội và phụ cận nói riêng và của vùng du lịch Bắc Bộ và cả nước nói chung. Đồng thời cũng mở ra nhiều cơ hội cho các nhà đầu tư có nhu cầu kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh.

Trong thời gian qua, nhiều Tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đã tham gia đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Nhất là đầu tư xây dựng hệ thống khách sạn, nhà hàng và các khu vui chơi giải trí tổng hợp. Tính đến tháng 11 năm 2010 toàn tỉnh đã có 132 cơ sở lưu trú du lịch. 21 doanh nghiệp vận chuyển khách du lịch; 13 doanh nghiệp lữ hành và 18 doanh nghiệp kinh doanh điểm dừng chân, mua sắm, dịch vụ du lịch. Nguồn vốn đầu tư của

các doanh nghiệp vào các dự án phát triển du lịch ước đạt trên 5.000 tỷ đồng, hầu hết các dự án đầu tư đều mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Năm 2010, toàn tỉnh ước đón được 571.870 lượt khách lưu trú và gần 2 triệu lượt khách không lưu trú; doanh thu du lịch ước đạt 727 tỷ đồng.

Để tiếp tục khai thác tiềm năng và đẩy mạnh phát triển du lịch, tỉnh Hải Dương đã điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đến năm 2020; phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển các khu du lịch: An phụ - Kính Chủ thuộc huyện Kinh Môn; đảo Cò Chi Lãng Nam thuộc huyện Thanh Miện; Thủ tướng Chính Phủ đã phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc gắn với phát triển du lịch đến năm 2020. Theo đó, các lĩnh vực cần ưu tiên đầu tư bao gồm: Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch ở các khu du lịch trọng điểm: Côn Sơn - Kiếp Bạc, An Phụ - Kính Chủ, Đảo Cò, sông Hương. Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch có chất lượng cao, bao gồm khách sạn, nhà hàng, các khu vui chơi giải trí - thể thao, vận chuyển du lịch, các cơ sở dịch vụ du lịch khác. Đầu tư khôi phục và phát triển các lễ hội, các làng nghề truyền thống để thu hút và phục vụ phát triển du lịch; đặc biệt là phát triển du lịch văn hóa. Đầu tư quảng bá, xúc tiến phát triển du lịch; đào tạo nâng cao năng lực trình độ quản lý và trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên.

Trong các lĩnh vực ưu tiên đầu tư kể trên có 3 dự án lớn nhằm tạo sản phẩm du lịch đặc thù, đáp ứng nhu cầu của khách du lịch thuần túy:

*1. Dự án Xây dựng phát triển khu du lịch nghỉ dưỡng - chữa bệnh - dưỡng sinh Côn Sơn*

Với quy mô trên 300 ha. Vị trí của dự án nằm trên vùng núi Côn Sơn thuộc thôn Thanh Tân, phường Lê Lợi, thị xã Chí Linh (theo Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn khu di tích lịch sử - văn hoá Côn Sơn - Kiếp Bạc gắn với phát triển du lịch). Căn cứ vào các giá trị tài nguyên du lịch và đặc điểm tự nhiên của khu vực Côn Sơn, những loại hình du lịch chủ yếu bao gồm: Du

lịch nghỉ dưỡng núi; du lịch chữa bệnh – nghỉ dưỡng; du lịch cuối tuần; du lịch vui chơi giải trí, cắm trại. Các phân khu chức năng chính của khu du lịch bao gồm: khu đón tiếp, khu khám và dịch vụ chữa bệnh (kết hợp các phương pháp cổ truyền), khu luyện tập dưỡng sinh, khu lưu trú (khách sạn 3-4 sao, biệt thự), khu cắm trại hoạt động VCGT ngoài trời, khu vui chơi giải trí trong nhà, khu dịch vụ ăn uống

### *2. Dự án xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng Làng quê Việt*

Với quy mô từ 100 đến 150 ha. Vị trí của dự án nằm trên địa bàn xã Thái Tân, huyện Nam Sách. Những loại hình du lịch chủ yếu có khả năng phát triển ở khu du lịch nghỉ dưỡng Làng quê Việt bao gồm: Du lịch nghỉ dưỡng làng quê vùng đồng bằng; Du lịch cuối tuần; Du lịch tham quan làng nghề. Đặc điểm của các khu chức năng chính: Khu đón tiếp: có không gian kiến trúc “cửa đến” của một làng Việt cổ với cây đa - bến nước - sân đình nơi du khách được đón tiếp, chỉ dẫn trong thời gian nghỉ lại làng và tham quan các điểm du lịch phụ cận, đặc biệt là làng gốm Chu Đậu. Khu nghỉ dưỡng: với hệ thống các biệt thự nhà vườn có kiến trúc nhà điển hình vùng nông thôn đồng bằng sông Hồng. Khu biệt thự được thiết kế với những quy mô khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách (khách nghỉ dưỡng, khách nghỉ cuối tuần, khách công vụ, khách tham dự hội nghị - hội thảo). Khu vui chơi giải trí: với các trò chơi dân gian tiêu biểu của người dân vùng đồng bằng sông Hồng

### *3. Dự án xây dựng khu du lịch vui chơi giải trí Đảo Ngọc (TP. Hải Dương)*

Có quy mô trên 50 ha với các loại hình du lịch: Vui chơi giải trí có tính thể thao - mạo hiểm như xe đạp vượt địa hình, trượt patanh địa hình, trượt cỏ, nhảy từ độ cao, tàu lượn vòng siêu tốc, đua xe ô tô điện; v.v.; hoặc các sản phẩm có tính văn hóa như laser nhạc nước, khu vườn cổ tích dành cho thiếu nhi; các sản phẩm vui chơi giải trí trong nhà như xe điện đung, chiếu phim 3D, bowling, tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí có thưởng; vui chơi giải trí dưới nước như tham quan thủy cung, thư giãn trong các quán bar, nhà hàng ăn

nhanh được thiết kế ngầm dưới nước; du lịch cuối tuần; du lịch hội nghị, hội thảo (MICE).

Các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có nhu cầu đầu tư vào các lĩnh vực, chương trình, dự án trên sẽ được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập, thuế đất, miễn giảm thuế nhập khẩu máy móc, thiết bị nguyên vật liệu; ưu đãi về sử dụng đất, về khấu hao tài sản cố định và các ưu đãi khác theo quy định của Luật đầu tư và các quy định khác của pháp luật có liên quan. UBND tỉnh Hải Dương tạo điều kiện thuận lợi và đảm bảo tính ổn định ưu đãi trong suốt thời gian dự án hoạt động.

### **3.2. Một số giải pháp bảo tồn nghệ thuật Chèo Hải Dương**

Nghệ thuật Chèo là một loại hình nghệ thuật độc đáo của dân tộc cần được bảo tồn. Để Chèo được khôi phục và phát huy những giá trị to lớn của nó, chúng ta luôn phải đề ra những biện pháp để bảo tồn loại hình nghệ thuật này. Song để thực hiện được điều đó cần phải có thời gian lâu dài, nguồn kinh phí không lồ, sự nỗ lực của các ban ngành chức năng và của toàn xã hội. Chính vì vậy, đứng từ tư cách cá nhân, người viết nhận thấy rằng việc bảo tồn các giá trị của nghệ thuật Chèo là vấn đề cấp thiết cần thực hiện ngay từ bây giờ.

Để bảo tồn và phát triển loại hình nghệ thuật này với tư cách là một cá nhân, người viết xin đề xuất một số ý kiến để công tác bảo tồn đối với nghệ thuật Chèo nói chung và nghệ thuật chèo Hải Dương nói riêng được hiệu quả hơn

#### **3.2.1. Mở các lớp đào tạo nghệ thuật Chèo**

Để nghệ thuật sân khấu Chèo có thể lưu giữ và phát triển bền vững, cần thiết phải có những thế hệ kế thừa những thành tựu của cha ông. Muốn vậy phải mở ra các lớp, những chương trình đào tạo về nghệ thuật Chèo. Việc dạy và học nghệ thuật chèo phải được thường xuyên liên tục, để các giá trị không bị đứt đoạn theo thời gian.

Về phương pháp truyền dạy, cần duy trì và coi trọng phương pháp truyền khẩu, truyền ngón nghề trực tiếp. Có nghĩa là các nghệ nhân sẽ trực tiếp dạy từng cách đánh trống, đánh đàn, gõ từng nhịp mõ, hát từng câu chữ

cho các học viên. Với phương thức dạy đó, sẽ tạo thuận lợi cho người học. Người học có thể cảm nhận, nắm bắt trực tiếp mọi sắc thái tinh tế của tác phẩm từ người thầy từ thang âm, phương thức vận hành giai điệu, cho đến từng bước đi của nhịp điệu.

Ngoài ra, việc đào tạo phải luôn đi đôi với chất lượng. Không thể đào tạo ồ ạt, nhanh chóng, cho ra nghề những nghệ nhân chưa đạt tiêu chuẩn. Thực trạng hiện nay một số lớp đào tạo, nghệ sĩ ra trường không phải tất cả ai cũng có thể sử dụng được tất cả những gì đã học được trong trường để hành nghề ca hát. Hầu hết số nghệ sĩ ra trở về nhà hát thì số người có thể đi biểu diễn chiếm phần rất nhỏ, phần còn lại được phân bổ vào các bộ phận phòng ban. Vì vậy vấn đề đặt ra là phải có những lớp đào tạo chất lượng, nên đào tạo theo kiểu " nhỏ mà tinh" có nghĩa là mỗi năm chỉ cần cho ra nghề một số lượng nghệ sĩ nhỏ nhưng chất lượng cao. Đào tạo có định hướng có nghĩa là những người có tố chất, phù hợp với những vai đào chín, hay đào lệch thì chỉ đào tạo theo hướng đó là chủ yếu, có như vậy khi ra nghề vào các vai diễn người nghệ sĩ có thể truyền đạt những tình cảm và sắc thái của tác phẩm đến công chúng một cách hiệu quả nhất.

Ngoài ra, cần phải mở các lớp đào tạo chèo một cách liên tục, tránh tình trạng đứt đoạn. Chèo cũng giống như các môn nghệ thuật khác, là một môn nghệ thuật khó, khó đối với cả người học và người dạy. Để tiếp thu được tất cả những tinh hoa của bộ môn nghệ thuật này cả về làn điệu cũng như nghệ thuật biểu diễn đòi hỏi người học phải có lòng say mê với loại hình nghệ thuật này. Chính vì vậy để tìm được nghệ nhân dạy đã là một vấn đề khó, tìm lớp trẻ để truyền nghề lại càng khó hơn. Do đó, cần có chính sách tôn vinh, khuyến khích và có những ưu đãi cụ thể đối với cả người dạy và người học.

Đối với người dạy, đặc biệt là các nghệ nhân, những người đóng vai trò quan trọng cho việc truyền dạy nghệ thuật chèo, là những người được coi là linh hồn của nghệ thuật dân tộc thì cần phải được tôn vinh trong nghề với việc phong tặng những danh hiệu cao quý như nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú.

Song không nên chỉ dừng lại ở sự tôn vinh trên bình diện "tinh thần" thuần túy với những bằng khen, bằng công nhận, danh hiệu... mà điều quan trọng hơn là để bảo tồn bộ môn nghệ thuật truyền thống này của dân tộc, thì cần phải đảm bảo những điều kiện về vật chất cho các nghệ nhân, đảm bảo những điều kiện tốt nhất, để họ yên tâm trong việc truyền nghề và dạy nghề, dốc hết tâm sức truyền đạt lại cho thế hệ kế cận. Có như thế thì nghệ thuật chèo mới được bảo tồn và phát huy được những giá trị nguyên bản và đích thực của nó.

Bộ văn hóa nên thành lập các hội nghị nghệ nhân, mời các cụ tham gia sưu tầm các mảnh trò. Trong thời gian họp lại với nhau, các cụ nghệ nhân sẽ chia tổ, cùng nhau nhớ, ghim ghép các mảnh trò, trò diễn lại với nhau. Trong quá trình hội nghị, vốn liếng cá nhân đã dần dần đi tới thống nhất tương đối về mặt cấu trúc của các trò diễn. Từ những sáng tạo biểu diễn riêng biệt, mỗi chiếng diễn một khác, mỗi cụ diễn một khác đối với cùng một trò diễn hay vai diễn, các nghệ nhân đã gạn đục khơi trong, xây dựng những trích đoạn những vai diễn tiêu biểu, sau này lấy đó làm mẫu.

Nhưng như vậy vẫn chưa đủ bên cạnh một chế độ, ưu đãi với người thầy nghệ nhân, nhất thiết phải có chế độ đãi ngộ tương xứng đối với lớp trẻ theo học nghề, để có thể bảo đảm sinh ra thế hệ trò nghệ nhân. Hiện nay có rất nhiều dòng nhạc xuất hiện ở Việt Nam, giới trẻ hầu hết chạy theo những cái mới của dòng nhạc hiện đại mà quên đi âm nhạc dân tộc. Vì vậy mà có thể nói số lượng học viên không được nhiều. Những người theo học nghề chủ yếu là những cá nhân, do trong nhà có truyền thống hát chèo, hoặc là những người theo học là người yêu nghệ thuật dân tộc. Để có thể thu hút được người học cần phải có một chế độ học bổng đặc biệt. Nói cách khác, đối với người học, bên cạnh các suất học bổng như sinh viên bao trường đại học khác, thì cần có nhiều học bổng khác từ các dự án bảo tồn để khuyến khích họ thi tuyển và học tập. Sau khi tốt nghiệp và cấp bằng, những học viên này phải được tuyển dụng vào những nơi sử dụng ngành nghề của họ như các nhà hát nghệ thuật truyền thống, các trường dạy nhạc. Tình trạng hiện nay ở tất cả các ngành

ngành nghề sinh viên ra trường đi theo đúng ngành nghề mà mình theo học thì có rất ít, chủ yếu là làm trái ngành. Vì vậy đối với môn nghệ thuật này nếu để tình trạng học viên sau này ra trường không tìm được chỗ làm hay làm việc trái ngành nghề thì cũng đồng nghĩa với việc sẽ mất đi những người thực sự tâm huyết và say mê với việc đem nghệ thuật dân tộc đến với công chúng.

### **3.2.2. Tăng cường công tác nghiên cứu**

Chèo là một bộ môn sân khấu nghệ thuật lâu đời, độc đáo và có ý nghĩa đặc biệt trong kho tàng âm nhạc của người Việt Nam. Chèo gắn liền với lễ hội, phong tục, tín ngưỡng, văn chương, âm nhạc, tư tưởng, triết lý sống của người Việt. Do vậy nghiên cứu chèo cũng là góp phần vào việc nghiên cứu các giá trị truyền thống trong đời sống văn hóa Việt Nam.

Hiện nay, những tích trò cổ có nguy cơ mai một dần và vĩnh viễn mất đi, vấn đề đặt ra hiện nay là làm thế nào để có thể lưu giữ được vốn quý của nền nghệ thuật dân tộc. Chính vì vậy đòi hỏi chúng ta phải nhanh chóng sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn những tích trò cổ của chèo để góp phần vào việc phục hồi và chấn hưng loại hình nghệ thuật và sinh hoạt chèo.

Trước mắt, cần xây dựng một kế hoạch sưu tầm sách, vở, tranh, ảnh, phim, băng nhạc, đĩa hát... tiến tới việc tư liệu hóa các tác phẩm âm nhạc để dàn dựng các chương trình bảo tồn, đồng thời nhân bản tư liệu để cất giữ, đề phòng mất mát, thất lạc.

Cùng với việc sưu tầm, thu thập những bản nhạc, lời ca cũng cần phải biên soạn và xuất bản các ấn phẩm của Chèo bằng cách chụp ảnh, quay phim những diễn xuất, ca từ của các nghệ nhân trình bày. Nếu công tác này được thực thi sớm, và có hiệu quả thì ngay cả khi thế hệ nghệ nhân này đã qui tiên mà chưa kịp truyền dạy lại cho thế hệ kế cận, chúng ta vẫn còn lại nguồn tư liệu băng đĩa của họ để tiếp tục đào tạo cho các thế hệ mai sau.

Việc giới thiệu nghệ thuật chèo đến với công chúng qua các ấn phẩm, các buổi thảo luận chuyên đề, các cuộc nói chuyện về âm nhạc dân tộc cũng rất quan trọng, vì nó làm nâng cao trình độ thưởng thức của công chúng, làm

thức dậy tình yêu âm nhạc dân tộc của các tầng lớp nhân dân. Đặc biệt cần phải tiến hành các cuộc nói chuyện với thế hệ trẻ để tìm hiểu những suy nghĩ của họ nghệ thuật chèo, từ đó lôi cuốn họ tìm đến với bộ môn nghệ thuật truyền thống này. Đây sẽ là thế hệ tiếp nối cha ông góp phần vào việc bảo tồn và phát huy những giá trị to lớn để bộ môn nghệ thuật này không bị mai một. Bên cạnh đó, cần xúc tiến thành lập một bảo tàng lưu trữ những gì liên quan tới nghệ thuật chèo để giữ gìn những hiện vật giá trị của ca trù. Trong bảo tàng sẽ lưu trữ những nhạc cụ, trang phục, bài bản, làn điệu, những đĩa băng ghi âm, ghi hình, những tài liệu về chèo xưa và nay, hình ảnh biểu diễn... Từ đó công chúng mới có được một cái nhìn sâu sắc hơn về Ca trù, để từ đó có trách nhiệm giữ gìn vốn văn hóa cổ này không bị mai một.

Đối với nghệ thuật chèo Hải Dương, mặc dù có truyền thống lâu đời, nhưng đến nay những bài bản, những làn điệu và cả những cách thức biểu diễn cổ đã bị mai một dần. Vì thế, chính quyền địa phương cần phải mời một số chuyên gia nghiên cứu có tâm huyết tìm cách phục dựng lại diện mạo đặc trưng của nghệ thuật chèo, cần sưu tầm lại những bài bản cổ, những cách thức trình diễn đặc trưng, cần đi sâu vào quần chúng nhân dân để sưu tầm những cái hay, cái đẹp đã làm cho những người nghệ nhân say mê, gắn bó với nghề để từ đó có thêm tư liệu để dàn dựng vở, làm cho nghệ thuật Chèo ngày càng trở nên hấp dẫn hơn, ... Quá trình này đòi hỏi mất rất nhiều thời gian, công sức cũng như kinh phí thực hiện bởi phải tiến hành một cuộc điều tra, tìm kiếm trên qui mô rộng đối với thế hệ nghệ nhân cũng như tầng lớp cao niên có sở thích nghe chèo. Điều đó không chỉ góp phần làm sống lại những giá trị truyền thống văn hóa của địa phương mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng đưa nghệ thuật chèo vào khai thác phục vụ trong du lịch.

### ***3.2.3. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế***

Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế là một trong những biện pháp hữu hiệu để vừa bảo tồn vừa giới thiệu, truyền bá văn hóa dân tộc Việt Nam tới bạn bè quốc tế, đồng thời tăng cường sự hiểu biết và kiến thức về tổ quốc, quê hương



đối với kiều bào nước ngoài. Việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế có thể được tiến hành bằng cách thường xuyên tham dự liên hoan âm nhạc truyền thống giữa các nước trong khu vực và trên thế giới. Thường xuyên giao lưu, tổ chức các cuộc lưu diễn tại nước ngoài. Việc làm này sẽ đem lại một hiệu quả tích cực đó là giúp cho người dân tại những quốc gia không có loại hình nghệ thuật này hiểu biết thêm về nghệ thuật chèo của Việt Nam, từ đó nảy sinh nhu cầu muốn được nghe và thưởng thức, tìm hiểu nghiên cứu loại hình nghệ thuật này ngay trên chính quê hương của loại hình nghệ thuật đó

Bên cạnh việc góp phần bảo tồn, quảng bá hình ảnh về đất nước và con người Việt Nam và phát huy giá trị truyền thống của dân tộc thì việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế sẽ kêu gọi được sự đóng góp của các bậc trí thức, kêu gọi được sự hỗ trợ của các nhà tổ chức, các nhà hảo tâm, những cá nhân yêu quý nghệ thuật này đóng góp kinh phí, phương tiện, kỹ thuật, tư liệu... để bảo tồn loại hình nghệ thuật Chèo không bị mai một.

Trong điều kiện Việt Nam còn là nước đang phát triển, kinh tế còn chưa lớn mạnh thì việc tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế là rất cần thiết, vì vậy chúng ta cần đẩy mạnh chiến lược này để thu hút nhiều hơn nữa các nhà tài trợ như UNESCO, những nước có nền văn hóa gần giống Việt Nam, quốc gia khác để cùng Việt Nam chung vai gánh vác nhiệm vụ bảo tồn và phát triển loại hình nghệ thuật này. Một loại hình âm nhạc có bề dày lịch sử (theo sử liệu và văn bia), chiều sâu nghệ thuật, tuy có nguy cơ bị quên lãng, nhưng đang chiếm được sự quan tâm của chính quyền, sự thiết tha gìn giữ của nghệ nhân, sự đón nhận nồng hậu của người trong nước và nước ngoài, sự tôn vinh và tài trợ của các tổ chức quốc tế, thì không thể nào không sống mãi với thời gian.

Đối với nghệ thuật Chèo Hải Dương cũng vậy, nếu chỉ có sự nỗ lực của số thành viên trong Nhà hát hiện nay không thôi thì chưa đủ. Chính quyền thành phố Hải Dương cùng với bộ Văn hóa thể thao và Du lịch nên xem xét kêu gọi sự hợp tác, hỗ trợ của các tổ chức văn hóa quốc tế, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước cùng tham gia vào quá trình phục dựng lại những

mảnh trò cổ, những đặc trưng của nghệ thuật chèo Xứ Đông, để có thể đem đến cho khán giả những làn điệu, những lời ca tiếng hát mượt mà, những điệu chèo cổ xưa của dân tộc.

### **3.3. Giải pháp để khai thác hiệu quả nghệ thuật chèo trong phát triển du lịch Hải Dương.**

Chèo một bộ môn nghệ thuật sân khấu truyền thống của dân tộc. Trải qua bao thăng trầm lịch sử, nghệ thuật chèo vẫn đứng vững và đang ngày càng thể hiện vị trí và giá trị của mình. Để cho bộ môn nghệ thuật này ngày càng phát triển và không bị mai một, một trong những giải pháp quan trọng là gắn chèo với hoạt động du lịch, giúp cho chèo được quảng bá tới đông đảo công chúng, đồng thời qua hoạt động du lịch, góp phần truyền tải tới du khách một cách trung thực, thuyết phục và hấp dẫn những giá trị chân thực của nghệ thuật truyền thống dân tộc. Vì vậy, ngành du lịch cần có những biện pháp hữu hiệu để khai thác có hiệu quả chèo trong hoạt động du lịch, vừa đóng góp vào ngân sách chung của nhà nước vừa góp phần bảo vệ và tôn vinh nghệ thuật chèo truyền thống.

#### ***1. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các doanh nghiệp kinh doanh du lịch( nội địa, quốc tế) và đoàn nghệ thuật biểu diễn truyền thống để chuyên nghiệp hóa loại hình biểu diễn nghệ thuật.***

Vừa qua, Chính phủ đã quyết định sáp nhập các lĩnh vực du lịch, văn hoá, thể thao về một mối, tạo thành Bộ Văn hoá - Thể thao - Du lịch. Đây là một thuận lợi lớn cho việc gắn kết mối quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước về du lịch với cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá.

Trước đây, khi chưa có sự sáp nhập này, hoạt động văn hoá - du lịch luôn ở trạng thái tách biệt, nhưng đôi khi lại chồng chéo nhau, đặc biệt là trong công tác quản lý di sản, tài nguyên văn hoá. Việc tách biệt và không có nhiều sự hợp tác giữa hai lĩnh vực này đã khiến cho việc quảng bá du lịch văn hoá bị hạn chế rất nhiều. Nhưng hiện nay, khi đã có được sự sáp nhập, cùng nằm trong một Bộ ngành thì chắc chắn, việc phối hợp giữa hai lĩnh vực này sẽ dễ dàng hơn.

Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa kết hợp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch nối các tour du lịch đến với loại hình biểu diễn nghệ thuật chèo truyền thống. Việc các công ty du lịch "mở cửa" tiếp xúc với các đoàn nghệ thuật biểu diễn truyền thống để ký kết hợp đồng biểu diễn phục vụ khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế sẽ là mấu chốt để đem lại hiệu quả hoạt động cho cả hai lĩnh vực.

Hiện nay một tình trạng đang tồn tại ở nhiều nơi là ở hầu hết các rạp của Nhà hát biểu diễn Chèo, tuồng đều rất vắng khách như tại Nhà hát chèo Hà Nội.... Và hầu như họ đi nghe hát theo giấy mời chứ không phải là khách mua vé xem, nhưng vẫn thấy lác đác ở đâu đó một vài người khách nước ngoài ngồi xem rất chăm chú, có thể cảm nhận rằng họ rất hứng thú, hào hứng khi xem loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống của Việt Nam.

Trong một dịp đến Hạ Long người viết luận văn này đã từng được chứng kiến một tour du lịch cho khách du lịch đến Hạ Long - Quảng Ninh và tổ chức cho khách quốc tế nghe hát múa nghệ thuật truyền thống Việt Nam với các làn điệu dân ca, các nhạc cụ truyền thống như đàn bầu, đàn T'rung, sáo, nhị, khèn,... thì nhận thấy các khách du lịch đều đam mê và chăm chú nghe, xem biểu diễn. Trên thuyền ra Vinh Hạ Long, trong khung cảnh thơ mộng tuyệt vời đó, nghe một số bài dân ca vui nhộn, đặc sắc của dân tộc Việt Nam, khách du lịch quốc tế sẽ cảm thấy chuyển đi của họ thật ý nghĩa.

Đó chính là cách làm du lịch của một số doanh nghiệp du lịch Việt Nam khi biết kết hợp giữa nghệ thuật biểu diễn truyền thống dân tộc với các chương trình du lịch đơn thuần, tạo nên sự đặc sắc trong các tour du lịch. Tuy vậy, không phải công ty du lịch nào cũng làm được việc đó bởi đơn thuần trong sản phẩm du lịch bán cho khách, không có nhiều sự lựa chọn của du khách về các món ăn tinh thần đó.

Tại Hải Dương, khách du lịch quốc tế đến Hải Dương không nhiều. Có chăng ở các điểm du lịch như Côn Sơn – Kiếp Bạc, làng rỗi nước Hồng Phong thì còn có khách du lịch quốc tế đến xem biểu diễn dân tộc.

Vậy nên việc kết hợp giữa hai đơn vị kinh doanh nghệ thuật và du lịch chính là mấu chốt của vấn đề để có thể phát triển các loại hình nghệ thuật và du lịch của tỉnh. chứ không quá đơn thuần là nghiêng các tài nguyên du lịch tự nhiên, và văn hóa như hiện nay. Đơn vị kinh doanh nghệ thuật cần phối kết hợp với ngành du lịch để ký kết các hợp đồng biểu diễn có mục đích phục vụ khách du lịch một cách rõ ràng. Cần có sự chuẩn bị cho hoạt động này một cách chu đáo bởi nếu không có sự giúp đỡ của các doanh nghiệp du lịch thì thật khó để các đơn vị biểu diễn nghệ thuật có thể có được các buổi diễn phục vụ khách.

Hai bên cần thống nhất cơ chế chia sẻ quyền lợi nhưng cũng phải có quy chuẩn rõ ràng trong việc làm sao để duy trì, phát triển, tránh tình trạng ký kết rồi nhưng do bên biểu diễn nghệ thuật truyền thống chuẩn bị chương trình không có tính giải trí, nghệ thuật cao dẫn đến khách du lịch không có nhu cầu tới xem lần thứ hai và bản thân công ty du lịch cũng không còn muốn hợp tác để đưa khách đến. Vì thế, vai trò của việc chuyên nghiệp hoá các loại hình nghệ thuật biểu diễn là rất quan trọng.

## ***2. Quảng bá hiệu quả trong và ngoài nước hình ảnh của loại hình nghệ thuật chèo truyền thống.***

Công tác tuyên truyền quảng bá du lịch trong thời gian qua đã đạt được những biến chuyển tốt trong cách làm, phương pháp quảng bá sao cho hiệu quả.

Mỗi quốc gia khi tiến hành công tác xúc tiến du lịch luôn quan tâm tìm hiểu nhu cầu của khách du lịch để đáp ứng nhu cầu đó một cách tốt nhất. Song đó mới chỉ là một mặt của hoạt động này và được gọi là xúc tiến bị động. Thông thường, quốc gia coi du lịch là một ngành kinh tế quan trọng trong tổng thể nền kinh tế đều muốn giới thiệu cho du khách những gì đặc biệt nhất, những gì nổi bật nhất của mình, nhằm làm thay đổi hoặc “tích cực

hoá” hình ảnh của điểm đến và kích thích cho khách du lịch tiềm năng lựa chọn điểm đến và thực hiện chuyến du lịch. Hoạt động này được gọi là hoạt động xúc tiến quảng bá chủ động nhằm mục đích lôi cuốn sự chú ý và định hướng nhu cầu thị trường vào những điểm mạnh mà chúng ta muốn giới thiệu.

Tuy nhiên, một thực tế cho thấy là công tác quảng bá của chúng ta vẫn còn chưa chuyên nghiệp và thiếu tính chiến lược lâu dài. Trong khi đó ở các nước bên cạnh chúng ta công tác quảng bá về hình ảnh đất nước của họ rất hiệu quả như Thái Lan, Malayxia.

Tham dự các Hội chợ du lịch quốc tế tại các nước châu Âu hay Bắc Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc,... cũng là cách làm tốt. Tuy vậy, cần chọn lọc những Hội chợ du lịch quốc tế lớn, có tầm quy mô rộng và có khả năng được quảng bá rộng rãi tại một quốc gia. Có như vậy thì việc Việt Nam đem theo các đoàn nghệ thuật như ca trù, quan họ, Chèo, ca múa nhạc dân tộc,... để quảng bá mới có thể hiệu quả được. Đó chính là giải pháp mà du lịch Việt Nam nên lựa chọn khi tham gia ở cấp độ vĩ mô. Nhưng, bên cạnh đó, nhiều Hội chợ không lớn, tính quảng bá không cao sẽ dẫn đến việc quảng bá hình ảnh không được sâu rộng. Hơn nữa, do ở nhiều Hội chợ, chỉ có sự tham gia của các doanh nghiệp đơn thuần, không có sự ủng hộ của ngành du lịch thì hầu như chỉ là hoạt động giới thiệu về bản thân doanh nghiệp chứ chưa có các hoạt động quảng bá hình ảnh các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống.

Vấn đề chính của công tác xúc tiến quảng bá tại Việt Nam là sự bị động trong khâu quảng bá hình ảnh đất nước. Khi nào có Hội chợ mời thì chúng ta mới tham gia. Khi đó, chúng ta sẽ khó quảng bá được hình ảnh rộng rãi vì Hội chợ đôi khi chỉ là một không gian nhỏ hẹp.

**3. Đầu tư xây dựng các trang web nghệ thuật biểu diễn Chèo truyền thống qua đó có thể quảng bá xúc tiến sản phẩm du lịch văn hoá phi vật thể một cách hiệu quả nhất.**

Việc hoàn thiện các trang web của ngành du lịch cũng như của từng loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống trên cơ sở có kết nối (link) với các

trang web của các địa phương và các doanh nghiệp du lịch, các ngành và các cơ quan hữu quan như hàng không, thương mại, ngoại giao...., cũng như các công ty du lịch lớn ở nước ngoài, tạo ra một hệ thống các thông tin có nội dung từ tổng quát đến chi tiết, đầy đủ từ giới thiệu chung về điểm đến, đến việc giới thiệu các sản phẩm du lịch cụ thể và có cả hệ thống đăng ký đặt giữ chỗ và mua tour nếu khách có nhu cầu.

Vừa qua, các trung tâm văn hoá Nhật - Việt, Hội liên hiệp văn hoá hữu nghị Việt - Nhật, Hội văn hoá Việt - Hàn hay các cơ quan ngoại giao Hàn Quốc, Nhật Bản liên tục tổ chức các tuần lễ văn hoá Hàn Quốc, Nhật Bản tại Việt Nam. Các tuần lễ này thực sự gây ấn tượng với người Việt Nam vì tính đặc trưng văn hoá độc đáo của hai dân tộc này được thể hiện rất rõ với các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống rất độc đáo. Người Nhật kết hợp múa Kimono với nghệ thuật hoa Anh đào, người Hàn Quốc thì kết hợp áo dân tộc với múa Chunmalay, một loại múa truyền thống đặc trưng của Hàn Quốc. Tất cả đều đem lại sự thích thú cho người xem.

Qua đó có thể thấy, Việt Nam cần tổ chức nhiều hơn các tuần lễ văn hoá Việt Nam tại nước ngoài để trực tiếp quảng bá giới thiệu các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống như hát, múa, áo dài đan xen nhau tạo nên bản sắc văn hoá Việt Nam. Cách làm này luôn đạt hiệu quả cao nếu như có được sự ủng hộ từ chính phủ các nước mà chúng ta muốn quảng bá, giao lưu văn hoá. Khi đó, truyền thông sẽ quan tâm hơn và truyền tải được nhiều thông điệp văn hoá Việt Nam hơn tới công chúng các nước.

Các hoạt động này thu hút đông đảo du khách tham dự một phần lớn là do hiệu quả từ các Website quảng bá văn hoá nghệ thuật truyền thống mà các đơn vị trên đem lại.

#### ***4. Chuyên môn hoá du lịch các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống***

Hiện nay, chỉ có múa rối nước được đánh giá thực sự là loại hình nghệ thuật chuyên nghiệp phục vụ nhu cầu xem, nghe, thưởng thức của du khách

quốc tế. Trong khi đó, các loại hình còn lại như chèo, tuồng... đều duy trì theo hình thức chờ đợi, bị động trong việc khai thác hoạt động biểu diễn.

Các đoàn nghệ thuật không tự xây dựng cho mình hình ảnh riêng để có thể tạo niềm tin thu hút các công ty du lịch. Các đoàn nghệ thuật thường bị động chương trình, khi có yêu cầu đặt hàng thì mới làm, trong khi không chủ động xây dựng thương hiệu để móc nối trực tiếp với các doanh nghiệp du lịch để lấy nguồn khách du lịch về với mình.

Tính chuyên nghiệp hoá du lịch trong hoạt động nghệ thuật chính là mấu chốt của vấn đề. Hoạt động du lịch đem lại lợi nhuận và thu nhập cho các đoàn nghệ thuật chỉ khi các sản phẩm ấy đạt được chất lượng thẩm mỹ, nghệ thuật, nghe nhìn, giải trí cao. Bên cạnh đó là sự độc đáo. Nếu làm được những sản phẩm như vậy thì chắc chắn rằng các đoàn nghệ thuật biểu diễn chèo không cần mời gọi, các doanh nghiệp du lịch sẽ tự tìm đến với sản phẩm ấy để đặt hàng. Nhà hát Chèo hải Dương cần có những điều chỉnh về vở diễn, nội dung, hình thức biểu diễn để có những sản phẩm có chất lượng tốt để phục vụ cho khách du lịch. Có như vậy, sau một ngày đi du lịch khá mệt mỏi, du khách mới cảm nhận được nét đẹp và thấy rằng họ đang được nghỉ ngơi, giải trí, thư giãn và thưởng thức trong một không gian văn hoá có tính giải trí, nghệ thuật cao.

***5. Có chính sách tổng thể phát triển du lịch văn hoá phi vật thể, trong đó có các loại hình nghệ thuật biểu diễn chèo truyền thống.***

***6. Tổ chức các liên hoan, hội diễn sân khấu nghệ thuật chuyên nghiệp tại Hải Dương.***

Các hội diễn, liên hoan sân khấu chuyên nghiệp là dịp có thể mang loại hình biểu diễn nghệ thuật đến với đông đảo quần chúng cũng như là khách du lịch. Đây cũng là hình thức nhằm thu hút đông đảo sự chú ý của du khách. Hàng năm các hội diễn liên hoan sân khấu được tổ chức ở khắp các tỉnh thành trong cả nước nhằm tôn vinh các nghệ sĩ, và những vở diễn được đánh giá cao chất lượng cả về cả nghệ thuật và nội dung.

Trong những năm gần đây hàng loạt các sự kiện văn hoá lớn khác được tổ chức ở các địa phương, như: Gặp gỡ đất Phương Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, Tuần Du lịch văn hoá Hội An, Lễ hội Du lịch Quảng Ninh, Liên hoan Du lịch Hà Nội, Festival Huế, Giao thừa Thiên niên kỷ ở Đồng Nai, Lễ hội Mùa Xuân ở Cao Bằng, Lễ Hội làng Sen ở Nghệ An, Đêm Rằm Phố cổ Hội An, Lễ hội Cồng chiêng ở Tây Nguyên; Lễ hội Cồng chiêng ở Hoà Bình, Hội Du lịch làng nghề truyền thống ở Hà Tây,...

Các sự kiện văn hoá diễn ra đã đạt được mục tiêu ban đầu là khắc hoạ được một cách rõ nét sự đa dạng, phong phú về văn hoá truyền thống Việt Nam, để lại ấn tượng đẹp và sâu sắc về bức tranh văn hoá Việt Nam đối với du khách trong và ngoài nước, góp phần tạo ra nhiều sản phẩm du lịch mới. Trong đó, các sự kiện đều được gắn kết chặt chẽ giữa phát triển du lịch văn hoá gắn với các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống.

Do vậy, ngoài việc tận dụng các Festival du lịch khác trên cả nước để quảng bá du lịch văn hoá phi vật thể Việt Nam thì tổ chức được nhiều Liên hoan du lịch, Festival du lịch, Lễ hội du lịch hay các liên hoan nghệ thuật truyền thống có quy mô lớn, chất lượng cao và có tính quảng bá lớn sẽ góp phần thu hút nhiều khách quốc tế tham dự và sẽ tạo nên những ấn tượng đối với họ.

Phục vụ công tác quảng bá du lịch, trong 5 năm từ qua 2000 – 2006 ngành Du lịch đã làm 92 biển quảng cáo tấm lớn được xây dựng tại các nút giao thông, cửa khẩu quốc tế quan trọng và tại các trung tâm du lịch thuộc 53 địa phương trong cả nước giới thiệu điểm đến du lịch Việt Nam với du khách trong và ngoài nước. Sử dụng trên 2000 băng rôn, cờ phướn các loại phục vụ công tác tuyên truyền quảng bá du lịch trong dịp tổ chức các lễ hội truyền thống, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật truyền thống, và sự kiện du lịch của Ngành. Đã sản xuất nhiều phim giới thiệu về du lịch Việt Nam và phim quảng cáo Con đường Di sản miền Trung; phim tư liệu về du lịch Việt Nam 45 năm xây dựng và trưởng thành; xây dựng phim quảng cáo du lịch 30 giây trên màn hình điện tử, phát trong một năm; hoàn thành và đưa vào sử dụng 1 CD-



ROOM về Di sản thế giới và 1 CD-ROOM về Lễ hội du lịch Việt Nam. Bên cạnh đó, Chương trình đã phối hợp và hỗ trợ Tổng cục Cảnh sát Nhân dân - Bộ Công an hoàn thành phim phóng sự về tình hình thực hiện Chỉ thị 07/TTg về đảm bảo an ninh, an toàn và trật tự xã hội tại các điểm du lịch và trong dịp diễn ra các lễ hội, sự kiện du lịch.

Từ năm 2000, được sự phối hợp của các bộ ngành liên quan và các địa phương (nhất là Bộ Văn hoá - Thông tin - nay là Bộ Văn hoá - Thể thao - Du lịch), đã lựa chọn, hỗ trợ khôi phục và tổ chức khoảng 20 lễ hội truyền thống tiêu biểu mỗi năm, khoảng trên một chục chương trình nghệ thuật biểu diễn truyền thống hàng năm như Liên hoan ca trù toàn quốc, Liên hoan sân khấu chèo Việt Nam, Liên hoan các làn điệu dân ca toàn quốc, Liên hoan văn hoá nghệ thuật du lịch Thủ đô,... được tổ chức thường xuyên tại Thủ đô, gắn với việc tuyên truyền quảng bá nâng cao nhận thức du lịch trong nhân dân với việc hình thành các tour du lịch văn hoá phục vụ khách trong và ngoài nước.

### ***7. Tăng cường công tác đào tạo nhân lực biểu diễn nghệ thuật truyền thống chuyên nghiệp phục vụ phát triển du lịch.***

Hiện nay, đội ngũ nhân lực biểu diễn nghệ thuật truyền thống phục vụ du lịch tại Hải Dương cũng như ở nhiều nơi chưa được chuyên nghiệp hoá. Vẫn là các mô hình 2 trong 1, 3 trong 1 tức là một đoàn nghệ thuật có thể cùng lúc kiêm nhiều mảng khác nhau. Khi có đơn đặt hàng bên ngoài thì bắt đầu dựng vở, mời đạo diễn, lựa chọn diễn viên và luyện tập theo đơn đặt hàng chứ không tạo lập một chỗ đứng vững chắc cho tương lai.

Không chỉ riêng Nhà hát chèo Hải Dương mà nhiều đoàn nghệ thuật khác chưa từng một lần biểu diễn cho khách du lịch quốc tế xem và cũng nhiều đoàn nghệ thuật chỉ thường xuyên làm việc theo kiểu khi có các sự kiện nổi bật hàng năm của đất nước thì mới rục rịch chuẩn bị. Chính vì thế, ngoài múa rối nước hay một chút là quan họ, ca trù, xẩm thì các loại hình nghệ thuật biểu diễn còn lại như chèo, tuồng đều không thể có được các chỗ đứng trong

công cuộc chuyên nghiệp hoá các loại hình nghệ thuật đó phục vụ khách du lịch quốc tế.

Điều này cho thấy, ngoài việc có sự gắn kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp du lịch và các đơn vị biểu diễn nghệ thuật thì cần có sự chuyên môn hoá, chuyên nghiệp hoá loại hình nghệ thuật biểu diễn để có thể chủ động tìm được nguồn khách du lịch, tạo sự tự tin cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch để họ có thể ký kết các hợp đồng với các đơn vị biểu diễn nghệ thuật.

Cần phải nhấn mạnh rằng, nếu chỉ thực hiện biểu diễn theo sự kiện trong nước, theo mùa vụ thì các đơn vị biểu diễn nghệ thuật truyền thống không thể có được doanh thu và lợi nhuận cao dẫn đến cán bộ công nhân viên không có được thu nhập ổn định. Nhưng nếu kinh doanh phục vụ khách du lịch quốc tế, Việt kiều thì sẽ đạt được nhiều hiệu quả lớn, trong đó có lợi nhuận ổn định và doanh thu cao. Từ đó, có thể nâng cấp chất lượng nội dung các vở diễn và đầu tư cho tính giải trí cao phục vụ khách du lịch.

***8. Kết hợp quảng bá các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống thông qua các sự kiện lớn có sức thu hút lớn.***

*\* Thông qua các sự kiện thể thao lớn:*

Trong giai đoạn 2008 - 2012, tại Việt Nam sẽ diễn ra nhiều sự kiện thể thao lớn, có sức thu hút khách quốc tế và có thể quảng bá tầm ảnh hưởng qua sóng truyền hình quốc tế như Đại hội TDTT trong nhà ASIAN Indoor Games 3 tổ chức tại Hà Nội năm 2009, Đại hội thể thao cộng đồng các quốc gia nói tiếng Pháp 2010, ASIAN Cup 2011,....

Sở dĩ các sự kiện thể thao lớn như trên được đề cập đến vì tại những giải đấu đó có sự tham dự của hàng trăm ngàn VĐV, cổ động viên đến từ hàng chục quốc gia trong khu vực châu Á và Thái Bình Dương, ASEAN,... nên sẽ có sức hút mạnh mẽ để có thể qua đó, nâng cao vị thế của Việt Nam đồng thời coi đó là cơ hội để quảng bá các đặc trưng văn hoá Việt Nam trong các lễ khai, bế mạc. Khi đó, việc xen kẽ các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống vào các chương trình như việc đưa ca múa nhạc dân tộc vào trong lễ khai mạc sẽ

tạo điểm nhấn quan trọng bởi sẽ có hàng chục quốc gia truyền hình trực tiếp sự kiện đó.

Bên cạnh đó, khi mà có hàng chục nghìn du khách quốc tế sang Việt Nam cùng một thời điểm thì cũng là cơ hội để Việt Nam quảng bá văn hoá biểu diễn truyền thống.

*\* Thông qua các sự kiện thời trang, thi hoa hậu,...*

Năm 2008 là năm đánh dấu một mốc quan trọng trong sự hoà nhập của văn hoá - du lịch Việt Nam với thế giới và cho thấy vị thế văn hoá của Việt Nam ngày càng cao trên trường quốc tế. Sự kiện Việt Nam được đăng cai tổ chức cuộc thi Hoa hậu hoàn vũ 2008 tại Nha Trang - Khánh Hoà là một sự kiện đặc biệt. Và có lẽ, không có cơ hội nào tốt hơn thế để truyền bá văn hoá đặc sắc Việt Nam với thế giới.

Tháng 6 năm 2011 cuộc thi hoa hậu hoàn vũ sẽ được tổ chức tại Nha Trang – Khánh Hoà sẽ thu hút hàng trăm thí sinh đến từ hàng trăm quốc gia lớn nhỏ trên toàn thế giới tới Việt Nam tham dự. Mỗi thí sinh là đại diện và cũng là hình ảnh của một đất nước nên chắc chắn, sự kiện ấy sẽ được đặc biệt quan tâm. Không có lý do gì để du lịch Việt Nam không giới thiệu với du khách toàn thế giới về vẻ đẹp của mình. Và cũng không có lý do gì để văn hoá truyền thống Việt Nam không giới thiệu những đặc trưng ca múa nhạc dân tộc, múa rối nước, quan họ,... tại những đêm khai mạc, những đêm thi của cuộc thi quy mô toàn thế giới này.

Các kênh truyền hình lớn nhất thế giới sẽ tới Việt Nam và đưa tin hàng ngày về sự kiện, đó cũng là cơ hội ngàn vàng để chúng ta giới thiệu thông qua họ. Không mất chi phí mà vẫn được quan tâm và có tính hiệu quả cao, đó là điều mà du lịch Việt Nam cần hướng đến. Và khi mà các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống đã được du khách biết đến rồi thì du lịch Hải Dương nói riêng và du lịch Việt Nam nói chung sẽ được thu được nhiều kết quả tốt. Bên cạnh đó, các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống sẽ có đất để sống.

### **9. Xây dựng các chương trình biểu diễn nghệ thuật.**

Trước đây khi vừa mới thành lập, Đoàn chèo( Nhà hát) có thường xuyên tổ chức các buổi biểu diễn để phục vụ nhân dân với những đề tài truyền thống với các vở như Lưu Bình – Dương Lễ, Sứ Vân, Quan Âm Thị Kính, và một số đề tài lịch sử... Nhưng trong điều kiện hiện nay muốn đưa chèo vào phát triển trong du lịch thì nhà hát cần phải xây dựng các chương trình, vở diễn mang tính giải trí và truyền tải những giá trị thẩm mỹ cũng như nghệ thuật cao, dựng một chương trình biểu diễn thật đa dạng, linh động, không nên cứng nhắc theo một khung chương trình duy nhất. Chẳng hạn như có thể lập ra một danh sách những tiết mục biểu diễn đã được khôi phục và tập luyện thuần thục. Du khách nhìn vào đó rồi tùy theo nhu cầu thưởng thức, khả năng thẩm thấu và khả năng chi trả để lựa chọn một chương trình biểu diễn cho chính mình. Nếu làm được như vậy, nghệ thuật chèo sẽ có sức hấp dẫn đối với du khách. Không chỉ có thế, với việc được biểu diễn tự do, chắc chắn sẽ góp phần làm tăng thêm nguồn cảm hứng và sáng tạo cho các nghệ nhân biểu diễn, và chính điều đó lại càng làm tăng thêm sự độc đáo và duy trì sức sống trường tồn cho loại hình nghệ thuật này.

### **10. Mở rộng không gian biểu diễn.**

Trong nền âm nhạc cổ truyền dân tộc Việt Nam, nhìn chung mỗi thể loại đều có đời sống xã hội riêng của nó. Trong đó, môi trường trình diễn cũng như chức năng xã hội bao giờ cũng được coi như đặc trưng riêng của từng thể loại. Mối quan hệ hữu cơ đó khiến cho mỗi thể loại âm nhạc ở đây không phải là thứ âm nhạc của sân khấu mà là thứ âm nhạc của cuộc đời. Nghĩa là chúng không tồn tại như một nghệ thuật âm nhạc biểu diễn thuần túy mà bao giờ cũng gắn liền với một hoạt động cụ thể nào đó trong cuộc sống. Chèo là một minh chứng cho điều đó. Chèo sinh ra là để phục vụ cho con người. Có thể khẳng định đây là một trong số ít loại hình nghệ thuật có không gian biểu diễn rộng. Chèo không chỉ được biểu diễn trong cung đình, mà còn được biểu diễn ngay cả ở nông thôn phục vụ đời sống sinh hoạt của người

dân. Nhưng hiện nay, không gian dành cho biểu diễn Chèo ở đình làng, cung vua đều không còn tồn tại nhiều. Hiện nay chèo chỉ còn một không gian biểu diễn duy nhất là tại các rạp hát, các câu lạc bộ. Vì vậy để đưa chèo vào khai thác, phục vụ du lịch thì ngoài việc biểu diễn tại các nhà hát, các câu lạc bộ, giao lưu giữa các câu lạc bộ, tham gia các kì liên hoan toàn quốc thì cần mở rộng hơn nữa không gian biểu diễn để phục vụ cho đông đảo du khách.

Đối với nghệ thuật chèo Hải Dương, giải pháp này có thể thực hiện bằng cách tăng cường biểu diễn tại các buổi liên hoan văn hóa nghệ thuật ở khắp nơi trong cả nước hay tích cực hơn trong việc tham dự các kì liên hoan nghệ thuật truyền thống giữa các nước trong khu vực và trên thế giới. Qua các cuộc giao lưu văn nghệ với các nước hay các cuộc lưu diễn, chèo Hải Dương sẽ được nhiều người biết đến hơn, và rất có thể trong số đó sẽ có nhiều người tìm đến với Hải Dương để được tìm hiểu sâu hơn về mảnh đất địa linh nhân kiệt này, nơi mà đã khai sinh và nuôi dưỡng nghệ thuật này.

Ngoài ra, Nhà hát chèo Hải Dương cũng nên tăng cường việc hợp tác biểu diễn tại các ngôi đình làng hay trong các lễ hội làng truyền thống hàng năm của các xã, quận, huyện lân cận trong địa bàn thành phố Hải Dương. Các lễ hội truyền thống luôn là nơi thu hút một lượng lớn du khách trong và ngoài địa phương đến tham dự. Những năm gần đây, ngày càng nhiều lễ hội được phục hồi và gắn với mục tiêu phát triển du lịch. Ban tổ chức của các lễ hội này cũng thường tìm kiếm những nội dung hoạt động nghệ thuật hấp dẫn để đem lại nét mới cho chương trình nhằm phục vụ nhu cầu đa dạng của du khách, thu hút khách đến với lễ hội nhiều hơn. Vì thế, nếu Nhà hát chèo Hải Dương có thể tham gia trong những lễ hội như vậy chính là một cách góp phần vào sự nghiệp phát triển du lịch địa phương. Du khách có thể kết hợp giữa việc tham gia chơi hội với việc nghe hát chèo và tìm hiểu thêm về những ngôi đình cổ kính - những di tích lịch sử văn hóa giá trị...

Nhưng để nghệ thuật chèo thực sự đóng góp hiệu quả trong chính sách phát triển du lịch của Hải Dương, có lẽ cần tới sự hợp tác hỗ trợ của các cơ

quan chức năng cũng như của các nhà đầu tư để nâng cấp Nhà hát chèo Hải Dương thành một trung tâm biểu diễn nghệ thuật chèo của cả thành phố.

Việc mở rộng không gian biểu diễn đem lại nhiều hiệu quả, chính là đã giới thiệu hình ảnh chèo đến với du khách bốn phương, làm thức dậy nhu cầu được thưởng thức chèo trên chính quê hương của nó. Từ đó, lượng khách du lịch đến với chèo ngày càng tăng, góp phần không nhỏ trong việc thúc đẩy du lịch địa phương nói riêng

### ***11. Liên kết với các tuyến điểm du lịch khác trong địa bàn tỉnh Hải Dương.***

Hải Dương là mảnh đất có nhiều tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn phong phú và đa dạng. Trời phú cho thiên nhiên Hải Dương nhiều cảnh đẹp và có đủ các dạng địa hình, có sông dài, núi cao, đồng bằng rộng lớn. Đây cũng là mảnh đất có lịch sử hào hùng với những chiến công lẫy lừng của các vị anh hùng, một vùng đất địa linh nhân kiệt.

Việc đưa nghệ thuật chèo vào khai thác và phát triển du lịch cũng là một biện pháp để bảo tồn và phát huy các giá trị của chèo nơi đây.

Nhưng nếu chỉ chú trọng vào việc đưa chèo vào du lịch, xây dựng một tour du lịch mà chỉ đơn thuần là nghe hát chèo thì rất đơn điệu và dễ gây nhàm chán bởi đối với người Việt Nam chèo vừa quen vừa lạ, không phải ai cũng thích nghe chèo. Chính vì vậy, cần xây dựng một chương trình du lịch dựa trên sự kết hợp chèo với các tài nguyên du lịch của Hải Dương để tạo ra sự phát triển đồng đều và tránh sự lãng phí tài nguyên của vùng cũng như tạo nên được nét hấp dẫn của chương trình. Người viết xin được đề xuất một số chương trình du lịch kết hợp với các tài nguyên du lịch trên địa bàn tỉnh như sau:

#### **Tour du lịch Hải Dương 1 :**

- sáng : Điểm đầu tiên tham quan là Chùa Giám nơi suy tôn Đại danh y Tuệ Tĩnh một ngôi chùa được xây dựng vào thời Lý với cấu trúc cổ.

Sau đó Đoàn sẽ đi thăm Văn Miếu Mao Điền nơi tổ chức các kì thi hương của trấn Hải Dương xưa. Nơi đây thờ Khổng Tử và tôn vinh các bậc nho học tiêu biểu cho truyền thống văn hiến của tỉnh Hải Dương.

Đoàn rời Văn Miếu lên xe đi thăm Côn Sơn – Kiếp Bạc

- Trưa : Ăn trưa tại Côn Sơn

- Chiều : Thăm quan Côn Sơn – Kiếp Bạc

Tối : ăn tối tại Hải Dương và xem biểu diễn Chèo.

**Tour du lịch Hải Dương 2:**

- Sáng : Thăm quan làng nghề gốm Chu Đậu, một làng nghề nổi tiếng tại Hải Dương. Tiếp đến thăm Động Kính Chủ được xếp vào hàng *Nam Thiên Đệ Lục Động*.

Sau đó đoàn tiếp tục đến thăm khu danh thắng Côn Sơn, ăn trưa tại Côn Sơn.

- Chiều : Du khách tự do tham quan tại Sân Golf Ngôi sao Chí Linh, Đến thăm Đảo Cò Nam Chi Lăng.

- Tối : ăn tối tại Hải Dương và xem biểu diễn Chèo.

### **Tiểu kết chương 3**

Từ thực trạng khai thác nghệ thuật chèo vào trong đời sống cũng như trong hoạt động phát triển du lịch ở Hải Dương hiện nay cho thấy, chèo Hải Dương mới chỉ đơn thuần biểu diễn phục vụ nhu cầu của nhân dân, tham gia biểu diễn để phục vụ cho các sự kiện chính trị của tỉnh, còn với hoạt động du lịch thì nghệ thuật chèo chưa thực sự được khai thác một cách hiệu quả nhằm phục vụ du khách. Tuy Nhà hát có tham gia biểu diễn nghệ thuật tại các lễ hội, các hội đình, hội đền, nhưng đối tượng phục vụ còn ít chỉ là người dân trong làng tổ chức lễ hội, và nhân dân các làng bên. Chính vì vậy ở trong chương 3 đề tài đã đưa ra một số giải pháp cụ thể để có thể bảo tồn và khai thác hiệu quả nghệ thuật chèo vào phát triển du lịch ở Hải Dương, như cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và đoàn nghệ thuật biểu diễn truyền thống để chuyên nghiệp hóa loại hình biểu diễn nghệ thuật, tăng cường công tác quảng bá hình ảnh của loại hình nghệ thuật chèo truyền thống, xây dựng các trang web nghệ thuật biểu diễn chèo truyền thống để có thể xúc tiến quảng bá sản phẩm du lịch văn hóa phi vật thể một cách có hiệu quả, xây dựng các chương trình biểu diễn nghệ thuật, mở rộng không gian biểu diễn, liên kết với các tuyến điểm du lịch khác trong địa bàn tỉnh Hải Dương.... Tuy nhiên để có thể đưa chèo vào phục vụ cho hoạt động du lịch được tốt hơn cần có sự quan tâm hơn nữa của các bộ ngành, các nhà đầu tư, cần có những chính sách hỗ trợ, phát triển, để có thể kết nối với du lịch đưa chèo và phục vụ du khách. Có như vậy các bộ môn nghệ thuật truyền thống nói chung và nghệ thuật chèo nói riêng mới được đông đảo bạn bè quốc tế biết đến, góp phần vào việc bảo tồn và phát huy những giá trị của nghệ thuật chèo.



## KẾT LUẬN

Chèo là một loại hình nghệ thuật độc đáo của dân tộc, ra đời ở đồng bằng Bắc Bộ, đặc trưng cho sinh hoạt văn hóa của người Việt Nam. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử dựng nước và giữ nước của cha ông ta. Dù có thể có những thời điểm có sự giao thoa văn hoá do lịch sử chiến tranh vệ quốc, nhưng nhìn chung, cây văn hoá Bắc Bộ trong cả hệ văn hoá Việt Nam vẫn luôn là những đặc trưng không nơi nào có được trên thế giới. Chèo đặc trưng bởi nhiều yếu tố như tên gọi, nội dung, bài bản và làn điệu, kỹ thuật kịch, sân khấu, nhạc cụ cho đến các giá trị nghệ thuật, lịch sử và giá trị hiện thực, tất cả tạo nên nét độc đáo riêng so với các loại hình nghệ thuật khác. Nghệ thuật biểu diễn truyền thống được biết đến như một di sản quý của văn hóa Việt, là món ăn tinh thần không thể thiếu của người dân Việt Nam. Chính vì vậy mà các loại hình nghệ thuật truyền thống nói chung và nghệ thuật chèo nói riêng đã và đang được định hướng để bảo tồn và khai thác một cách có hiệu quả trong nhiều lĩnh vực và đặc biệt là trong hoạt động du lịch. Tuy nhiên, công tác bảo tồn, phát triển còn nhiều hạn chế và chưa thực sự được quan tâm đúng mức.

Hải Dương là một vùng đất được thiên nhiên ban tặng nhiều ưu đãi, có nhiều cảnh quan đẹp, hấp dẫn, với những hang động đẹp, nổi tiếng và nhiều di tích lịch sử văn hóa, lễ hội độc đáo, nhiều làng nghề truyền thống...; có nhiều thế mạnh để phát triển kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp và giao thông vận tải. Hải Dương được biết đến như là một trong những cái nôi ra đời sớm nhất của nghệ thuật chèo. Mang những đặc trưng nghệ thuật của Chèo Xứ Đông, có nhiều thành tựu và sáng tạo nên những tinh hoa độc đáo của chèo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp sân khấu cách mạng ở bộ môn chèo. Chèo Xứ Đông đã tạo ra cho đất nước từ trước đến nay nhiều nghệ sĩ xuất sắc có tên tuổi trong lịch sử chèo, từ vị tổ nghề Phạm Thị Trân cho đến các tác giả đạo diễn, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú, và các nghệ sĩ xuất sắc khác thời nay. Bên cạnh mang những đặc trưng nghệ thuật

của chèo Xứ Đông, thì chèo Hải Dương mang trong mình những nét khác biệt, tùy vào những điều kiện lịch sử, những sự kiện lớn của dân tộc mà chèo Hải Dương đã vận động và thay đổi mình cho phù hợp để có thể đáp ứng thời cuộc một cách tốt nhất. Tuy nhiên, không có gì khác so với chèo cả nước, việc bảo tồn và phát triển nghệ thuật chèo nơi đây cũng chưa được các cấp chính quyền thành phố, quan tâm đúng mức.

Chèo còn được giữ gìn và hoạt động đến ngày nay chỉ bởi tâm huyết của những người con yêu chèo của đất Xứ Đông. Với mọi cố gắng và nỗ lực của mình, chèo Hải Dương đã mang đến cho công chúng những tiết mục, vở diễn đặc sắc. Hàng năm Nhà hát chèo Hải Dương vẫn mang những lời ca, tiếng hát, những làn điệu mượt mà để phục vụ cho nhân dân, chào mừng những sự kiện trọng đại của thành phố. Ngoài ra, Nhà hát chèo còn tham gia biểu diễn tại nhiều nơi như giao lưu với các câu lạc bộ, tham gia các cuộc công diễn, liên hoan... Tuy nhiên, bao nhiêu hoạt động đó chỉ góp một phần nhỏ bé vào công cuộc khôi phục và bảo tồn nghệ thuật truyền thống. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để có thể bảo tồn và phát huy những giá trị của chèo một cách hiệu quả. Chính vì vậy, đề tài đã đưa ra một số giải pháp bảo tồn cụ thể và định hướng khai thác nghệ thuật chèo trong hoạt động du lịch, nhằm giúp cho công tác bảo tồn cũng như việc giới thiệu đến đông đảo bạn bè trên thế giới về nghệ thuật truyền thống của Việt Nam. Với những tiềm năng du lịch vốn có việc đưa nghệ thuật chèo vào khai thác và phát triển du lịch sẽ tạo ra những sản phẩm du lịch đặc trưng và hấp dẫn du khách.

Tuy nhiên, để có thể tổ chức thực hiện được những định hướng và các giải pháp trên đây, đòi hỏi nhà nước, cần có chủ trương chính sách phù hợp tạo điều kiện cho ngành du lịch có cơ sở để thực hiện nhiệm vụ. Bên cạnh đó, ngành du lịch cần phát huy vai trò chủ đạo của mình trên cơ sở định hướng và chủ trương hợp lý của Nhà nước, cùng với sự phối hợp thống nhất từ trung ương với địa phương, giữa các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và các doanh nghiệp du lịch và các ngành liên quan khác.

Luận văn đã cố gắng tập trung nghiên cứu và đã phân nào nói lên được những đặc trưng nghệ thuật, cũng như thực trạng hoạt động khai thác nghệ thuật chèo trong phát triển du lịch, và đưa ra những giải pháp cụ thể để phát triển hài hoà. Tuy vậy, do bản thân học viên còn nhiều hạn chế về kiến thức cũng như khả năng lý luận nên chắc chắn luận văn sẽ còn nhiều thiếu sót. Rất mong được sự ủng hộ và giúp đỡ của Thầy giáo hướng dẫn, các thầy các cô và bạn bè để luận văn đạt được chất lượng tốt hơn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Trần Bảng. Khái luận về Chèo, viện sân khấu trường Đại học sân khấu – điện ảnh xuất bản, Hà Nội 1999

Bùi Đức Hạnh. 150 làn điệu chèo cổ.NXB văn hóa dân tộc 2007

Nhiều tác giả (1990), Mấy vấn đề nghệ thuật chèo, Viện sân khấu và Sở thông tin văn hóa Thái Bình, Hà Nội

Trần Đình Ngôn. Chiếng Chèo Đông. nhà xuất bản sân khấu Hà Nội 2010

Nghệ thuật múa chèo.Trần Ngọc Canh.NXB sân khấu 2004

Chu Xuân Diên. Văn học dân gian Việt Nam. Nhà xuất bản giáo dục 2006

Nhà hát chèo Việt Nam. Nghệ thuật nói trong chèo.Nghiên cứu trao đổi.  
Độc từ [http// Nhà hát chèo.vn](http://Nhà hát chèo.vn)

Nguyễn Đình Nghị. sự phát triển của nghệ thuật chèo . tham luận hội thảo. Độc từ tạp chí VHNT số 307 tháng 1 năm 2010.

[http// Chèo – Wikipedia Tiếng Việt.html](http://Chèo – Wikipedia Tiếng Việt.html)

<http // cuocsongviet.com.vn/index.asp?...&/Nghe-thuat-hat-cheo...>

<http// Tìm hiểu về nghệ thuật Chèo - Website HỒN VIỆT14 Tháng Mười Hai 2009 ... dinhtrien1957.violet.vn/.../2522152>

Tổ nghề hát chèo – cuộc sống việt. Việt báo.com .Độc từ <http// www Việt Báo.vn>

<http//www.vedepviet.net/.../lich-su-va-dac-diem-nghe-hat-cheo-viet-nam.aspx ->

<http// Nhà chèo Hải Dương . Wikipedie Tiếng việt.>

<http//www.Nhà hát chèo Hải Dương- nghệ thuật chèo, ca trù, hát văn, sáo,...>

Dàn nhạc chèo. Độc từ <http// www. Hồn quê. org>

Tổng cục du lịch năm 2006

## PHỤ LỤC

### PHIẾU ĐIỀU TRA

*Để thiết thực nâng cao việc tìm hiểu về loại hình nghệ thuật truyền thống của dân tộc, chúng tôi kính mong quý vị bớt chút thời gian điền vào bảng câu hỏi dưới đây. Xin trân trọng cảm ơn!*

*Xin quý vị vui lòng cho biết ý kiến của mình, thông qua việc đánh dấu (ü) vào phần  tương ứng với ý kiến của quý vị*

- Trong các loại hình nghệ thuật sau đây là nghệ thuật văn hóa cổ truyền của Việt Nam:  
Chèo  Hip-hop  Kịch nói  Kịch Noh
- Theo Anh (chị) Chèo ra đời vào thời gian nào:  
Thế kỷ X  Thế kỷ XII  Thế kỷ XV  Thế kỷ XX
- Ai là tổ nghề Chèo?  
a/ Phạm Thị Trân   
b/ Đặng Huy Trứ   
c/ Cao Đình Bộ   
d/ Phùng Khắc Khoan
- Anh (chị) có quan tâm đến Chèo?  
Không  Bình thường  Thích  Rất thích
- Trong tác phẩm sau đây đâu là tác phẩm của nghệ thuật chèo Việt Nam:  
a/ Quan Âm Thị Kính   
b/ Vũ Như Tô   
c/ Lưu Bình Dương Lễ   
d/ Người thi hành án tù
- Nội dung của Chèo phản ánh điều gì:  
a/ Miêu tả cuộc sống bình dị của người nông dân, người phụ nữ   
b/ Phản ánh mối quan tâm chung về tình yêu, tình bạn, tình thương

- c/ Tích chèo lấy từ truyện cổ tích, truyện Nôm
- d/ Tất cả các yếu tố trên
7. Trong các nhân vật sau đâu là nhân vật trong nghệ thuật Chèo:  
Hề áo dài  Anh bộ đội  Mẹ mỗ  Thầy Lý
8. Nghệ thuật Chèo được thể hiện dưới các hình thức:  
a/ Nghệ thuật ca hát   
b/ Nghệ thuật múa   
c/ Nghệ thuật trình diễn   
d/ Bao hàm hết các nghệ thuật trên
9. Chèo được chia làm mấy loại?  
3  4  5  6   
Cụ thể là các loại:  
.....  
.....
10. Nhạc cụ trong Chèo gồm có?  
.....  
.....
11. Đâu là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại của Việt Nam được UNESCO công nhận:  
a/ Chèo   
b/ Quan họ   
c/ Ca trù   
d/ Không gian Văn hóa cộng đồng chiêm Tây Nguyên   
e/ Nhã nhạc cung đình Huế
12. Nghệ nhân hay nghệ sĩ chèo nổi tiếng mà anh( chị) biết?  
.....
13. Anh( chị ) có muốn đưa chèo vào trong chương trình du lịch của mình không?  
a/ Có  b/ Không

14. Theo anh (chị) đưa chèo vào phục vụ phát triển du lịch bằng cách nào?

- a. các dịp lễ hội
- b. các phương tiện thông tin đại chúng, đĩa nhạc, băng hình
- c. sự hiểu biết về chèo của hướng dẫn viên

Xin quý vị vui lòng cung cấp một số thông tin cá nhân:

Giới tính?

Nam

Nữ

Tuổi?

Dưới 19  Từ 20 đến 29

Từ 30 đến 39  Từ 40 đến 49

Từ 50 đến 59  Trên 60

Nghề nghiệp?

Thuộc cơ quan Nhà nước

Thuộc Doanh nghiệp

Học sinh – sinh viên

Giáo viên

Thương nhân – Chủ doanh nghiệp

Nghề nghiệp khác



*Nhân vật hề trong chèo*



*Hình ảnh nhân vật thầy cúng*





Hình ảnh về chèo Việt Nam



*Hình ảnh nhà hát chèo tham gia biểu diễn tại lễ khánh thành đền thờ Chu Văn An*



*Nhà hát chào mừng Đại Đảng bộ lần thứ XV của tỉnh*



Hình ảnh về vở diễn “ Bên gác Khuê” của nhà hát chèo Hải Dương



Hình ảnh: Lễ kỉ niệm 50 năm thành lập Nhà hát Chèo hải Dương



Trống Cái



Trống Đé



Trống Com



Sáo



Thanh la



Sênh Tiền



Mõ



Đàn Nguyệt



Đàn Nhị

Nhạc cụ trong chèo

## **Mục Lục**

<b>LỜI CẢM ƠN</b> .....	1
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	2
<b>CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU CHÈO TRUYỀN THỐNG.</b> .....	5
1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Chèo.....	5
1.1.1 Câu chuyện truyền thuyết về bà tổ nghề hát chèo.....	5
1.1.2 Lịch sử hình thành và phát triển của chèo .....	6
1.2 Đặc trưng nghệ thuật của Chèo.....	8
1.2.1 Về tên gọi của Chèo và nội dung của chèo. ....	8
1.2.1.1 Tên gọi của chèo. ....	8
1.2.1.2 Nội Dung.....	9
1.2.2 Nhân vật trong Chèo .....	9
1.2.3 Kỹ thuật kịch.....	10
1.2.4 Âm nhạc trong chèo. ....	10
1.2.5 Tư duy trong chèo. ....	12
1.2.5.1 Tư duy thơ.....	12
1.2.5.2 Tư duy huyền thoại . ....	14
1.2.5.3 Tư duy chèo là tư duy ước lệ. ....	15
1.2.6 Nhạc cụ.....	17
1.2.6.1 Trống Cái.....	17
1.2.6.2 Trống cơm .....	18
1.2.6.4 Mũ.....	19
1.2.6.5 Sênh.....	20
1.2.6.6 Thanh La .....	21
1.2.6.7 Đàn Nguyệt .....	21
1.2.6.8 Đàn Nhị.....	23
1.2.6.9 Sáo.....	24
1.2.7 Sân khấu chèo. ....	25

1.2.8 Múa trong Chèo.....	26
1.2.9 Phân loại Chèo. ....	26
1.2.9.1 Chèo sân đình:.....	27
1.2.9.2 Chèo cải lương .....	30
1.2.9.3 Chèo Chải Hê .....	31
1.2.9.4 Chèo hiện đại.....	33
1.3 Giá trị của Chèo .....	33
1.3.1. Giá trị lịch sử.....	33
1.3.2 Giá trị nghệ thuật của chèo. ....	35
1.3.3 Giá trị hiện thực của chèo. ....	36
<b>Tiểu kết chương 1.....</b>	<b>38</b>
<b>CHƯƠNG 2: TÌM HIỂU NGHỆ THUẬT CHÈO HẢI DƯƠNG.....</b>	<b>39</b>
2.1 Tổng quan về tỉnh Hải Dương.....	39
2.1.1 Điều kiện tự nhiên. ....	39
2.1.1.1 Vị trí địa lí. ....	39
2.1.1.2 Địa hình. ....	39
2.1.1.3 Khí hậu .....	40
2.1.1.4 Tài nguyên nước.....	40
2.1.2 Điều kiện về dân cư - kinh tế - xã hội.....	40
2.1.3 Tài nguyên du lịch.....	42
2.1.3.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên. ....	42
2.1.3.2 Tài nguyên du lịch nhân văn. ....	45
2.2 Khái quát về nghệ thuật chèo Hải Dương. ....	57
2.2.1 Lịch sử hình thành và phát triển của nghệ thuật chèo hải Dương. ....	57
2.2.2 Đặc trưng nghệ thuật chèo Hải Dương. ....	60
2.3 Thực trạng khai thác nghệ thuật Chèo Hải Dương trong đời sống và hoạt động du lịch. ....	64
2.3.1 Biểu diễn chèo trong các lễ hội làng, tiệc mừng.....	64
2.3.2 Biểu diễn chèo tại các rạp trong thành phố.....	65

2.3.3 Khai thác trong các dịp đi lưu diễn, biểu diễn. ....	65
2.3.4 Khai thác nghệ thuật Chèo trong hoạt động du lịch. ....	69
<b>Tiểu kết chương 2</b> .....	71
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM BẢO TỒN VÀ KHAI THÁC HIỆU QUẢ NGHỆ THUẬT CHÈO PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH HẢI DƯƠNG.</b> ....	73
3.1 Định hướng, qui hoạch phát triển của Du lịch Hải Dương 2020.....	73
3.2. Một số giải pháp bảo tồn nghệ thuật Chèo Hải Dương .....	76
3.2.1. Mở các lớp đào tạo nghệ thuật Chèo .....	76
3.2.2. Tăng cường công tác nghiên cứu .....	79
3.2.3. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế.....	80
3.3. Giải pháp để khai thác hiệu quả nghệ thuật chèo trong phát triển du lịch Hải Dương.....	82
<b>Tiểu kết chương 3</b> .....	96
<b>KẾT LUẬN</b> .....	97
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	100
<b>PHỤ LỤC</b> .....	